

LỊCH THI KỶ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026 (ĐẠI HỌC)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1	251VIE42801	Âm nhạc Việt Nam	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		12/11/2025		Đặng Thanh Liêm (26016)	
2	251INT32501	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	16/12/2025	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3	251INT32502	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43					Nguyễn Minh Thi (60151)	
4	251INT32503	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	37					Nguyễn Minh Thi (60151)	
5	251INT32504	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
6	251INT32505	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Nguyễn Minh Thi (60151)	
7	251INT32506	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Nguyễn Minh Thi (60151)	
8	251INT32507	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	16/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
9	251INT32508	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Nguyễn Minh Thi (60151)	
10	251INT32509	An toàn mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42					Nguyễn Minh Thi (60151)	
11	251INT32801	An toàn mạng máy tính nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		12/12/2025		Dương Trọng Khang (60775)	
12	251INT32802	An toàn mạng máy tính nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Dương Trọng Khang (60775)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
13	251NUR42501	An toàn người bệnh	2.00	Khoa Y Dược	1	Bài tập lớn		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
14	251BIO31301	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	54	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	BMT002 (25) ; DMT012 (30)	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
15	251ECO50701	An toàn và bảo mật thông tin trong TMDT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Mỹ Hà (61469)	
16	251TRA40801	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Khoa Du lịch	59	Tự luận 90	13h30	09/12/2025	BPH104 (29) ; DPH016 (30)	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	
17	251TRA40802	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 90	08h00	08/12/2025	HEC603 (70)	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	
18	251TRA40803	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Khoa Du lịch	58	Tự luận 90	13h30	09/12/2025	DPH009 (29) ; DPH014 (29)	Phan Minh Châu (61148)	
19	251HOS31801	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Khoa Du lịch	56	Tiểu luận		22/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
20	251HOS45201	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3.00	Khoa Du lịch	54	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
21	251HOS45202	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3.00	Khoa Du lịch	70	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
22	251HOS45203	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3.00	Khoa Du lịch	56	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
23	251HOS45204	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
24	251MMC30301	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	68	Báo cáo		09/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
25	251MMC30302	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Báo cáo		15/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
26	251BUS41001	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	61	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
27	251BUS41002	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
28	251MAR40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
29	251MAR40402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
30	251MAR40403	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
31	251MAR40404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
32	251MAR40405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
33	251MAR40406	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
34	251MAR40407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
35	251MAR40408	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/10/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
36	251MAR40409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/10/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
37	251MAR40410	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/10/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
38	251MAN40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
39	251MAN40402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
40	251MAN40403	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
41	251MAN40404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
42	251MAN40405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
43	251HUR41601	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Quản trị nhân lực	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
44	251HUR41602	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Quản trị nhân lực	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
45	251HUR41604	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Quản trị nhân lực	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	38	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
46	251ECO41501	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
47	251ECO41502	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
48	251ECO41503	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
49	251ECO41504	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
50	251ECO41505	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
51	251FIN43201	Bảo hiểm	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	HEC703 (45) ; HEC706 (35)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
52	251FIN43202	Bảo hiểm	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	HEC706 (35) ; HEC709 (45)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
53	251FIN43203	Bảo hiểm	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	73	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	HEC605 (36) ; HEC705 (37)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
54	251PUR42301	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59	Tiểu luận		28/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
55	251PUR42302	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		09/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
56	251PUR42303	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		28/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
57	251PUR42304	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		09/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
58	251PUR42305	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		22/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
59	251PUR42306	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	61	Tiểu luận		03/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
60	251PUR42307	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		22/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
61	251PUR42308	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		03/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
62	251PUR42309	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		26/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
63	251PUR42310	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
64	251PUR42311	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		26/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
65	251PUR42312	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
66	251PUR42313	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
67	251PUR42314	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
68	251PUR42315	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
69	251PUR42316	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
70	251PUR42317	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
71	251PUR42318	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
72	251PUR42319	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
73	251PUR42320	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
74	251INT440901	Bảo mật web và ứng dụng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	78	Tự luận 60	09h40	08/12/2025	HEC609 (38) ; HEC709 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
75	251INT440902	Bảo mật web và ứng dụng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Dương Trọng Khang (60775)	
76	251INT440903	Bảo mật web và ứng dụng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Dương Trọng Khang (60775)	
77	251ENG40101	Biên dịch nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Tự luận 90	09h40	12/12/2025	BPH102 (43)	Trần Xuân Trang (60913)	
78	251ENG49401	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		28/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
79	251ENG49402	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
80	251ENG33801	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
81	251ENG33802	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
82	251ENG33803	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
83	251ENG33804	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
84	251ENG33805	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
85	251ENG33806	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
86	251ENG49501	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	42	Báo cáo		28/12/2025		Võ Huỳnh Đông Vũ (60491), Đỗ Huy Liêm (61435)	
87	251ENG49502	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	42					Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
88	251KOR41201	Biên phiên dịch 2	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43	Bài tập lớn		02/12/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
89	251KOR41301	Biên phiên dịch 3	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49	Bài tập lớn		08/12/2025		Cao Thúy Oanh (25004)	
90	251JAP40201	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Tự luận 60	15h10	09/12/2025	HEC706 (22)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
91	251JAP40202	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
92	251JAP40101	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	09h40	11/12/2025	HEC703 (40)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
93	251JAP40102	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
94	251GRA42201	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49	Tiểu luận		12/11/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
95	251GRA42202	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Đặng Văn Lực (60719)	
96	251GRA42207	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		30/10/2025		Tôn Thất Hoài (61098)	
97	251GRA42208	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	39					Trần văn Tiền (61441)	
98	251GRA42209	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	41					Trần văn Tiền (61441)	
99	251ART20101	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Khoa Nghệ thuật	30	Biểu diễn		11/12/2025		Trần Xuân Trường (60738)	
100	251ART20102	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Khoa Nghệ thuật	30	Biểu diễn		11/12/2025		Trần Thị Thục (60055)	
101	251ART37701	Biểu diễn ban nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	52	Biểu diễn		19/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
102	251TRA41001	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	31	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	DPH017 (31)	Trần Thanh Tuấn (61167)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
103	251SOS20301	Các nền văn minh thế giới	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (40)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
104	251PUR43301	Các thể loại báo chí	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		23/10/2025		Phan Thị Tuyết Hương (61178)	
105	251PUR43302	Các thể loại báo chí	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	51	Tiểu luận		11/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
106	251PUR43303	Các thể loại báo chí	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	73	Tiểu luận		06/11/2025		Phan Thị Tuyết Hương (61178)	
107	251SOS20401	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
108	251SOS20402	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
109	251SOS20403	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
110	251SOS20404	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
111	251SOS20405	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		26/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
112	251SOS20406	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Hải Triều (60927)	
113	251SOS20407	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Hải Triều (60927)	
114	251SOS20408	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
115	251SOS20409	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		01/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
116	251SOS20410	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		01/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
117	251SOS20411	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
118	251ELE30201	CAD cho điện tử	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	39	Thực hành		09/12/2025		Đàm Quốc Việt (60992)	
119	251ELE30202	CAD cho điện tử	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Thực hành		09/12/2025		Đàm Quốc Việt (60992)	
120	251INT32101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	100	Tự luận 90	15h10	26/12/2025	DPH004 (70) ; DPH017 (30)	Dương Quang Triết (60165)	
121	251INT32102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Dương Quang Triết (60165)	
122	251INT32103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Dương Quang Triết (60165)	
123	251INT32104	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	15h10	26/12/2025	BPH103 (42) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
124	251INT32105	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lương Thái Hiền (01005)	
125	251INT32106	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Lương Thái Hiền (01005)	
126	251INT32107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	83	Tự luận 90	15h10	26/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (43)	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	
127	251INT32108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Lương Thái Hiền (01005)	
128	251INT32109	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Lương Thái Hiền (01005)	
129	251INT32110	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	15h10	26/12/2025	BPH105 (42) ; BPH106 (40)	Lương Thái Hiền (01005)	
130	251INT32111	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Dương Đình Dũng (60056)	
131	251INT32112	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Lương Thái Hiền (01005)	
132	251NUR44801	Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	2.00	Khoa Y Dược	30	Trắc nghiệm	13h30	13/12/2025	BPH007 (30)	Lý Hải Phượng (61313)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
133	251NUR44001	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe tâm thần	2.00	Khoa Y Dược	35	Trắc nghiệm	15h10	24/12/2025	HEC703 (35)	Trần Thị Huyền (60682)	
134	251NUR44201	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, hoặc đang cho con bú	2.00	Khoa Y Dược	30	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	HEC605 (30)	Huỳnh Ngọc Phương Quế (61077)	
135	251NUR44401	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2.00	Khoa Y Dược	30	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	BPH008 (30)	Lê Thị Uyên Ly (60876)	
136	251ECO41901	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	91	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Đại Nhân (61358)	
137	251ECO41902	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	91	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Đại Nhân (61358)	
138	251MAR43501	Chiến lược và chính sách giá	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
139	251MAR43502	Chiến lược và chính sách giá	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
140	251INR30501	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34	Tự luận 60	08h00	23/12/2025	BPH108 (34)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
141	251INR30502	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34					Phan Thị Hải Yến (60888)	
142	251SOC30101	Chính sách xã hội	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		28/10/2025		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
143	251POL10701	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	08h00	05/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đinh Công Thanh Tùng (60581)	
144	251POL10702	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	09h40	05/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đinh Công Thanh Tùng (60581)	
145	251POL10703	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đinh Công Thanh Tùng (60581)	
146	251POL10704	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đinh Công Thanh Tùng (60581)	
147	251POL10705	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đinh Công Thanh Tùng (60581)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
148	251POL10706	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
149	251POL10707	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	DMT012 (40) ; DMT018 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
150	251POL10708	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
151	251POL10709	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
152	251POL10710	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
153	251POL10711	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
154	251POL10712	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	05/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
155	251POL10713	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Trắc nghiệm	15h10	03/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (39)	Nguyễn Ngọc Kim Ngân (60863)	
156	251POL10714	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
157	251POL10715	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	13/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
158	251POL10716	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	13/12/2025	BPH007 (35) ; BPH013 (35) ; BPH102 (35) ; BPH106 (45)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
159	251POL10717	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	08h00	03/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (49) ; DMT019 (49)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
160	251POL10718	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Trắc nghiệm	09h40	05/12/2025	DMT018 (44) ; DMT019 (44)	Phạm Đình Huân (61408)	
161	251POL10719	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Phạm Đình Huân (61408)	
162	251POL10720	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	13/12/2025	BPH007 (37) ; BPH013 (37) ; BPH106 (38) ; BPH108 (38)	Tô Thanh My (60497)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
163	251POL10721	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
164	251POL10722	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	03/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
165	251POL10723	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	03/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
166	251POL10724	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
167	251POL10725	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	02/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
168	251POL10726	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	13h30	01/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Phạm Việt Em (61045)	
169	251POL10727	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	DMT011 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Phạm Việt Em (61045)	
170	251POL10728	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
171	251POL10729	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
172	251POL10730	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (49)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
173	251GRA51101	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	6	Đồ án		13/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
174	251INT51201	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		13/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	
175	251INT51301	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	4	Đồ án		13/12/2025		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
176	251INT51302	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
177	251INT51401	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		13/12/2025		Tổng Minh Đạt (61282)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
178	251GRA51201	Chuyên đề 2: UX-UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	6	Đồ án		13/12/2025		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
179	251INT51501	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		13/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
180	251INT51701	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		13/12/2025		Quách Anh Dũng (01014)	
181	251INT51702	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	4	Đồ án		13/12/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
182	251INT51801	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		13/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
183	251ORI40101	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Bài tập lớn		08/12/2025		Cao Thúy Oanh (25004)	
184	251ORI40102	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Cao Thúy Oanh (25004)	
185	251INT31401	Cơ sở dữ liệu	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	55	Tự luận 60	08h00	19/12/2025	DPH020 (27) ; DPH022 (28)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
186	251INT31402	Cơ sở dữ liệu	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	DPH006 (72)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
187	251INT31403	Cơ sở dữ liệu	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 60	08h00	19/12/2025	DPH004 (72)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
188	251INT31404	Cơ sở dữ liệu	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
189	251INT32301	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	15/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Trần Văn Ngân (61155)	
190	251INT32302	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	48					Đặng Văn Lực (60719)	
191	251INT32303	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Đặng Văn Lực (60719)	
192	251INT32304	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	BPH013 (40) ; BPH105 (40)	Đặng Văn Lực (60719)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
193	251INT32305	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Đặng Văn Lực (60719)	
194	251INT32306	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Đặng Văn Lực (60719)	
195	251INT32307	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
196	251INT32308	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
197	251INT32309	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	35					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
198	251INT32310	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	15/12/2025	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
199	251INT32311	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	30					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
200	251INT32312	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
201	251INT32313	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 90	15h10	12/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
202	251INT32314	Cơ sở dữ liệu	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
203	251INT401101	Cơ sở dữ liệu phân tán	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42	Tiểu luận		12/11/2025		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
204	251INT401102	Cơ sở dữ liệu phân tán	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42					Lê Ngọc Hiếu (60824)	
205	251LIT42601	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		27/10/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
206	251LIT42602	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	51	Tiểu luận		08/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
207	251FOT44701	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm và thực hành	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	73	Tự luận 90	09h40	11/12/2025	HEC705 (35) ; HEC706 (38)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
208	251INT412101	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	DPH005 (72)	Lê Thanh Phong (60650)	
209	251INT412102	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	39					Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
210	251INT412103	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Lương Thái Hiền (01005)	
211	251INT412104	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	BPH102 (41) ; BPH108 (41)	Lương Thái Hiền (01005)	
212	251INT412105	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Hồ Nhật Minh (60390)	
213	251INT412106	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lương Thái Hiền (01005)	
214	251TRA43401	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2.00	Khoa Du lịch	32	Tự luận 60	09h40	09/12/2025	HEC709 (32)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
215	251FOT42401	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	54	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH111 (27) ; BPH112 (27)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
216	251FOT44001	Công nghệ chế biến lương thực	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	56	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	BPH008 (28) ; BPH012 (28)	Huỳnh Thành Đạt (60724)	
217	251FOT43801	Công nghệ chế biến rau quả	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	77	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	HEC510 (37) ; HEC609 (40)	Huỳnh Thành Đạt (60724)	
218	251FOT44801	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Trắc nghiệm	15h10	03/12/2025	BMT002 (30)	Lâm Đức Cường (60226)	
219	251FOT44802	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		20/10/2025		Lâm Đức Cường (60226)	
220	251FOT44804	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Trắc nghiệm	15h10	17/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (30)	Lâm Đức Cường (60226)	
221	251FOT44805	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		17/11/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
222	251FOT44806	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		08/12/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
223	251BIO44801	Công nghệ Enzyme	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	31	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	DMT012 (31)	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
224	251FOT44901	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	49	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	HEC603 (49)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
225	251FOT44902	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		20/10/2025		Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)	
226	251FOT44903	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	19	Thực hành		26/12/2025		Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)	
227	251FOT44907	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	HEC703 (30)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
228	251FOT44908	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		20/12/2025		Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)	
229	251FOT45001	Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	44	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	DMT019 (44)	Trần Thị Thu Ngân (60584)	
230	251FOT45002	Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		26/11/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
231	251FOT45003	Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành		30/11/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
232	251FOT43401	Công nghệ sau thu hoạch	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	44	Trắc nghiệm	15h10	23/12/2025	HEC503 (44)	Huỳnh Thành Đạt (60724)	
233	251HOS41301	Đại cương khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	19	Tự luận 90	09h40	13/12/2025	BPH107 (19)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
234	251VIE40301	Đại cương văn học viết Việt Nam	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34	Tiểu luận		04/12/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
235	251ENG53001	Đánh giá bản dịch	3.00	Khoa Ngoại ngữ	44	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Huy Liêm (61435)	
236	251FOT45201	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BPH014 (30)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
237	251FOT45202	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		04/12/2025		Huỳnh Thành Đạt (60724)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
238	251FOT45204	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	59	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BPH111 (29) ; BPH112 (30)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
239	251FOT45205	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		25/11/2025		Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
240	251FOT45206	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	29	Thực hành		16/12/2025		Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
241	251FOT45207	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	DPH017 (30)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
242	251FOT45208	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		03/12/2025		Huỳnh Thành Đạt (60724)	
243	251HOS41401	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Khoa Du lịch	51	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	HEC603 (51)	Tô Hồng Gấm (60506)	
244	251HUR40401	Đánh giá và phát triển nhân viên	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		15/11/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
245	251CTE40201	Đạo diễn điện ảnh và chương trình truyền hình	2.00	Khoa Nghệ thuật	11	Báo cáo		15/12/2025		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
246	251CTE40202	Đạo diễn điện ảnh và chương trình truyền hình	2.00	Khoa Nghệ thuật	11					Lê Hữu Phước Thành (61515)	
247	251PUR30601	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		25/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
248	251PUR30602	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		06/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
249	251PUR30603	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		25/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
250	251PUR30604	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		06/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
251	251PUR30605	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		26/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
252	251PUR30606	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		07/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
253	251PUR30607	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		02/11/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
254	251PUR30608	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		14/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
255	251PUR30609	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		24/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
256	251PUR30610	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		05/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
257	251PUR30611	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		24/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
258	251PUR30612	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		05/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
259	251PUR30613	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		28/10/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
260	251PUR30614	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		09/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
261	251BUS30201	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
262	251BUS30202	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
263	251BUS30203	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
264	251BUS30204	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
265	251BUS30205	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/11/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
266	251BUS30206	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/11/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
267	251BUS30207	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
268	251BUS30208	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
269	251BUS30209	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
270	251BUS30210	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
271	251BUS30211	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
272	251BUS30212	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	102	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
273	251BUS30213	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	92	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	
274	251BUS30214	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	
275	251BUS30215	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	
276	251BUS30216	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	
277	251BUS30217	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
278	251BUS30218	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
279	251BUS30219	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)	
280	251CHI45301	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	HEC709 (40)	Trương Tư Triển (60286)	
281	251CHI45302	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
282	251CHI45303	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	HEC709 (40)	Trương Tư Triển (60286)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
283	251CHI45304	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
284	251CHI45305	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	HEC609 (40)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
285	251CHI45306	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
286	251CHI45307	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	HEC510 (38)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
287	251CHI45308	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
288	251INT55201	ĐATN Hệ thống thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		28/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	
289	251ELE53903	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	4	Đồ án		15/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
290	251INT50401	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		28/12/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
291	251INT50201	ĐATN Mạng máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		28/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
292	251GRA50203	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		28/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
293	251MMC50201	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	8	Đồ án		12/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
294	251MMC50202	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Đồ án		20/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
295	251MMC50203	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1	Đồ án		25/12/2025		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
296	251MMC50204	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Đồ án		20/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
297	251MMC50205	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Đồ án		13/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
298	251MMC50206	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	6	Đồ án		20/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
299	251MMC50207	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	5	Đồ án		25/12/2025		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
300	251MMC50208	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1	Đồ án		19/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
301	251MMC50209	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	2	Đồ án		14/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
302	251MMC50210	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	2	Đồ án		20/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
303	251MMC50212	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	4	Đồ án		20/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
304	251MMC50213	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Đồ án		20/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
305	251FIN44701	Đầu tư tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tự luận 90	09h40	22/12/2025	HEC703 (30)	Trần Mạnh Trí (60424)	
306	251FIN44702	Đầu tư tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Tự luận 90	09h40	22/12/2025	HEC609 (34) ; HEC709 (35)	Trần Mạnh Trí (60424)	
307	251INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	121	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (41)	Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
308	251INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	120	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
309	251INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Dương Quang Triết (60165)	
310	251INT20104	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Dương Quang Triết (60165)	
311	251INT20105	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
312	251INT20106	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
313	251INT20107	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	08/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
314	251INT20108	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
315	251INT20109	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	120	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đỗ Đình Trang (01011)	
316	251INT20110	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	120	Trắc nghiệm	15h10	08/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Đỗ Đình Trang (01011)	
317	251INT20111	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	120	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Trần Trung Tín (61258)	
318	251INT20112	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	120	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Trần Trung Tín (61258)	
319	251COE30301	Địa chất công trình	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	54	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	HEC705 (27) ; HEC706 (27)	Võ Nhật Luân (61034)	
320	251COE30302	Địa chất công trình	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	54	Thực hành		08/12/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
321	251JAP42401	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		26/12/2025		Trương Thanh Tùng (60283)	
322	251TOU30101	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH108 (30) ; BPH110 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
323	251TOU30102	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	34	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH109 (34)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
324	251ORI30801	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	18	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	BPH009 (18)	Võ Minh Hùng (61136)	
325	251ORI30802	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	18					Võ Minh Hùng (61136)	
326	251HOS41001	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Khoa Du lịch	37	Tự luận 90	13h30	24/12/2025	BPH102 (37)	Tô Hồng Gấm (60506)	
327	251HOS41002	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Khoa Du lịch	45	Tự luận 90	13h30	24/12/2025	BPH007 (45)	Tô Hồng Gấm (60506)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
328	251TRA41301	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Du Quốc Đạo (60734)	
329	251TRA41302	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Mai lý Hiền (61529)	
330	251TRA41303	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Lưu Tuấn Anh (60447)	
331	251TRA41304	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Tạ Đức Thụy (61530)	
332	251TRA41305	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hồng Vương (61024)	
333	251TRA41306	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
334	251TRA41307	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Trần Tuyên (60059)	
335	251TRA41308	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Anh Tuấn (61453)	
336	251TRA41309	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	41	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
337	251TRA41310	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
338	251TRA41311	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
339	251TRA41312	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
340	251TRA41313	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Thị Loan (60190)	
341	251TRA41314	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	41	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
342	251TRA41315	Điền dã lữ hành	1.00	Khoa Du lịch	41	Tiểu luận		28/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
343	251INT413101	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/12/2025	BPH106 (40) ; BPH108 (40)	Lê Thanh Phong (60650)	
344	251INT413102	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Lê Thanh Phong (60650)	
345	251INT413103	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Lê Thanh Phong (60650)	
346	251INT413104	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	55	Trắc nghiệm	15h10	22/12/2025	BPH111 (27) ; BPH112 (28)	Lê Thanh Phong (60650)	
347	251INT413105	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	28					Lê Thanh Phong (60650)	
348	251INT413106	Điện toán đám mây	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27					Lê Thanh Phong (60650)	
349	251ELE32901	Điện tử số	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH008 (25) ; BPH105 (35)	Phan Văn Hiệp (01040)	
350	251ELE32902	Điện tử số	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		20/10/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
351	251ELE32903	Điện tử số	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		21/10/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
352	251ELE33704	Điện tử tương tự	4.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	DPH022 (30)	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
353	251ELE33706	Điện tử tương tự	4.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		16/12/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
354	251NUR42801	Điều dưỡng cơ bản 1	2.00	Khoa Y Dược	39	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BPH107 (39)	Trần Thị Huyền (60682)	
355	251NUR42802	Điều dưỡng cơ bản 1	2.00	Khoa Y Dược	43	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	BPH008 (43)	Nhữ Thị Thúy (61317)	
356	251FOT43501	Dinh dưỡng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Bài tập lớn		15/11/2025		Đinh Thị Thủy (02162)	
357	251FOT43502	Dinh dưỡng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	50	Bài tập lớn		15/12/2025		Đinh Thị Thủy (02162)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
358	251NUR41501	Dinh dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	60	Trắc nghiệm	09h40	05/12/2025	BPH008 (30) ; BPH012 (30)	Bùi Thị Hiền (61348)	
359	251NUR41502	Dinh dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	28	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	DMT012 (28)	Nhữ Thị Thúy (61317)	
360	251HOS41201	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	BPH008 (30) ; BPH009 (30)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
361	251FIN40701	Định giá doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	27	Tự luận 90	15h10	08/12/2025	HEC609 (27)	Trần Mạnh Trí (60424)	
362	251FIN40702	Định giá doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	08/12/2025	HEC503 (35) ; HEC510 (30)	Trần Mạnh Trí (60424)	
363	251INT49701	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		13/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
364	251INT48401	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		13/12/2025		Cao Hoàng Khải (61279)	
365	251ELE42203	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	9	Đồ án		15/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
366	251ELE42205	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	Đồ án		15/12/2025		Đàm Quốc Việt (60992)	
367	251INT45901	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		13/12/2025		Hồ Văn Ngọc (01028)	
368	251ELE30501	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	5	Đồ án		15/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
369	251ELE30502	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	5	Đồ án		15/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
370	251MMC42601	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	15	Đồ án		06/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
371	251MMC42602	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	15	Đồ án		18/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
372	251MMC42603	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	12	Đồ án		10/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
373	251MMC42604	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	7	Đồ án		11/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
374	251MMC41601	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Đồ án		10/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
375	251MMC41602	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Đồ án		23/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
376	251GRA40701	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		07/11/2025		Đào Thị Xuân Hường (60979)	
377	251GRA40702	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Đào Lê Phương Anh (60651)	
378	251GRA40703	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Đào Lê Phương Anh (60651)	
379	251GRA40704	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	53	Tiểu luận		08/12/2025		Hồ Thanh Phương (61440)	
380	251GRA40705	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	20					Đào Lê Phương Anh (60651)	
381	251GRA40706	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Đào Lê Phương Anh (60651)	
382	251GRA41401	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		28/10/2025		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
383	251GRA41402	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
384	251GRA41403	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
385	251GRA41404	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		28/10/2025		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
386	251GRA41405	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
387	251GRA41406	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
388	251ELE33404	Đo lường và thiết bị đo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	32	Tự luận 90	09h40	10/12/2025	HEC510 (32)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
389	251ELE33405	Đo lường và thiết bị đo	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	32	Thực hành		07/12/2025		Hồ Quốc Bảo (60932)	
390	251TRA41201	Du lịch sinh thái	2.00	Khoa Du lịch	39	Tổng hợp	15h10	08/12/2025	HEC703 (39)	Đặng Hoàng Lan (61516)	
391	251MAR40501	E - Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
392	251MAR40502	E - Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Văn Khoa (60984)	
393	251MAR40503	E - Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	95	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
394	251MAR40504	E - Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	95	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
395	251PHT12101	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Nguyễn Văn Tạng (60596)	
396	251PHT12105	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/12/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
397	251PHT12106	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
398	251PHT12107	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
399	251PHT12108	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
400	251PHT12109	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
401	251PHT12001	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		27/11/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
402	251PHT12002	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	52	Thực hành		27/11/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
403	251PHT12005	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	54	Thực hành		14/10/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
404	251PHT12401	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
405	251PHT12402	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		27/11/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
406	251PHT12403	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
407	251PHT12404	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
408	251PHT12405	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
409	251PHT12406	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
410	251PHT12407	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
411	251PHT12408	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
412	251PHT12409	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
413	251PHT12410	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
414	251PHT12411	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
415	251PHT12412	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
416	251PHT12413	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
417	251PHT12414	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	54	Thực hành		25/11/2025		Lương Phương Bình (60746)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
418	251PHT12415	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	48	Thực hành		19/11/2025		Lương Phương Bình (60746)	
419	251PHT10601	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
420	251PHT10602	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
421	251PHT10603	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
422	251PHT10604	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
423	251PHT11001	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Phạm Xích Nam (61083)	
424	251PHT11003	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	53	Thực hành		14/10/2025		Ngô Đăng Khoa (60162)	
425	251PHT11004	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Ngô Đăng Khoa (60162)	
426	251PHT11005	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	48	Thực hành		08/10/2025		Ngô Đăng Khoa (60162)	
427	251PHT10801	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		20/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
428	251PHT10802	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		20/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
429	251PHT10803	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
430	251PHT10804	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
431	251PHT10805	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
432	251PHT10806	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		08/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
433	251PHT10807	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		09/10/2025		Đoàn Thanh Triền (60521)	
434	251PHT10821	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		20/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
435	251PHT10823	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
436	251PHT10824	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
437	251PHT10825	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
438	251PHT10826	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	50	Thực hành		08/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
439	251PHT10827	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
440	251PHT10828	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	56	Thực hành		09/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
441	251PHT10829	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		10/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
442	251PHT10830	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	53	Thực hành		10/10/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
443	251PHT10701	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	
444	251PHT10702	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	
445	251PHT10703	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	
446	251PHT10705	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	
447	251PHT10706	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
448	251PHT10707	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Hoàng Hải Dương (60924)	
449	251PHT10709	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
450	251PHT10710	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
451	251PHT10725	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
452	251PHT10901	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
453	251PHT10902	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
454	251PHT10915	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
455	251PHT10928	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Nguyễn Trương Phương Uyên (61239)	
456	251PHT11201	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
457	251PHT11202	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
458	251PHT11203	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		28/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
459	251PHT11204	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		28/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
460	251PHT11205	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
461	251PHT11206	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
462	251PHT11207	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		23/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
463	251PHT11208	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		23/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
464	251PHT11211	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
465	251PHT11212	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	55	Thực hành		25/10/2025		Nguyễn Hương Liên (60853)	
466	251PHT11215	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/10/2025		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
467	251PHT11216	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	50	Thực hành		28/10/2025		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
468	251PHT11217	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	51	Thực hành		22/10/2025		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
469	251PHT11218	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	55	Thực hành		23/10/2025		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
470	251PHT11219	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	48	Thực hành		24/10/2025		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
471	251PHT11101	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
472	251PHT11102	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
473	251PHT11103	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
474	251PHT11104	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
475	251PHT11105	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
476	251PHT11106	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
477	251PHT11107	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
478	251PHT11108	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
479	251PHT11109	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
480	251PHT11110	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
481	251PHT11111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
482	251PHT11112	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
483	251PHT11113	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
484	251PHT11114	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Lương Phương Bình (60746)	
485	251PHT11115	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		24/11/2025		Lương Phương Bình (60746)	
486	251PHT11116	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Lương Phương Bình (60746)	
487	251PHT11117	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	45	Thực hành		25/11/2025		Lương Phương Bình (60746)	
488	251PHT11129	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
489	251PHT11130	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
490	251PHT11901	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
491	251PHT11902	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
492	251PHT11903	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
493	251PHT11904	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
494	251PHT11905	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
495	251PHT11906	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
496	251PHT11907	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/10/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
497	251PHT11919	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
498	251PHT11929	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
499	251PHT11930	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
500	251PHT11401	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
501	251PHT11402	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
502	251PHT11403	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
503	251PHT11404	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		21/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
504	251PHT11405	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		21/11/2025		Võ Minh Tuấn (60925)	
505	251PHT11406	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Quách Văn Toàn (60926)	
506	251PHT11407	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/10/2025		Quách Văn Toàn (60926)	
507	251PHT11408	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Quách Văn Toàn (60926)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
508	251PHT11410	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Quách Văn Toàn (60926)	
509	251PHT11412	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		23/11/2025		Quách Văn Toàn (60926)	
510	251PHT11301	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
511	251PHT11305	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
512	251PHT11307	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
513	251PHT11308	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
514	251PHT11309	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
515	251PHT11311	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	58	Thực hành		27/11/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
516	251PHT11317	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
517	251PHT11319	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	58	Thực hành		09/10/2025		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
518	251PHT11501	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	48	Thực hành		11/10/2025		Nguyễn An Khang (61014)	
519	251PHT11509	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	41	Thực hành		25/11/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
520	251PHT11511	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/10/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
521	251PHT11512	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	43	Thực hành		14/10/2025		Trần Xuân Quang (60244)	
522	251PHT11513	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	49	Thực hành		27/11/2025		Trần Xuân Quang (60244)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
523	251PHT11701	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
524	251PHT11702	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
525	251PHT11703	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
526	251PHT11704	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
527	251PHT11705	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
528	251PHT11706	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
529	251PHT11707	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
530	251PHT11708	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
531	251PHT11709	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
532	251PHT11710	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/10/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
533	251PHT11711	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
534	251PHT11712	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
535	251PHT11713	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
536	251PHT11714	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
537	251PHT11715	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
538	251PHT11716	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		19/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
539	251PHT11717	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		21/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
540	251PHT11718	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		21/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
541	251PHT11719	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		23/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
542	251PHT11720	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		23/11/2025		Trần Gia Vượng (60922)	
543	251PHT11721	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		22/11/2025		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
544	251PHT12601	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	57	Thực hành		13/10/2025		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
545	251PHT12625	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		24/11/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
546	251PHT12626	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		25/11/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
547	251PHT12627	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		19/11/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
548	251PHT12628	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/11/2025		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
549	251MAR43801	Giải trí và truyền thông	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	43	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Trung Việt (61199)	
550	251MAR43802	Giải trí và truyền thông	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	39	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Trung Việt (61199)	
551	251BUS44002	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	58	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Thị Hiền (61315)	
552	251BUS44006	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	31	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Khắc Tồn (61429)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
553	251PHT10101	Giáo dục thể chất 1	1.00	Viện Khoa học thể thao	150	Thực hành		21/11/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
554	251PHT10201	Giáo dục thể chất 2	1.00	Viện Khoa học thể thao	138	Thực hành		21/11/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
555	251PHT10301	Giáo dục thể chất 3	1.00	Viện Khoa học thể thao	151	Thực hành		10/10/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
556	251PHT10302	Giáo dục thể chất 3	1.00	Viện Khoa học thể thao	151	Thực hành		10/10/2025		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
557	251PHT10303	Giáo dục thể chất 3	1.00	Viện Khoa học thể thao	150	Thực hành		10/10/2025		Ngô Đăng Khoa (60162)	
558	251PHT10304	Giáo dục thể chất 3	1.00	Viện Khoa học thể thao	150	Thực hành		10/10/2025		Ngô Đăng Khoa (60162)	
559	251SOS20501	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	26/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
560	251SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	26/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
561	251SOS20503	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	70	Trắc nghiệm	09h40	26/12/2025	BMT004 (30) ; DMT019 (40)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
562	251SOS20504	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
563	251SOS20505	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	26/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
564	251SOS20506	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	15h10	25/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
565	251SOS20507	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	09h40	25/12/2025	BMT004 (31) ; DMT012 (49)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
566	251SOS20508	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	15h10	25/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
567	251SOS20509	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	09h40	26/12/2025	BMT002 (31) ; DMT018 (49)	Trương Thị Thúy Hằng (04041), Nguyễn Thành Đạo (05007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
568	251SOS20510	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	09h40	25/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Nguyễn Thành Đạo (05007), Phạm Thị Thanh Hòa (60250), Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
569	251SOS20511	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
570	251ORI30701	Hán tự học tổng hợp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tổng hợp	15h10	08/12/2025	HEC603 (44)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
571	251ORI30702	Hán tự học tổng hợp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44					Nguyễn Công Nguyên (25084)	
572	251BUS41701	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Phạm Phương Mai (02011)	
573	251BUS41702	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	49	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	HEC603 (49)	Phạm Phương Mai (02011)	
574	251BUS41703	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH013 (40) ; DPH009 (40)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
575	251BUS41704	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	DPH017 (28) ; DPH020 (26) ; DPH022 (26)	Phạm Phương Mai (02011)	
576	251BUS41705	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH105 (40) ; BPH107 (39)	Đỗ Thị Hiền (61315)	
577	251BUS41706	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	DPH005 (70)	Phạm Phương Mai (02011)	
578	251BUS41707	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	DPH006 (70)	Phạm Phương Mai (02011)	
579	251BUS41708	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH103 (40) ; BPH107 (40)	Trần Thanh Quân (60375)	
580	251BUS41709	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	HEC703 (70)	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
581	251BUS41710	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	HEC609 (35) ; HEC709 (35)	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
582	251BUS41711	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH007 (35) ; BPH104 (35)	Mai Thị Hồng Đào (02109)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
583	251BUS41712	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	HEC503 (70)	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
584	251BUS41713	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH109 (40) ; BPH110 (30)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
585	251BUS41714	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	BPH104 (35) ; BPH108 (35)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
586	251BUS41715	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
587	251BUS41716	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	HEC703 (70)	Đỗ Thị Hiền (61315)	
588	251BUS41717	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	DPH005 (70)	Phạm Thị Diễm (07039)	
589	251BUS41718	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	DPH006 (70)	Phạm Thị Diễm (07039)	
590	251BUS41719	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH106 (35) ; BPH108 (35)	Phạm Thị Diễm (07039)	
591	251BUS41720	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tự luận 90	15h10	12/12/2025	BPH013 (35) ; BPH104 (34)	Trần Thanh Quân (60375)	
592	251BUS41721	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	BPH007 (35) ; DPH009 (35)	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
593	251BUS41722	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	12/12/2025	DPH009 (30) ; DPH014 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Quang Vinh (61090)	
594	251BUS41723	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	93	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH102 (31) ; BPH104 (31) ; BPH110 (31)	Nguyễn Quang Vinh (61090)	
595	251BUS41724	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	12/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30)	Nguyễn Quang Vinh (61090)	
596	251BUS41725	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Quang Vinh (61090)	
597	251BUS41726	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	12/12/2025	BPH007 (30) ; BPH102 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Quang Vinh (61090)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
598	251BUS41727	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
599	251BUS41728	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	BPH014 (30) ; BPH112 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
600	251BUS41729	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	HEC510 (30) ; HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)	
601	251BUS41730	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH013 (30) ; BPH106 (30) ; BPH108 (30)	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)	
602	251BUS41731	Hành vi tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH103 (47)	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)	
603	251MMC41501	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	63	Thực hành		06/12/2025		Trần Minh Hùng (60567)	
604	251MMC41502	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	63					Trần Minh Hùng (60567)	
605	251MMC41503	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Thực hành		06/12/2025		Trần Minh Hùng (60567)	
606	251MMC41504	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41					Trần Minh Hùng (60567)	
607	251INT41601	Hệ điều hành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	15h10	16/12/2025	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
608	251INT41602	Hệ điều hành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Trần Phong Vũ (60645)	
609	251INT41603	Hệ điều hành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	15h10	16/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
610	251INT41604	Hệ điều hành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	15h10	16/12/2025	BPH106 (40) ; BPH109 (40)	Trần Phong Vũ (60645)	
611	251INT41605	Hệ điều hành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	55	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH111 (27) ; BPH112 (28)	Hồ Văn Ngọc (01028), Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
612	251INT440301	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	BPH104 (41) ; BPH108 (41)	Trần Thanh Tú (60674)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
613	251INT440302	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	34					Nguyễn Đức Thụy (60964)	
614	251INT440303	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	48					Trần Thanh Tú (60674)	
615	251INT440304	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	BPH013 (40) ; DPH006 (42)	Trần Thanh Tú (60674)	
616	251INT440305	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Trần Thanh Tú (60674)	
617	251INT440306	Hệ điều hành Linux	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42					Trần Thanh Tú (60674)	
618	251INT440801	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	BPH102 (40) ; DPH005 (42)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
619	251INT440802	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	35					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
620	251INT440803	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
621	251ACC40401	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	
622	251ACC40402	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	
623	251ACC40403	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	
624	251ACC40404	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
625	251ACC40405	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
626	251ACC40406	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
627	251ACC40407	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
628	251ACC40408	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	47	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	
629	251INT403101	Hệ thống thông tin quản lý	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	21	Tiểu luận		26/10/2025		Tổng Minh Đạt (61282)	
630	251INT403102	Hệ thống thông tin quản lý	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	21					Tổng Minh Đạt (61282)	
631	251ELE32701	Hệ thống viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	28	Tiểu luận		18/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
632	251GRA41803	Hình họa	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	70	Tiểu luận		10/12/2025		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
633	251GRA41804	Hình họa	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	70					Lê Ngọc Hiếu (60824)	
634	251ART37101	Hòa âm 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	53	Tổng hợp	09h40	04/12/2025	HEC703 (53)	Đặng Thanh Liêm (26016)	
635	251ART37102	Hòa âm 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	53					Đặng Thanh Liêm (26016)	
636	251NAS30901	Hóa sinh đại cương	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	29	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	BMT004 (30)	Nguyễn Bùi Hữu Tuấn (61521)	
637	251FOT31701	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Trắc nghiệm	13h30	04/12/2025	HEC510 (30)	Lâm Đức Cường (60226)	
638	251FOT31702	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		12/12/2025		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
639	251CTE40801	Hóa trang điện ảnh, truyền hình	2.00	Khoa Nghệ thuật	10	Thực hành		20/12/2025		Nguyễn Tổ Loan (61525)	
640	251CTE40802	Hóa trang điện ảnh, truyền hình	2.00	Khoa Nghệ thuật	10					Phạm Ngọc Hiền (60522)	
641	251PUR44801	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
642	251PUR44802	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
643	251PUR44803	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
644	251PUR44804	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
645	251PUR44805	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		25/10/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
646	251PUR44806	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		06/12/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
647	251PUR44807	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		25/10/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
648	251PUR44808	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		06/12/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
649	251HUR40601	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/11/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
650	251TRA41501	Hoạt náo	3.00	Khoa Du lịch	54	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
651	251SOS30401	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH007 (39) ; DPH009 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
652	251SOS30402	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
653	251SOS30403	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	HEC503 (70)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
654	251SOS30404	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	71	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH013 (35) ; BPH102 (36)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
655	251SOS30405	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
656	251SOS30406	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
657	251SOS30407	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	75	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	DPH006 (75)	Lê Trần Quang Khang (61421)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
658	251SOS30408	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	47	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	DPH016 (47)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
659	251ART42201	Hợp xướng 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	50	Biểu diễn		20/12/2025		Hồ Duy Trường (60188)	
660	251ART42202	Hợp xướng 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	50					Hồ Duy Trường (60188)	
661	251CHI45401	HSK cao cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH102 (39)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
662	251CHI45402	HSK cao cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
663	251CHI45403	HSK cao cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH007 (40)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
664	251CHI45404	HSK cao cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
665	251MAR43102	Kế hoạch truyền thông Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	57	Tiểu luận		24/12/2025		Lương Quý Ngọc (61059)	
666	251ACC43801	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	08h00	25/12/2025	HEC603 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
667	251ACC43802	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
668	251ACC43803	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tổng hợp	09h40	25/12/2025	BPH111 (27) ; BPH112 (28)	Võ Tấn Liêm (60142)	
669	251ACC43804	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55					Võ Tấn Liêm (60142)	
670	251ACC43805	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	09h40	25/12/2025	HEC603 (50)	Võ Tấn Liêm (60142)	
671	251ACC43806	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Võ Tấn Liêm (60142)	
672	251ACC43807	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	09h40	25/12/2025	DPH005 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
673	251ACC43808	Kế toán chi phí	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
674	251LAW50701	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Tiểu luận		05/12/2025		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
675	251LAW50702	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tiểu luận		05/12/2025		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
676	251ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Tổng hợp	13h30	04/12/2025	DPH005 (71)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
677	251ACC40701	Kế toán Mỹ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Bài tập lớn		15/11/2025		Võ Tấn Liêm (60142)	
678	251ACC42501	Kế toán ngân hàng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	82	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (42)	Nguyễn Thành Long (02038)	
679	251ACC42502	Kế toán ngân hàng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	85	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	BPH105 (43) ; BPH107 (42)	Nguyễn Thành Long (02038)	
680	251ACC42503	Kế toán ngân hàng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	75	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	BPH013 (40) ; BPH110 (35)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
681	251ACC42506	Kế toán ngân hàng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	BPH104 (41) ; BPH106 (40)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
682	251ACC42507	Kế toán ngân hàng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	BPH102 (39) ; BPH103 (40)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
683	251ACC40901	Kế toán quản trị	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Tổng hợp	13h30	01/12/2025	HEC503 (71)	Nguyễn Đức Hải (06003)	
684	251ACC40902	Kế toán quản trị	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Tổng hợp	08h00	02/12/2025	HEC603 (71)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
685	251ACC40903	Kế toán quản trị	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	08h00	02/12/2025	HEC503 (70)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
686	251ACC40904	Kế toán quản trị	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	13h30	01/12/2025	HEC603 (70)	Võ Tấn Liêm (60142)	
687	251ACC40905	Kế toán quản trị	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Tổng hợp	13h30	01/12/2025	BPH008 (22) ; DPH017 (30)	Võ Tấn Liêm (60142)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
688	251ACC43901	Kế toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	33	Tổng hợp	13h30	02/12/2025	HEC706 (33)	Võ Tấn Liêm (60142)	
689	251ACC43902	Kế toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	51	Tổng hợp	13h30	02/12/2025	HEC703 (51)	Võ Tấn Liêm (60142)	
690	251ACC43501	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	DPH005 (50)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
691	251ACC43502	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
692	251ACC43503	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	09h40	26/12/2025	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
693	251ACC43504	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
694	251ACC43505	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
695	251ACC43506	Kế toán tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
696	251ACC43701	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Tự luận 90	09h40	26/12/2025	DPH017 (27) ; DPH020 (27)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
697	251ACC43702	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	54					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
698	251ACC43703	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	51	Tự luận 90	09h40	26/12/2025	DPH006 (51)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
699	251ACC43704	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	51					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
700	251ACC43705	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	09h40	26/12/2025	DPH005 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
701	251ACC43706	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
702	251ACC43707	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	09h40	26/12/2025	DPH004 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
703	251ACC43708	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
704	251ACC43601	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	33	Tự luận 90	13h30	12/12/2025	BPH109 (33)	Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)	
705	251ACC43602	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	33					Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)	
706	251ACC43101	Kế toán xuất nhập khẩu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tự luận 90	09h40	22/12/2025	HEC510 (49)	Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)	
707	251INT418101	Khai phá dữ liệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 60	08h00	03/12/2025	HEC510 (50)	Phạm Trọng Huynh (60773)	
708	251INT418102	Khai phá dữ liệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Thị Thu (61240)	
709	251TRA40701	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3.00	Khoa Du lịch	68	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	HEC703 (34) ; HEC709 (34)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
710	251LOG41901	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	48	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Thị Bích Hồng (61323)	
711	251ECO50601	Kho dữ liệu và OLAP	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận		25/12/2025		Huỳnh Đức Tâm (61129)	
712	251KOR54501	Khóa luận tốt nghiệp	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Khóa luận		27/12/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
713	251BUS41901	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
714	251BUS41902	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
715	251BUS41903	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
716	251BUS41904	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
717	251BUS41905	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
718	251BUS41906	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
719	251BUS41907	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	95	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
720	251BUS41908	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		25/11/2025		Mai Lư Huy (02116)	
721	251BUS41909	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
722	251BUS41910	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
723	251BUS41911	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
724	251BUS41912	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
725	251BUS41913	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	63	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Trường An (61470)	
726	251BUS41914	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	64	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Trường An (61470)	
727	251ACC44001	Kiểm soát nội bộ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tự luận 90	13h30	22/12/2025	HEC510 (55)	Bùi Thị Trúc Quy (61480)	
728	251INT474101	Kiểm thử phần mềm	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	23	Tiểu luận		08/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
729	251INT474102	Kiểm thử phần mềm	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	23					Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
730	251ACC44101	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
731	251ACC44102	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40					Nguyễn Tấn Quang (60783)	
732	251ACC44103	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Tấn Quang (60783)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
733	251ACC44104	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55					Nguyễn Tấn Quang (60783)	
734	251ACC41201	Kiểm toán căn bản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	26	Tổng hợp	15h10	03/12/2025	HEC510 (26)	Nguyễn Tấn Quang (60783)	
735	251ACC41301	Kiểm toán nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tổng hợp	13h30	04/12/2025	HEC603 (72)	Nguyễn Tấn Quang (60783)	
736	251ACC41302	Kiểm toán nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tổng hợp	13h30	04/12/2025	HEC503 (72)	Nguyễn Tấn Quang (60783)	
737	251ACC41303	Kiểm toán nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tổng hợp	09h40	23/12/2025	DPH017 (27) ; DPH022 (28)	Chu Mỹ Hạnh (02078)	
738	251ACC41304	Kiểm toán nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tổng hợp	08h00	23/12/2025	HEC609 (36) ; HEC709 (36)	Đào Văn Hào (60784)	
739	251ACC41305	Kiểm toán nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tổng hợp	08h00	23/12/2025	BPH102 (36) ; BPH106 (36)	Đào Văn Hào (60784)	
740	251ACC42101	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tiểu luận		16/12/2025		Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
741	251ACC42102	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
742	251ACC42103	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	18	Tiểu luận		30/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
743	251ACC42104	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tiểu luận		16/12/2025		Đào Văn Hào (60784)	
744	251ACC42105	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	11	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
745	251ACC42106	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
746	251ACC42107	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	15	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
747	251ACC42108	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	5	Tiểu luận		15/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
748	251INT30401	Kiến trúc máy tính	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	74	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	DHT001 (44) ; DPH022 (30)	Đỗ Đình Trang (01011)	
749	251INT30402	Kiến trúc máy tính	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	81	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	DMT012 (40) ; DMT018 (41)	Đỗ Đình Trang (01011)	
750	251TRA41601	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	BPH104 (36) ; BPH106 (36)	Nguyễn Thị Nhuận (61400)	
751	251BUS41801	Kinh doanh quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	34	Tiểu luận		10/12/2025		Nguyễn Duy Phương (60978)	
752	251POL10601	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	DMT010 (41) ; DMT011 (40)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
753	251POL10602	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	24/12/2025	DMT018 (50) ; DMT019 (30)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
754	251POL10603	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (50)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
755	251POL10604	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
756	251POL10605	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	13h30	23/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
757	251POL10606	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Văn Bùng (60599), Phạm Việt Em (61045)	
758	251POL10607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	24/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Lịch (60601)	
759	251POL10608	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Văn Bùng (60599), Nguyễn Thị Thu Túy (60811)	
760	251POL10609	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (50)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
761	251POL10610	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
762	251POL10611	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Trắc nghiệm	08h00	25/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (39)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
763	251POL10612	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Trắc nghiệm	09h40	25/12/2025	BMT002 (30) ; DMT010 (49)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
764	251POL10613	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (50)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
765	251POL10614	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	BPH104 (40) ; BPH107 (40)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
766	251POL10615	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
767	251POL10616	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	24/12/2025	BMT002 (30) ; DMT010 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
768	251POL10617	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
769	251POL10618	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
770	251POL10619	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
771	251POL10620	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
772	251POL10621	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	13h30	04/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (50)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
773	251POL10622	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	25/12/2025	BMT004 (30) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
774	251POL10623	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
775	251POL10624	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	129	Trắc nghiệm	09h40	24/12/2025	BMT002 (30) ; DMT010 (49) ; DMT011 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
776	251POL10625	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	25/12/2025	BMT002 (30) ; DMT010 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
777	251POL10626	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BMT004 (30) ; DMT018 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
778	251POL10627	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
779	251POL10628	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BMT002 (30) ; DMT012 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
780	251POL10629	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Trắc nghiệm	15h10	24/12/2025	DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
781	251POL10630	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	128	Trắc nghiệm	09h40	24/12/2025	BMT004 (30) ; DMT012 (48) ; DMT018 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
782	251POL10631	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	24/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
783	251POL10632	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	13h30	23/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
784	251POL10633	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Lịch (60601)	
785	251POL10634	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	15h10	23/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Lịch (60601)	
786	251POL10635	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	15h10	22/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Phạm Việt Em (61045)	
787	251POL10636	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
788	251POL10637	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
789	251POL10638	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	23/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)	
790	251POL10639	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	08h00	23/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)	
791	251POL10640	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)	
792	251POL10641	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	15h10	23/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Văn Khắc Vũ (61407)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
793	251POL10642	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Văn Khắc Vũ (61407)	
794	251POL10643	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Văn Khắc Vũ (61407)	
795	251ECO31801	Kinh tế công	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	66	Tiểu luận		25/12/2025		Trịnh Quang Thoại (60944)	
796	251ECO50301	Kinh tế đầu tư	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	5	Tiểu luận		20/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
797	251ECO20101	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH007 (36) ; BPH108 (36)	Dương Thế Duy (61062)	
798	251ECO20102	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	DPH006 (72)	Dương Thế Duy (61062)	
799	251ECO20103	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	DPH005 (72)	Dương Thế Duy (61062)	
800	251ECO20104	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH013 (36) ; BPH106 (36)	Dương Thế Duy (61062)	
801	251ECO20105	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	BPH110 (30) ; BPH111 (25) ; BPH112 (26)	Hồ Cao Việt (02035)	
802	251ECO20106	Kinh tế học đại cương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH105 (41) ; DPH016 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
803	251ECO30201	Kinh tế lượng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	61	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	HEC510 (30) ; HEC609 (31)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
804	251ECO30202	Kinh tế lượng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
805	251ECO30203	Kinh tế lượng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	HEC503 (41) ; HEC603 (40)	Võ Thái Hiệp (61444)	
806	251ECO30204	Kinh tế lượng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH107 (40) ; BPH109 (41)	Võ Thái Hiệp (61444)	
807	251ECO30205	Kinh tế lượng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (41)	Võ Thái Hiệp (61444)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
808	251ECO32101	Kinh tế môi trường	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	88	Tiểu luận		25/12/2025		Trịnh Quang Thoại (60944)	
809	251ECO32201	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	4	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
810	251ECO32001	Kinh tế quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
811	251ECO30301	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	HEC603 (70)	Đoàn Thị Vân (27003)	
812	251ECO30302	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	HEC703 (70)	Đoàn Thị Vân (27003)	
813	251ECO30303	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	DPH006 (70)	Đoàn Thị Vân (27003)	
814	251ECO30304	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	DPH004 (70)	Đoàn Thị Vân (27003)	
815	251ECO30305	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	HEC503 (70)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
816	251ECO30306	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	DPH005 (70)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
817	251ECO30307	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
818	251ECO30308	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
819	251ECO30309	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	36	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	DPH009 (36)	Võ Thái Hiệp (61444)	
820	251ECO30310	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	36	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	DPH009 (36)	Võ Thái Hiệp (61444)	
821	251ECO30311	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	33	Tự luận 90	08h00	23/12/2025	BPH013 (33)	Dương Thế Duy (61062)	
822	251ECO30312	Kinh tế vi mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	36	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	DPH014 (36)	Dương Thế Duy (61062)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
823	251ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
824	251ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
825	251ECO30403	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	DPH004 (70)	Đoàn Thị Vân (27003)	
826	251ECO30404	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	HEC603 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
827	251ECO30405	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
828	251ECO30406	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
829	251ECO30407	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
830	251ECO30408	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	DPH005 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
831	251ECO30409	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	DPH004 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
832	251ECO30410	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	BPH007 (40) ; BPH013 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
833	251ECO30411	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH007 (30) ; DPH009 (30) ; DPH014 (30)	Hồ Cao Việt (02035)	
834	251ECO30412	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Hồ Cao Việt (02035)	
835	251ECO30413	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	89	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (29)	Hồ Cao Việt (02035)	
836	251ECO30414	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	BPH102 (30) ; BPH104 (30) ; BPH110 (30)	Hồ Cao Việt (02035)	
837	251ECO30415	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Hồ Cao Việt (02035)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
838	251ECO30416	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Trương Ngọc Hào (61278)	
839	251ECO30417	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)	
840	251ECO30418	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Trương Ngọc Hào (61278)	
841	251ECO30419	Kinh tế vĩ mô	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	43	Tự luận 90	08h00	24/12/2025	DPH016 (43)	Nguyễn Việt Thắng (60778)	
842	251SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	18/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Phạm Thu Phương (25049)	
843	251SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	DPH009 (42) ; DPH014 (42) ; DPH016 (44)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
844	251SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
845	251SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Phạm Thu Phương (25049)	
846	251SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Lê Thị Nam Phương (60436)	
847	251SOS10106	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Lê Thị Nam Phương (60436)	
848	251SOS10107	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Võ Minh Hùng (61136)	
849	251SOS10108	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	BPH007 (40) ; DPH006 (70) ; DPH016 (40)	Võ Minh Hùng (61136)	
850	251SOS10109	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Võ Minh Hùng (61136)	
851	251SOS10110	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Phạm Thu Phương (25049)	
852	251SOS10111	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH105 (38)	Phạm Thu Phương (25049)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
853	251SOS10112	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	BPH008 (30) ; BPH109 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Phạm Thu Phương (25049)	
854	251SOS10113	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Phạm Thu Phương (25049)	
855	251SOS10114	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
856	251SOS10115	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	BPH007 (40) ; BPH109 (40) ; DPH006 (70)	Võ Minh Hùng (61136)	
857	251SOS10116	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	BPH104 (37) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (38)	Lê Thị Nam Phương (60436)	
858	251SOS10117	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	DPH004 (70) ; DPH017 (30)	Lê Thị Nam Phương (60436)	
859	251SOS10118	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	HEC503 (70)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
860	251SOS10119	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	HEC503 (70)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
861	251SOS10120	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
862	251SOS10121	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
863	251SOS10122	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
864	251SOS10123	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	73	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	HEC703 (73)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
865	251INT58701	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Dương Quang Triết (60165)	
866	251INT58702	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Hồ Văn Ngọc (01028)	
867	251INT58703	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
868	251INT58704	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
869	251INT58705	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Lương Thái Hiền (01005)	
870	251INT58706	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Tổng Minh Đạt (61282)	
871	251INT58707	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
872	251INT58708	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
873	251INT58709	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
874	251INT58710	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
875	251INT58711	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
876	251INT58712	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
877	251INT58713	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
878	251INT58714	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
879	251INT58715	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Quách Anh Dũng (01014)	
880	251INT58716	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
881	251INT58717	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		13/12/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
882	251TOU50401	KLTN Du lịch	12.00	Khoa Du lịch	1	Khóa luận		28/12/2025		Lê Hồng Vương (61024)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
883	251INT58801	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		13/12/2025		Dương Quang Triết (60165)	
884	251INT58802	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
885	251INT58803	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
886	251INT58804	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	
887	251INT58805	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
888	251INT58806	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Hồ Văn Ngọc (01028)	
889	251INT58808	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Lương Thái Hiền (01005)	
890	251INT58809	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		13/12/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
891	251INT58810	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
892	251INT58811	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		28/12/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
893	251ECO51101	KLTN Kinh tế	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		28/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
894	251ECO51102	KLTN Kinh tế	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		27/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
895	251LAW50201	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Chu Mạnh Hiền (60357)	
896	251LAW50202	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Chu Mạnh Hiền (60357)	
897	251LAW50203	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Vũ Thị Nga (60542)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
898	251LAW50204	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Vũ Thị Nga (60542)	
899	251LAW50206	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
900	251LAW50207	KLTN Luật	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		25/12/2025		Chu Mạnh Hiên (60357)	
901	251JAP59001	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Khoa Ngoại ngữ	2	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
902	251JAP59002	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Khoa Ngoại ngữ	1	Báo cáo		28/12/2025		Trương Thanh Tùng (60283)	
903	251HUR51401	KLTN Quản trị nhân sự	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
904	251HUR51402	KLTN Quản trị nhân sự	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
905	251HUR51403	KLTN Quản trị nhân sự	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		28/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
906	251FIN53801	KLTN Tài chính - Ngân hàng	12.00	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
907	251ECO50903	KLTN Thương mại điện tử	12.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Khóa luận		28/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
908	251LIT54701	KLTN Văn học	12.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1	Khóa luận		27/12/2025		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
909	251CHI32601	Kỹ năng đọc - viết 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Tổng hợp	15h10	11/12/2025	HEC703 (38)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
910	251ICH32401	Kỹ năng Đọc 1	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	38	Tổng hợp	13h30	13/12/2025	BPH013 (38)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
911	251ICH32601	Kỹ năng Đọc 3	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Tổng hợp	09h40	05/12/2025	HEC603 (46)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
912	251ENG33701	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
913	251ENG33702	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
914	251ENG33703	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	23	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
915	251NUR42701	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2.00	Khoa Y Dược	60	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	HEC510 (30) ; HEC609 (30)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
916	251NUR42702	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2.00	Khoa Y Dược	23	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	BPH110 (23)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
917	251SKL20201	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		01/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
918	251SKL20202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		02/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
919	251SKL20203	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		26/11/2025		Trần Huy Cường (02023)	
920	251SKL20204	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		04/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
921	251SKL20205	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		20/11/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
922	251SKL20206	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		20/11/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
923	251SKL20207	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
924	251SKL20208	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	96	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
925	251SKL20209	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	95	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
926	251SKL20210	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	95	Tiểu luận		26/11/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
927	251SKL20211	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Tiểu luận		04/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
928	251SKL20212	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		28/11/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
929	251SKL20213	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	86	Tiểu luận		16/11/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
930	251SKL20214	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	76	Tiểu luận		16/11/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
931	251SKL20215	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		02/12/2025		Phạm Thu Phương (25049)	
932	251SKL20216	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		02/12/2025		Phạm Thu Phương (25049)	
933	251SKL20217	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Thị Hưng Thanh (60260)	
934	251SKL20218	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Thị Hưng Thanh (60260)	
935	251SKL20219	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		23/11/2025		Trần Đình Huy (60767)	
936	251SKL20220	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		23/11/2025		Trần Đình Huy (60767)	
937	251SKL20221	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		26/11/2025		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
938	251SKL20222	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		28/11/2025		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
939	251SKL20223	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	56	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
940	251SKL20224	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	93	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Thùy Nương (60951)	
941	251ICHI32701	Kỹ năng Nghe 1	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	37	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BPH009 (20)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
942	251ICHI32901	Kỹ năng Nghe 3	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	HEC703 (46)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
943	2511CHI42701	Kỹ năng Nói 1	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	37	Vấn đáp	08h00	26/12/2025	DPH015 (19)	Âu Tuyền Diệu (60620)	
944	2511CHI42901	Kỹ năng Nói 3	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Vấn đáp	08h00	01/12/2025	BPH008 (46)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
945	251SKL20301	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3.00	Khoa Ngoại ngữ	20	Tiểu luận		28/12/2025		La Thị Hồng Loan (25106)	
946	251VIE20101	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	69	Tiểu luận		26/11/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
947	251VIE20102	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		08/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
948	251VIE20103	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		23/11/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
949	251VIE20104	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		23/11/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
950	251VIE20105	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		22/11/2025		Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
951	251VIE20106	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn A Say (11006)	
952	251VIE20107	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn A Say (11006)	
953	251VIE20108	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		14/11/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
954	251VIE20109	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		08/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
955	251VIE20110	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	129	Tiểu luận		02/12/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
956	251VIE20111	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		09/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
957	251VIE20112	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		09/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
958	251VIE20113	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
959	251VIE20114	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
960	251VIE20115	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
961	251VIE20116	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Thị Thúy Hằng (60906)	
962	251VIE20117	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Thị Thúy Hằng (60906)	
963	251MMC41801	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Linh Có (60294)	
964	251MMC41802	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn Linh Có (60294)	
965	251MMC41803	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59	Tiểu luận		20/11/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
966	251MMC41804	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		20/11/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
967	251MMC41805	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		16/11/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
968	251MMC41806	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh (60493)	
969	251MMC41807	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Tiểu luận		04/12/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
970	251PSY42001	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	56	Tiểu luận		18/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
971	251PSY42002	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Tiểu luận		18/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
972	251PSY42004	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	33	Tiểu luận		12/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
973	251PSY42005	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	63	Tiểu luận		04/12/2025		Phạm Đình Khanh (60468)	
974	251LIT43101	Kỹ năng tổ chức sự kiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Tiểu luận		23/10/2025		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
975	251ICHI42401	Kỹ năng Viết 1	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	37	Tổng hợp	09h40	11/12/2025	BPH009 (19)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
976	251ICHI42601	Kỹ năng Viết 3	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Tổng hợp	09h40	23/12/2025	HEC603 (46)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
977	251SOC41701	Kỹ năng viết báo	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	31	Tiểu luận		15/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
978	251PUR43601	Kỹ năng xin tài trợ	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	71	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
979	251PUR43602	Kỹ năng xin tài trợ	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
980	251NUR40701	Ký sinh trùng	2.00	Khoa Y Dược	37	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BMT002 (22)	Nguyễn Phú Vinh (61028)	
981	251NUR40702	Ký sinh trùng	2.00	Khoa Y Dược	51	Trắc nghiệm	09h40	18/12/2025	BPH009 (25) ; BPH012 (26)	Nguyễn Phú Vinh (61028)	
982	251NUR40703	Ký sinh trùng	2.00	Khoa Y Dược	36	Trắc nghiệm	15h10	12/12/2025	DMT019 (36)	Phạm Ngọc Khôi (61337)	
983	251MMC40701	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		01/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
984	251MMC40702	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		02/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
985	251MMC40703	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		26/11/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
986	251MMC40704	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		04/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
987	251MMC40705	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		28/11/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
988	251MMC40706	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		17/11/2025		Huỳnh Văn Minh (61099)	
989	251MMC40707	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Thực hành		28/11/2025		Huỳnh Văn Minh (61099)	
990	251MMC40708	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Thực hành		16/11/2025		Huỳnh Văn Minh (61099)	
991	251FOT43601	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	53	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BMT002 (26) ; BMT004 (27)	Lâm Đức Cường (60226)	
992	251CTE40101	Kỹ thuật diễn xuất	2.00	Khoa Nghệ thuật	10	Biểu diễn		12/12/2025		Trần Thị Thục (60055)	
993	251CTE40102	Kỹ thuật diễn xuất	2.00	Khoa Nghệ thuật	10					Trần Thị Thục (60055)	
994	251MMC40901	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	63	Thực hành		11/12/2025		Trần Minh Hùng (60567)	
995	251MMC40902	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	63					Trần Minh Hùng (60567)	
996	251INT30501	Kỹ thuật lập trình	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	61	Tự luận 60	15h10	05/12/2025	HEC705 (30) ; HEC706 (31)	Dương Thái Bảo (60940)	
997	251INT30502	Kỹ thuật lập trình	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	38	Tự luận 60	13h30	13/12/2025	BPH104 (38)	Dương Thái Bảo (60940)	
998	251CHI35101	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	HEC510 (43)	Hoàng Văn Cường (25128)	
999	251CHI35102	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	46	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	HEC703 (46)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1000	251MMC40801	Kỹ thuật quay phim	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43	Thực hành		11/12/2025		Trần Minh Hùng (60567)	
1001	251MMC40802	Kỹ thuật quay phim	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43					Trần Minh Hùng (60567)	
1002	251ART37901	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	44	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1003	251ART37902	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	44					Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
1004	251FOT44201	Kỹ thuật sấy	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	63	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	BPH013 (33) ; BPH102 (30)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1005	251MAR43401	Kỹ thuật SEO	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	38	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Thị Mỹ Linh (61385)	
1006	251MAR43402	Kỹ thuật SEO	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Thị Mỹ Linh (61385)	
1007	251FOT30301	Kỹ thuật thực phẩm 1	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	81	Tự luận 60	13h30	10/12/2025	BPH102 (30) ; BPH111 (26) ; BPH112 (25)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1008	251FOT30302	Kỹ thuật thực phẩm 1	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	27	Tự luận 60	13h30	13/12/2025	BPH102 (27)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1009	251MMC41401	Kỹ thuật trường quay	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		22/10/2025		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1010	251ELE33001	Kỹ thuật vi điều khiển	4.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	BPH010 (25) ; BPH110 (35)	Hồ Nhựt Minh (60390)	
1011	251ELE33002	Kỹ thuật vi điều khiển	4.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		01/12/2025		Hồ Nhựt Minh (60390)	
1012	251ELE33003	Kỹ thuật vi điều khiển	4.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		01/12/2025		Hồ Nhựt Minh (60390)	
1013	251ART31601	Kỹ xướng âm 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	27	Thực hành		24/12/2025		Hồ Duy Trường (60188)	
1014	251ART31602	Kỹ xướng âm 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	41	Thực hành		24/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1015	251ART32001	Kỹ xướng âm 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	22	Thực hành		26/12/2025		Hồ Duy Trường (60188)	
1016	251ART32002	Kỹ xướng âm 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	33	Thực hành		26/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1017	251BUS42101	Lập kế hoạch kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	56	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1018	251INT32401	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	09h40	24/12/2025	BPH102 (30) ; BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Quách Anh Dũng (01014)	
1019	251INT32402	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Quách Anh Dũng (01014)	
1020	251INT32403	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Quách Anh Dũng (01014)	
1021	251INT32404	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	09h40	24/12/2025	BPH104 (40) ; BPH106 (40)	Quách Anh Dũng (01014)	
1022	251INT32405	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Quách Anh Dũng (01014)	
1023	251INT32406	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Quách Anh Dũng (01014)	
1024	251INT32407	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	52	Tự luận 60	09h40	24/12/2025	BPH012 (26) ; BPH110 (26)	Quách Anh Dũng (01014)	
1025	251INT32408	Lập trình C++	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Quách Anh Dũng (01014)	
1026	251INT440401	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	74	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	BPH102 (40) ; BPH110 (34)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1027	251INT440402	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	34					Phạm Thành Đạt (60515)	
1028	251INT440403	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Phạm Thành Đạt (60515)	
1029	251INT440404	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	74	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	DPH004 (74)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1030	251INT440405	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	24					Phạm Thành Đạt (60515)	
1031	251INT440406	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Phạm Thành Đạt (60515)	
1032	251INT440601	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (42)	Đặng Văn Lực (60719)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1033	251INT440602	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Đặng Văn Lực (60719)	
1034	251INT440603	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Đặng Văn Lực (60719)	
1035	251INT440604	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH104 (40) ; BPH105 (42)	Đặng Văn Lực (60719)	
1036	251INT440605	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	39					Đặng Văn Lực (60719)	
1037	251INT440606	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43					Đặng Văn Lực (60719)	
1038	251INT440607	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (42)	Cao Hoàng Khải (61279)	
1039	251INT440608	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Cao Hoàng Khải (61279)	
1040	251INT440609	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	37					Cao Hoàng Khải (61279)	
1041	251INT32201	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	19/12/2025	BPH014 (25) ; BPH102 (30) ; DPH022 (25)	Đặng Ngọc Thơm (61158)	
1042	251INT32202	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Tô Hồ Hải (60893)	
1043	251INT32203	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Tô Hồ Hải (60893)	
1044	251INT32204	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	69	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH014 (30) ; BPH105 (39)	Hồ Văn Ngọc (01028), Trần Văn Ngân (61155)	
1045	251INT32205	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	34					Tạ Chí Qui Nhơn (60556)	
1046	251INT32206	Lập trình Java	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	34					Tô Hồ Hải (60893)	
1047	251INT440201	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tiểu luận		29/10/2025		Lê Thanh Phong (60650)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1048	251INT440202	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Lê Thanh Phong (60650)	
1049	251INT440203	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	34					Lê Thanh Phong (60650)	
1050	251INT440204	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tiểu luận		10/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
1051	251INT440205	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	29					Lê Thanh Phong (60650)	
1052	251INT440206	Lập trình Java nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lê Thanh Phong (60650)	
1053	251INT486101	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		02/11/2025		Cao Hoàng Khải (61279)	
1054	251INT486102	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Cao Hoàng Khải (61279)	
1055	251INT486103	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Cao Hoàng Khải (61279)	
1056	251INT486104	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		14/12/2025		Cao Hoàng Khải (61279)	
1057	251INT486105	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Cao Hoàng Khải (61279)	
1058	251INT486106	Lập trình mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Cao Hoàng Khải (61279)	
1059	251INT442101	Lập trình nhúng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		21/12/2025		Đàm Quốc Việt (60992)	
1060	251INT442102	Lập trình nhúng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Thực hành		12/12/2025		Đàm Quốc Việt (60992)	
1061	251INT421101	Lập trình trên các thiết bị di động	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	37	Tiểu luận		27/10/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
1062	251INT421102	Lập trình trên các thiết bị di động	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	37					Trần Thanh Tú (60674)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1063	251INT440701	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		10/12/2025		Nguyễn Thị Thu (61240)	
1064	251INT440702	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Phạm Thành Đạt (60515)	
1065	251INT440703	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	30					Phạm Thành Đạt (60515)	
1066	251INT440704	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		28/10/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1067	251INT440705	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1068	251INT440706	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1069	251INT440707	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		09/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1070	251INT440708	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	46					Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1071	251INT440709	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	35					Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1072	251INT440710	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	28	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1073	251INT440711	Lập trình web	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27					Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1074	251INT424101	Lập trình web nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	51	Tiểu luận		15/11/2025		Cao Hoàng Khải (61279)	
1075	251INT424102	Lập trình web nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	51					Cao Hoàng Khải (61279)	
1076	251INT441901	Lập trình Windows	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	65	Tiểu luận		08/12/2025		Trần Thanh Tú (60674)	
1077	251INT441902	Lập trình Windows	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Trần Thanh Tú (60674)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1078	251INT441903	Lập trình Windows	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27					Trần Thanh Tú (60674)	
1079	251LAW42101	Lập và quản lý dự án đầu tư	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tiểu luận		30/11/2025		Trần Thị Diễm Nga (60890)	
1080	251LAW42102	Lập và quản lý dự án đầu tư	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tiểu luận		30/11/2025		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
1081	251POL10801	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1082	251POL10802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1083	251POL10803	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Trắc nghiệm	15h10	02/12/2025	DMT018 (44) ; DMT019 (44)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1084	251POL10804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	DMT018 (44) ; DMT019 (44)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1085	251POL10805	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1086	251POL10806	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1087	251POL10807	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1088	251POL10808	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1089	251POL10809	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Ngô Thị Hân (61218)	
1090	251POL10810	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Ngô Thị Hân (61218)	
1091	251POL10811	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Ngô Thị Hân (61218)	
1092	251POL10812	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	13/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Ngô Thị Hân (61218)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1093	251POL10813	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Ngô Thị Hân (61218)	
1094	251POL10814	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Ngô Thị Hân (61218)	
1095	251POL10815	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	04/12/2025	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1096	251POL10816	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	04/12/2025	BPH007 (37) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (38)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1097	251POL10817	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1098	251POL10818	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1099	251POL10819	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
1100	251POL10820	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
1101	251POL10821	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH108 (37) ; BPH109 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (38)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1102	251POL10822	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	04/12/2025	BPH110 (30) ; DPH009 (40) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1103	251POL10823	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
1104	251POL10824	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	12/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
1105	251POL10825	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH104 (37) ; BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38)	Đặng Thị Minh Phượng (61050)	
1106	251POL10826	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	104	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT019 (44)	Ngô Thị Hân (61218)	
1107	251POL10827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	DMT019 (50)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1108	251ART42801	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	2.00	Khoa Nghệ thuật	21	Bài tập lớn		19/12/2025		Hà Mai Hương (60792)	
1109	251JAP42701	Lịch sử Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	1	Tiểu luận		26/12/2025		Trương Thanh Tùng (60283)	
1110	251KOR31901	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tiểu luận		08/12/2025		Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1111	251KOR31902	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41					Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1112	251KOR31903	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tiểu luận		08/12/2025		Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1113	251KOR31904	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41					Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1114	251KOR31905	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59	Tiểu luận		11/12/2025		Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1115	251KOR31906	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59					Nguyễn Thị Bé Loan (60561)	
1116	251SOS30101	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	61	Tự luận 60	13h30	23/12/2025	DPH020 (30) ; DPH022 (31)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
1117	251SOS30102	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	HEC603 (50)	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
1118	251VIE42701	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35	Trắc nghiệm	15h10	17/12/2025	BPH110 (35)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1119	251ELE32601	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tự luận 60	15h10	25/12/2025	BPH009 (30) ; BPH012 (30)	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1120	251ELE32602	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		01/11/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1121	251ELE32603	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		08/11/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1122	251ELE32604	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tự luận 60	15h10	25/12/2025	BPH008 (30) ; BPH112 (30)	Đinh Thị Khả Hân (60974)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1123	251ELE32605	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		02/11/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1124	251ELE32606	Linh kiện điện tử	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		20/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1125	251CHI45501	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	HEC603 (41)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1126	251CHI45502	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	HEC609 (41)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1127	251CHI45503	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	HEC703 (41)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1128	251LAW50301	Luật an sinh xã hội	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	39	Tự luận 60	15h10	12/12/2025	BPH109 (39)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1129	251LAW30501	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	82	Tổng hợp	08h00	22/12/2025	HEC609 (41) ; HEC709 (41)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1130	251LAW30502	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	09h40	22/12/2025	DPH006 (30) ; DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1131	251LAW30503	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	13h30	23/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1132	251LAW30504	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	87	Tổng hợp	09h40	22/12/2025	DPH004 (43) ; DPH005 (44)	Nguyễn Viết Tú (60355)	
1133	251LAW43001	Luật dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	09h40	22/12/2025	HEC503 (70)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1134	251LAW43002	Luật dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	09h40	22/12/2025	HEC603 (70)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1135	251LAW42401	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	08h00	04/12/2025	DPH004 (40)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1136	251LAW42402	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	DPH004 (40)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1137	251LAW42403	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	DPH006 (48)	Bùi Thanh Vũ (60848)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1138	251LAW40501	Luật doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tổng hợp	08h00	05/12/2025	BPH109 (49)	Nguyễn Thanh Việt (61331)	
1139	251LAW40502	Luật doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	31	Tổng hợp	08h00	05/12/2025	BPH014 (31)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1140	251LAW40503	Luật doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	15h10	05/12/2025	BPH014 (35) ; BPH110 (35)	Nguyễn Viết Tú (60355)	
1141	251TOU30901	Luật du lịch	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	09h40	11/12/2025	BPH014 (30) ; BPH112 (30)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1142	251TOU30902	Luật du lịch	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	09h40	12/12/2025	BPH110 (30) ; BPH112 (30)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1143	251TOU30903	Luật du lịch	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tổng hợp	13h30	11/12/2025	BPH007 (43)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1144	251LAW30401	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	02/12/2025	BPH103 (40) ; BPH105 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1145	251LAW30402	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	02/12/2025	BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1146	251LAW30403	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	02/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1147	251LAW30404	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	76	Tổng hợp	15h10	04/12/2025	BPH104 (40) ; BPH110 (36)	Vũ Thị Nga (60542)	
1148	251LAW30405	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	04/12/2025	BPH007 (40) ; BPH106 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1149	251LAW30406	Luật hiến pháp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Tổng hợp	15h10	04/12/2025	BPH009 (28) ; BPH112 (30)	Vũ Thị Nga (60542)	
1150	251LAW43201	Luật hôn nhân gia đình	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	84	Tổng hợp	13h30	10/12/2025	HEC609 (42) ; HEC709 (42)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1151	251LAW44301	Luật kinh doanh	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	64	Tiểu luận		21/11/2025		Trần Hoàng Hải Phong (61051)	
1152	251LAW44302	Luật kinh doanh	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		21/11/2025		Trần Hoàng Hải Phong (61051)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1153	251LAW44303	Luật kinh doanh	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		04/12/2025		Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1154	251LAW42501	Luật kinh doanh bảo hiểm	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Tự luận 60	08h00	23/12/2025	BPH109 (48)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1155	251LAW42602	Luật kinh tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Tiểu luận		01/12/2025		Võ Nguyễn Khánh Huyền (61109)	
1156	251LAW42603	Luật kinh tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		21/11/2025		Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1157	251LAW42604	Luật kinh tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		21/11/2025		Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1158	251PSY45001	Luật lao động	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	94	Tổng hợp	08h00	02/12/2025	BPH014 (31) ; DPH017 (31) ; DPH022 (32)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1159	251PSY45002	Luật lao động	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	BPH107 (40)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1160	251PSY45003	Luật lao động	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	08h00	02/12/2025	BPH109 (40)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1161	251PSY45004	Luật lao động	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	HEC709 (40)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1162	251PSY45005	Luật lao động	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	BPH106 (35) ; BPH108 (35)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1163	251LAW40801	Luật môi trường	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		26/11/2025		Đỗ Trọng Hiên (60545)	
1164	251LAW40802	Luật môi trường	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		26/11/2025		Đỗ Trọng Hiên (60545)	
1165	251LAW40803	Luật môi trường	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		10/12/2025		Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1166	251LAW40804	Luật môi trường	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		04/12/2025		Trần Thanh Hà (61284)	
1167	251LAW43301	Luật tài sản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	BPH107 (40)	Trần Thanh Hà (61284)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1168	251LAW43302	Luật tài sản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	76	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Nguyễn Mạnh Cường (60801)	
1169	251LAW42301	Luật thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	89	Tổng hợp	09h40	24/12/2025	HEC503 (45) ; HEC510 (44)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1170	251LAW42302	Luật thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	92	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	HEC603 (31) ; HEC609 (30) ; HEC703 (31)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1171	251LAW40901	Luật thương mại điện tử	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	13h30	01/12/2025	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Viết Tú (60355)	
1172	251LAW40902	Luật thương mại điện tử	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	13h30	01/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Nguyễn Viết Tú (60355)	
1173	251LAW40903	Luật thương mại điện tử	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	01/12/2025	HEC703 (70)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1174	251LAW40904	Luật thương mại điện tử	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	13h30	01/12/2025	BPH105 (40) ; BPH107 (40)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1175	251LAW40905	Luật thương mại điện tử	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	13h30	01/12/2025	BPH104 (40) ; BPH108 (40)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1176	251BUS43201	Luật thương mại quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	HEC510 (42)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1177	251BUS43202	Luật thương mại quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	BPH112 (25) ; DPH022 (25)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1178	251BUS43203	Luật thương mại quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	18/12/2025	HEC603 (70)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1179	251LAW43101	Luật tố tụng dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	68	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	HEC503 (38) ; HEC510 (30)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1180	251LAW43102	Luật tố tụng dân sự	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	67	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	HEC609 (33) ; HEC709 (34)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1181	251LAW43601	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		14/11/2025		Vũ Thị Nga (60542)	
1182	251LAW43602	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		14/11/2025		Vũ Thị Nga (60542)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1183	251CHI44201	Lý thuyết dịch	3.00	Khoa Ngoại ngữ	46	Tổng hợp	13h30	23/12/2025	HEC709 (46)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1184	251CHI44202	Lý thuyết dịch	3.00	Khoa Ngoại ngữ	48	Tổng hợp	13h30	23/12/2025	HEC703 (48)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1185	251ENG46401	Lý thuyết dịch	3.00	Khoa Ngoại ngữ	1	Tổng hợp	13h30	10/12/2025	HEC703 (1)	Lê Thanh Hòa (61027)	
1186	251JAP42801	Lý thuyết dịch	2.00	Khoa Ngoại ngữ	42	Tự luận 60	13h30	10/12/2025	HEC703 (42)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
1187	251ECO42601	Lý thuyết Kinh tế số	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Tuấn Anh (61397)	
1188	251FIN30101	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1189	251FIN30102	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	BPH104 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1190	251FIN30103	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1191	251FIN30104	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1192	251FIN30105	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1193	251FIN30106	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
1194	251FIN30107	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	BPH105 (40) ; DPH014 (39)	Nguyễn Vũ Duy (61185)	
1195	251FIN30108	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	DPH009 (39) ; DPH014 (40)	Nguyễn Vũ Duy (61185)	
1196	251FIN30109	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Nguyễn Ngọc Dung (61296)	
1197	251FIN30110	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	09h40	22/12/2025	BPH013 (40) ; BPH107 (39)	Nguyễn Ngọc Dung (61296)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1198	251FIN30111	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	63	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	DPH017 (31) ; DPH020 (32)	Nguyễn Ngọc Dung (61296)	
1199	251ELE30803	Mạch điện	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	28	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	DPH020 (28)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
1200	251INT440101	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	09h40	05/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (42)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
1201	251INT440102	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Hồ Văn Ngọc (01028)	
1202	251INT440103	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Hồ Văn Ngọc (01028)	
1203	251INT440104	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (42)	Hồ Văn Ngọc (01028), Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
1204	251INT440105	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Dương Đình Dũng (60056)	
1205	251INT440106	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Dương Đình Dũng (60056)	
1206	251INT440107	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (42)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
1207	251INT440108	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Hồ Văn Ngọc (01028)	
1208	251INT440109	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Hồ Văn Ngọc (01028)	
1209	251INT440110	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	83	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (43)	Hồ Văn Ngọc (01028), Trần Văn Ngân (61155)	
1210	251INT440111	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Đặng Ngọc Thơm (61158)	
1211	251INT440112	Mạng máy tính	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Đặng Ngọc Thơm (61158)	
1212	251MAR40701	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1213	251MAR40702	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1214	251MAR40703	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1215	251MAR40704	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1216	251MAR40705	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1217	251MAR40706	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1218	251MAR40707	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1219	251MAR40708	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1220	251MAR40709	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1221	251MAR20101	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		11/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1222	251MAR20102	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/11/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1223	251MAR20103	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	96	Tiểu luận		19/11/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1224	251MAR20104	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận		15/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
1225	251MAR20105	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	149	Tiểu luận		15/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
1226	251MAR20106	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1227	251MAR20107	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1228	251MAR20108	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	149	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1229	251MAR20109	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1230	251MAR20110	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Thị Kiều Diễm (61091)	
1231	251MAR20111	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Thị Kiều Diễm (61091)	
1232	251MAR20112	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Thị Nam Phương (61171)	
1233	251MAR20113	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1234	251MAR20114	Marketing căn bản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Nam Phương (61171)	
1235	251ECO32601	Marketing địa phương	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	32	Tiểu luận		25/12/2025		Lê Ngọc Danh (61173)	
1236	251MAR40901	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	49	Tiểu luận		24/12/2025		Lê Quang Huê (61415)	
1237	251MAR40902	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		24/12/2025		Lê Quang Huê (61415)	
1238	251MAR40903	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
1239	251MAR40904	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
1240	251MAR40905	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	82	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
1241	251MAR40906	Marketing dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
1242	251MAR41101	Marketing điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	89	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Nhựt Tài (61467)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1243	251MAR41201	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1244	251MAR41202	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1245	251MAR41203	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1246	251MAR41204	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1247	251MAR41205	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	51	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1248	251MAR41206	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1249	251MAR41207	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1250	251MAR41208	Marketing mối quan hệ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
1251	251MAR41401	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Văn Thịnh (61420)	
1252	251MAR41402	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Văn Thịnh (61420)	
1253	251MAR41403	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận		24/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1254	251MAR41404	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		24/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1255	251MAR41405	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1256	251MAR41406	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1257	251MAR41407	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		11/10/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1258	251MAR41408	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận		24/11/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1259	251MAR41409	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		11/11/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1260	251MAR41410	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		11/11/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1261	251MAR41411	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	92	Tiểu luận		11/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1262	251MAR41412	Marketing quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	96	Tiểu luận		11/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1263	251MAR41601	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	59	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	BPH014 (29) ; BPH110 (30)	Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
1264	251MAR41602	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	DPH004 (45)	Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
1265	251MAR41603	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	BPH108 (39) ; BPH109 (40)	Trần Hữu Ái (02032)	
1266	251MAR41604	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Trần Hữu Ái (02032)	
1267	251MAR41605	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (39)	Trần Hữu Ái (02032)	
1268	251MAR41606	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	76	Tự luận 90	15h10	25/12/2025	BPH102 (36) ; BPH107 (40)	Trần Hữu Ái (02032)	
1269	251INT489101	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	63	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	BPH110 (33) ; BPH111 (30)	Phan Thành Huân (60987)	
1270	251INT489102	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Lê Công Hiếu (60834)	
1271	251INT489103	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	23					Lê Công Hiếu (60834)	
1272	251INT489104	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	69	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	BPH014 (30) ; DPH006 (39)	Dương Thái Bảo (60940)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1273	251INT489105	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	20					Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
1274	251INT489106	Mật mã học	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Dương Thái Bảo (60940)	
1275	251COE31301	Mô hình thông tin xây dựng (BIM)	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	41	Tiểu luận		14/11/2025		Lê Văn Đồn Em (61372)	
1276	251NAS10101	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	95	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
1277	251NAS10102	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
1278	251NAS10103	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	96	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
1279	251NAS10104	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
1280	251NAS10105	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
1281	251NAS10106	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
1282	251NAS10107	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		24/11/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1283	251NAS10108	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		24/11/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1284	251NAS10109	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
1285	251NAS10110	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		08/12/2025		Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)	
1286	251NAS10111	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		08/12/2025		Huỳnh Đăng Hà Uyên (60254)	
1287	251NAS10112	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	128	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạo (05007), Võ Nhật Luân (61034)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1288	251NAS10113	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạo (05007), Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1289	251NAS10114	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		18/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1290	251NAS10115	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		14/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1291	251NAS10116	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		01/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
1292	251NAS10117	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1293	251NAS10118	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Thu Đoan (61395)	
1294	251NAS10119	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Thu Đoan (61395)	
1295	251NAS10120	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	96	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
1296	251NAS10121	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1297	251NAS10122	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1298	251NAS10123	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Thị Mai Linh (60582)	
1299	251NAS10124	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		23/12/2025		Nguyễn Thị Mai Linh (60582)	
1300	251NAS10125	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		23/12/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
1301	251NAS10126	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	147	Tiểu luận		23/12/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
1302	251NAS10127	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Vũ (60325)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1303	251NAS10128	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Vũ (60325)	
1304	251NAS10129	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1305	251NAS10130	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	149	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1306	251NAS10131	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1307	251NAS10132	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1308	251NAS10133	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		01/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1309	251NAS10134	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	149	Tiểu luận		01/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1310	251NAS10135	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Văn Thuận (61383)	
1311	251NAS10136	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Văn Thuận (61383)	
1312	251NAS10137	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1313	251NAS10138	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1314	251NAS10139	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		14/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1315	251NAS10140	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		14/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1316	251NAS10141	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	145	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
1317	251NAS10142	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1318	251NAS10143	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Văn Thuận (61383)	
1319	251NAS10144	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Văn Thuận (61383)	
1320	251NAS10145	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	144	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
1321	251NAS10146	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
1322	251NAS10147	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
1323	251NAS10148	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
1324	251NAS10149	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		22/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
1325	251NAS10150	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		22/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
1326	251NAS10151	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
1327	251NAS10152	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
1328	251NAS10153	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
1329	251NAS10154	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
1330	251NAS10155	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
1331	251NAS10156	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		30/11/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1332	251NAS10157	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1333	251NAS10158	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1334	251NAS10159	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
1335	251NAS10160	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
1336	251NAS10161	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		24/11/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1337	251NAS10162	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	105	Tiểu luận		24/11/2025		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1338	251NAS10163	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	117	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Thị Loan (60190)	
1339	251NAS10164	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	115	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Thị Loan (60190)	
1340	251NAS10165	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	114	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1341	251NAS10166	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1342	251NAS10167	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lâm Vỹ Nguyên (60435)	
1343	251NAS10168	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	120	Tiểu luận		28/12/2025		Lâm Vỹ Nguyên (60435)	
1344	251NAS10169	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	145	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1345	251NAS10170	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	111	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
1346	251NAS10171	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
1347	251NAS10172	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1348	251NAS10173	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1349	251NAS10174	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1350	251NAS10175	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1351	251NAS10176	Môi trường và con người	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lâm Vũ Nguyên (60435)	
1352	251ART38001	Mỹ học âm nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	51	Bài tập lớn		17/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
1353	251SOS20601	Mỹ học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	
1354	251SOS20602	Mỹ học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	
1355	251SOS20603	Mỹ học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tự luận 90	13h30	24/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (29) ; DPH022 (29)	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
1356	251FRE31101	Nghe - nói 4	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Vấn đáp	15h10	01/12/2025	BPH009 (14)	Phan Gia Thiên Trúc (61436)	
1357	251ENG33201	Nghe - nói trong thương mại 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Vấn đáp	09h40	04/12/2025	HEC606 (25)	Trần Thị Thùy Trang (61289)	
1358	251ENG33202	Nghe - nói trong thương mại 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	25					Trần Thị Thùy Trang (61289)	
1359	251TRA41701	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3.00	Khoa Du lịch	53	Tự luận 90	15h10	05/12/2025	HEC503 (53)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
1360	251TRA41702	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	08h00	04/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
1361	251GRA41901	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	76	Tiểu luận		18/11/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
1362	251GRA41902	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	36					Trần Quốc Toàn (60754)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1363	251GRA41903	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Trần Quốc Toàn (60754)	
1364	251GRA41910	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	73	Tiểu luận		29/10/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
1365	251GRA41911	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Đỗ Minh Trung (60885)	
1366	251GRA41912	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	28					Đỗ Minh Trung (60885)	
1367	251ENG49801	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
1368	251ENG49802	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Khoa Ngoại ngữ	28	Tiểu luận		28/12/2025		Thạch Thị Quách Thi (60666)	
1369	251MAN40501	Nghệ thuật lãnh đạo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	
1370	251MAN40502	Nghệ thuật lãnh đạo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	
1371	251MMC40601	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		06/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1372	251MMC40602	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1373	251MMC40603	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		06/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1374	251MMC40604	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1375	251MMC40605	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		06/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1376	251MMC40606	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1377	251MMC40607	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49	Thực hành		07/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1378	251MMC40608	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1379	251MMC40609	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		07/12/2025		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1380	251MMC40610	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1381	251MMC40611	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		08/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1382	251MMC40612	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1383	251MMC40613	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		09/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1384	251MMC40614	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1385	251MMC40615	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		09/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1386	251MMC40616	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1387	251MMC40617	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		03/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1388	251MMC40618	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1389	251MMC40619	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		03/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1390	251MMC40620	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1391	251MMC40621	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		11/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1392	251MMC40622	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1393	251MMC40623	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		11/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1394	251MMC40624	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1395	251MMC40625	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49	Thực hành		05/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1396	251MMC40626	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1397	251MMC40627	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		05/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1398	251MMC40628	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1399	251MMC40629	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		06/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1400	251MMC40630	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1401	251MMC40631	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		07/12/2025		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1402	251MMC40632	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1403	251PUR43401	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Ngọc Mỹ (61044)	
1404	251PUR43402	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Ngọc Mỹ (61044)	
1405	251PUR43403	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		25/10/2025		Trần Ngọc Mỹ (61044)	
1406	251PUR43404	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		06/12/2025		Trần Ngọc Mỹ (61044)	
1407	251PUR43405	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		25/10/2025		Trần Thị Xuân (60429)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1408	251PUR43406	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		06/12/2025		Trần Thị Xuân (60429)	
1409	251PUR43407	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		25/10/2025		Trần Thị Xuân (60429)	
1410	251PUR43408	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		06/12/2025		Trần Thị Xuân (60429)	
1411	251PUR43409	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	69	Tiểu luận		22/10/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1412	251PUR43410	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		03/12/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1413	251PUR43411	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		22/10/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1414	251PUR43412	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		03/12/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1415	251PUR43413	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1416	251PUR43414	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1417	251ECO31401	Nghiên cứu marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
1418	251ECO31402	Nghiên cứu marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
1419	251PUR43901	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	61	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1420	251PUR43902	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1421	251PUR43903	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		12/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1422	251PUR43904	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		12/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1423	251PUR43905	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1424	251PUR43906	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1425	251PUR43907	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1426	251PUR43908	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	81	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1427	251PUR43909	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	61	Tiểu luận		15/11/2025		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1428	251PUR43910	Nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1429	251LIT43501	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	65	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1430	251HOS40802	Nghiệp vụ buồng	3.00	Khoa Du lịch	34	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	HEC609 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
1431	251HOS40803	Nghiệp vụ buồng	3.00	Khoa Du lịch	34	Tự luận 90	15h10	02/12/2025	HEC510 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
1432	251HOS40804	Nghiệp vụ buồng	3.00	Khoa Du lịch	34	Tự luận 90	15h10	09/12/2025	BPH108 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
1433	251MMC41301	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Thực hành		18/11/2025		Lương Đức Anh (60494)	
1434	251MMC41302	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53	Thực hành		12/11/2025		Lương Đức Anh (60494)	
1435	251SUC40701	Nghiệp vụ hải quan	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	44	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1436	251TRA30201	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	68	Vấn đáp	08h00	11/12/2025	BPH008 (34) ; BPH009 (34)	Lê Hồng Vương (61024)	
1437	251TRA30202	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	68	Vấn đáp	13h30	18/12/2025	BPH012 (34) ; BPH110 (34)	Lê Hồng Vương (61024)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1438	251TRA30203	Nghị quyết hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	60	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	BPH009 (30) ; BPH011 (30)	Du Quốc Đạo (60734)	
1439	251TRA30204	Nghị quyết hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	80	Vấn đáp	08h00	09/12/2025	DPH015 (40) ; DPH023 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
1440	251TRA30205	Nghị quyết hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Vấn đáp	08h00	15/12/2025	DPH015 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
1441	251TRA30206	Nghị quyết hướng dẫn du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Vấn đáp	08h00	10/12/2025	HEC609 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
1442	251TOU31901	Nghị quyết Lễ tân	2.00	Khoa Du lịch	2	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Ngọc Trinh (03113)	
1443	251FIN44301	Nghị quyết ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	32	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	HEC603 (32)	Nguyễn Khanh Tuấn (61183)	
1444	251FIN44302	Nghị quyết ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	32					Nguyễn Khanh Tuấn (61183)	
1445	251FIN41001	Nghị quyết ngân hàng thương mại nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	29	Tiểu luận		01/12/2025		Mai Thị Phương Thủy (61264), Phạm Thanh An (61479)	
1446	251ENG34501	Nghị quyết ngoại giao	2.00	Khoa Ngoại ngữ	33	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	
1447	251ENG34502	Nghị quyết ngoại giao	2.00	Khoa Ngoại ngữ	33					Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	
1448	251CTE41201	Nghị quyết quay phim 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	11	Báo cáo		22/12/2025		Lý Anh Tâm (61505)	
1449	251CTE41202	Nghị quyết quay phim 1	2.00	Khoa Nghệ thuật	11					Lý Anh Tâm (61505)	
1450	251BUS43901	Nghị quyết thương mại quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		01/12/2025		Lê Thị Cẩm Nhung (60370)	
1451	251BUS43902	Nghị quyết thương mại quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Thị Cẩm Nhung (60370)	
1452	251CUL30101	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Trường Giang (60976)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1453	251CUL30102	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		22/11/2025		Nguyễn Trường Giang (60976)	
1454	251CUL30103	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1455	251CUL30104	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1456	251CUL30105	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
1457	251CUL30106	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
1458	251CUL30107	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Mai Thị Thúy Phượng (60563)	
1459	251CUL30108	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Mai Thị Thúy Phượng (60563)	
1460	251CUL30109	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Trường Giang (60976)	
1461	251CUL30110	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		30/11/2025		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
1462	251CUL30111	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Huệ Nghi (60753)	
1463	251CUL30112	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
1464	251CUL30113	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1465	251CUL30114	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1466	251CUL30115	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Ngọc Châu (60920), Hồ Thị Ngọc Thủy (61287)	
1467	251CUL30116	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Vương Phương Dung (60384)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1468	251CUL30117	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Vương Phương Dung (60384)	
1469	251CUL30118	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Huy Liêm (61435)	
1470	251CUL30119	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Huy Liêm (61435)	
1471	251CUL30120	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Công Minh Tuấn (60419), Phan Thị Miên Thảo (60693)	
1472	251CUL30121	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1473	251CUL30122	Ngoại giao văn hóa	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
1474	251SOS30201	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Khắc Cường (04068)	
1475	251SOS30202	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Khắc Cường (04068)	
1476	251SOS30203	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Văn Thòa (61437)	
1477	251SOS30204	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Văn Thòa (61437)	
1478	251SOS30205	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Văn Sáng (61438)	
1479	251SOS30206	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Văn Sáng (61438)	
1480	251SOS30207	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Văn Thòa (61437)	
1481	251SOS30208	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Văn Thòa (61437)	
1482	251SOS30209	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	59	Tiểu luận		28/12/2025		Đinh Trần Thủy Liễu (61248)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1483	251SOS30210	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Mai Thị Thúy Phượng (60563), Nguyễn Đài Trang (61285)	
1484	251SOS30211	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1485	251SOS30212	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1486	251SOS30213	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		28/12/2025		Bùi Chí Thuận (61450)	
1487	251SOS30214	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Xuân Trang (60913)	
1488	251SOS30215	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1489	251SOS30216	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thu Hà (25052)	
1490	251SOS30217	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Xuân Trang (60913), Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
1491	251ENG49101	Ngôn ngữ học ứng dụng	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Trịnh Thủy Ngân (61519)	
1492	251ENG49102	Ngôn ngữ học ứng dụng	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Trịnh Thủy Ngân (61519)	
1493	251ENG49103	Ngôn ngữ học ứng dụng	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tiểu luận		28/12/2025		Trịnh Thủy Ngân (61519)	
1494	251ENG49104	Ngôn ngữ học ứng dụng	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Trịnh Thủy Ngân (61519)	
1495	251ENG48901	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH013 (40)	Lê Thanh Hòa (61027)	
1496	251ENG48902	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thanh Hòa (61027)	
1497	251ENG48903	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH108 (40)	Lê Thanh Hòa (61027)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1498	251ENG48904	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thanh Hòa (61027)	
1499	251ENG48905	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	HEC510 (40)	Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
1500	251ENG48906	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
1501	251ENG48907	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	HEC603 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1502	251ENG48908	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1503	251ENG48909	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	HEC603 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1504	251ENG48910	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1505	251ENG48911	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	15h10	24/12/2025	HEC503 (40)	Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
1506	251ENG48912	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
1507	251ENG48913	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	DPH006 (50)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1508	251ENG48914	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1509	251JAP43002	Ngữ âm học tiếng Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	35	Vấn đáp	13h30	03/12/2025	HEC606 (35)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
1510	251JAP43003	Ngữ âm học tiếng Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Vấn đáp	08h00	03/12/2025	HEC605 (22)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
1511	251LIT32601	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	DPH005 (44) ; DPH006 (44)	Lê Khắc Cường (04068)	
1512	251LIT32602	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88					Lê Khắc Cường (04068)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1513	251LIT32603	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	DPH004 (46)	Lê Khắc Cường (04068)	
1514	251LIT32604	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46					Lê Khắc Cường (04068)	
1515	251ENG49001	Ngữ nghĩa học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	46	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	HEC703 (46)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1516	251ENG49002	Ngữ nghĩa học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	46					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1517	251ENG49003	Ngữ nghĩa học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	46	Tự luận 90	08h00	05/12/2025	HEC706 (46)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1518	251ENG49004	Ngữ nghĩa học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	46					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1519	251JAP43101	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Bài tập lớn		28/12/2025		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
1520	251ACC20201	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1521	251ACC20202	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1522	251ACC20203	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1523	251ACC20204	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	BPH007 (40) ; BPH013 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1524	251ACC20205	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1525	251ACC20206	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	DPH005 (80)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1526	251ACC20207	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1527	251ACC20208	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (39)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1528	251ACC20209	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
1529	251ACC20210	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	BPH014 (32) ; BPH111 (32) ; BPH112 (32)	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
1530	251ACC20211	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH109 (40) ; BPH110 (32)	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
1531	251ACC20212	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	DPH006 (70)	Võ Tấn Liêm (60142)	
1532	251ACC20213	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	DPH005 (70)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
1533	251ACC20214	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH105 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Đức Hải (06003)	
1534	251ACC20215	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1535	251ACC20216	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Võ Tấn Liêm (60142)	
1536	251ACC20217	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	DPH009 (35) ; DPH014 (35)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1537	251ACC20218	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	HEC603 (70)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1538	251ACC20219	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	DPH004 (70)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1539	251ACC20220	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	18/12/2025	BPH106 (35) ; BPH108 (35)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1540	251ACC20221	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	BPH103 (40) ; DPH009 (40)	Võ Tấn Liêm (60142)	
1541	251ACC20222	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	DPH006 (80)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1542	251ACC20223	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	BPH013 (40) ; BPH104 (40)	Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1543	251ACC20224	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1544	251ACC20225	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	BPH007 (40) ; BPH109 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1545	251ACC20226	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1546	251ACC20227	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	DPH004 (80)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1547	251ACC20228	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	HEC503 (79)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1548	251ACC20229	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	19/12/2025	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1549	251ACC20230	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	18/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1550	251ACC20231	Nguyên lý kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	57	Tự luận 90	15h10	16/12/2025	HEC510 (30) ; HEC609 (27)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1551	251LIT30401	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	HEC603 (70)	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
1552	251LIT30402	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tự luận 60	13h30	23/12/2025	DPH004 (70)	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
1553	251LIT30403	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	HEC510 (42)	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
1554	251KOR33109	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		11/12/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
1555	251KOR33110	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50					Phan Thị Hạnh (60144)	
1556	251KOR33111	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Thực hành		11/12/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
1557	251KOR33112	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Phan Thị Hạnh (60144)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1558	251SOC30401	Nhập môn Công tác xã hội	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Đình Kỳ (60896)	
1559	251FRE30101	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Tổng hợp	13h30	09/12/2025	BPH009 (15)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
1560	251FRE30102	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Ngoại ngữ	15					Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
1561	251INT30601	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		06/11/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1562	251INT30602	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		05/11/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1563	251INT30603	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		08/11/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
1564	251INT30604	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	63	Tiểu luận		17/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1565	251INT30605	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		20/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
1566	251INT30606	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	56	Tiểu luận		11/11/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1567	251INT30607	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	56	Tiểu luận		23/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1568	251INT30608	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	61	Tiểu luận		20/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
1569	251INT30609	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		18/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1570	251INT30610	Nhập môn ngành	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tiểu luận		26/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
1571	251ART38201	Nhập môn ngành CNDATH	2.00	Khoa Nghệ thuật	49	Báo cáo		22/12/2025		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
1572	251BIO31101	Nhập môn ngành Công nghệ sinh học	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	28	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	BMT002 (28)	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1573	251FIN30901	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	68	Báo cáo		19/11/2025		Trần Mạnh Trí (60424)	
1574	251FOT30101	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (30)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
1575	251FOT30102	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	54	Trắc nghiệm	15h10	12/12/2025	BMT002 (24) ; DMT018 (30)	Lâm Đức Cường (60226)	
1576	251ART38401	Nhập môn ngành ĐDDATH	2.00	Khoa Nghệ thuật	23	Báo cáo		22/12/2025		Đỗ Thị Hồng (61128)	
1577	251NUR30101	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	45	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	HEC503 (45)	Trần Thị Huyền (60682)	
1578	251NUR30102	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	46	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	HEC503 (46)	Trần Thị Huyền (60682)	
1579	251NUR30103	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	46	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	HEC603 (46)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
1580	251NUR30104	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	46	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	HEC603 (46)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
1581	251NUR30105	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Khoa Y Dược	25	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	HEC605 (25)	Trần Thị Huyền (60682)	
1582	251ORI30101	Nhập môn ngành Đông Phương học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		07/11/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1583	251ORI30102	Nhập môn ngành Đông Phương học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tiểu luận		19/12/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
1584	251ORI30103	Nhập môn ngành Đông Phương học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	31	Tiểu luận		10/11/2025		Phan Thị Hạnh (60144)	
1585	251ACC30201	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	DPH005 (72)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1586	251ACC30202	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	DPH009 (35) ; DPH014 (35)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1587	251ACC30203	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	DPH006 (70)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1588	251ACC30204	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	76	Tự luận 60	13h30	05/12/2025	HEC503 (76)	Vũ Thanh Long (02007)	
1589	251INT31901	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	56	Tiểu luận		18/12/2025		Tổng Minh Đạt (61282)	
1590	251AUD30101	Nhập môn ngành Kiểm toán	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	26	Tiểu luận		14/11/2025		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1591	251BUS30401	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1592	251BUS30402	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	53	Tiểu luận		15/11/2025		Trần Quốc Bình (61518)	
1593	251BUS30403	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Quốc Bình (61518)	
1594	251ECO30801	Nhập môn ngành Kinh tế	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		26/12/2025		Đoàn Thị Vân (27003)	
1595	251ECO30802	Nhập môn ngành Kinh tế	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	43	Tiểu luận		15/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1596	251ECO30803	Nhập môn ngành Kinh tế	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	43	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1597	251ELE31101	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	46	Tiểu luận		14/11/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1598	251ELE31102	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	46	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
1599	251ELE31103	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	35	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1600	251COE30101	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	44	Tiểu luận		15/11/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
1601	251COE30102	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	37	Tiểu luận		17/12/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
1602	251SUC30101	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tiểu luận		26/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1603	251SUC30102	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1604	251SUC30103	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1605	251SUC30104	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1606	251SUC30105	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1607	251SUC30106	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1608	251SUC30107	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	52	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1609	251SUC30108	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	59	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1610	251SUC30109	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	62	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
1611	251SUC30110	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tiểu luận		26/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
1612	251SUC30111	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tiểu luận		26/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
1613	251LAW30101	Nhập môn ngành Luật	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	83	Tổng hợp	15h10	08/12/2025	BPH007 (41) ; DPH016 (42)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1614	251LAW30102	Nhập môn ngành Luật	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	83	Tổng hợp	15h10	08/12/2025	BPH103 (42) ; BPH105 (41)	Nguyễn Thanh Việt (61331)	
1615	251LAW30103	Nhập môn ngành Luật	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	75	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	HEC503 (75)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1616	251LAW30301	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	HEC503 (71)	Cao Hồng Quân (61483)	
1617	251LAW30302	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	22/12/2025	HEC603 (70)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1618	251LAW30303	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH012 (28) ; BPH110 (30)	Lê Trung Hậu (61488)	
1619	251MAR30201	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1620	251MAR30202	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		30/10/2025		Trần Anh Tú (60857)	
1621	251MAR30203	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		30/10/2025		Trần Anh Tú (60857)	
1622	251MAR30204	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
1623	251MAR30205	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		05/11/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
1624	251MAR30206	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1625	251MAR30207	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		12/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
1626	251MAR30208	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		12/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
1627	251MAR30209	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		21/12/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
1628	251MAR30210	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		21/12/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
1629	251MAR30211	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1630	251MAR30212	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1631	251MAR30213	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1632	251MAR30214	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1633	251MAR30215	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1634	251MAR30216	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1635	251MAR30217	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		04/11/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
1636	251MAR30218	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		16/12/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
1637	251INT33101	Nhập môn ngành MMT&TTDL	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	28	Tiểu luận		21/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1638	251ENG30101	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
1639	251ENG30102	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
1640	251ENG30103	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
1641	251ENG30104	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36					Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
1642	251ENG30105	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Lê Thanh Hòa (61027)	
1643	251ENG30106	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
1644	251ENG30107	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1645	251ENG30108	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1646	251ENG30109	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thùy Trang (25057)	
1647	251ENG30110	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thùy Trang (25057)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1648	251ENG30111	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1649	251ENG30112	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1650	251ENG30113	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
1651	251ENG30114	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36					Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
1652	251ENG30115	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1653	251ENG30116	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1654	251ENG30117	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thùy Trang (25057)	
1655	251ENG30118	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thùy Trang (25057)	
1656	251ENG30119	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Lê Thanh Hòa (61027)	
1657	251ENG30120	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
1658	251ENG30121	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1659	251ENG30122	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1660	251ENG30123	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1661	251ENG30124	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1662	251JAP30301	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37	Tổng hợp	09h40	16/12/2025	HEC703 (37)	Trương Thanh Tùng (60283)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1663	251JAP30302	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	46	Tổng hợp	09h40	16/12/2025	HEC609 (46)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
1664	251ICH33201	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	37	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
1665	251CHI33201	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
1666	251CHI33202	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
1667	251CHI33203	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Thị Hoa (61122)	
1668	251CHI33204	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
1669	251CHI33205	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Thị Hoa (61122)	
1670	251CHI33206	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
1671	251CHI33207	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
1672	251CHI33208	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
1673	251CHI33209	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1674	251CHI33210	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1675	251CHI33211	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
1676	251CHI33212	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
1677	251CHI33213	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Xiong Lan Ying (61474)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1678	251CHI33214	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
1679	251CHI33215	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1680	251CHI33216	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
1681	251CHI33217	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Tư Triển (60286)	
1682	251CHI33218	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
1683	251CHI33219	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Tư Triển (60286)	
1684	251CHI33220	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
1685	251CHI33221	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Thành Nhật (60751)	
1686	251CHI33222	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thành Nhật (60751)	
1687	251CHI33223	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Thành Nhật (60751)	
1688	251CHI33224	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Phan Thành Nhật (60751)	
1689	251CHI33225	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Tiểu luận		28/12/2025		Xiong Lan Ying (61474)	
1690	251CHI33226	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22					Xiong Lan Ying (61474)	
1691	251CHI33229	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
1692	251CHI33230	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1693	251CHI33231	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
1694	251CHI33232	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
1695	251ART36401	Nhập môn ngành Piano	2.00	Khoa Nghệ thuật	25	Thực hành		24/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
1696	251PUR30301	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		10/11/2025		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
1697	251PUR30302	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		06/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1698	251PUR30303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		06/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1699	251PUR30304	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thùy (04005)	
1700	251PUR30305	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/11/2025		Nguyễn Thị Hồng Thùy (04005)	
1701	251PUR30306	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		08/11/2025		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
1702	251PUR30307	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		08/11/2025		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
1703	251PUR30308	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1704	251PUR30309	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1705	251PUR30310	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		19/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thùy (04005)	
1706	251PUR30311	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		19/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thùy (04005)	
1707	251PUR30312	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1708	251PUR30313	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
1709	251PUR30314	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		05/11/2025		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
1710	251PUR30315	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		17/12/2025		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
1711	251PUR30316	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	68	Tiểu luận		03/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1712	251PUR30317	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	68	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1713	251PUR30318	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		04/11/2025		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
1714	251PUR30319	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
1715	251PUR30320	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		03/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1716	251PUR30321	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1717	251PUR30322	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		08/11/2025		Phan Thị Tuyết Hương (61178)	
1718	251PUR30323	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Phước (60765)	
1719	251PUR30324	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		04/11/2025		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1720	251INR30101	Nhập môn ngành Quan hệ quốc tế	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Tiểu luận		03/11/2025		Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
1721	251PRO30101	Nhập môn ngành Quản trị dự án	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận		01/12/2025		Lê Văn Thắng (60189)	
1722	251MAN30201	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		12/10/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1723	251MAN30202	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
1724	251MAN30203	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
1725	251MAN30204	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1726	251MAN30205	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1727	251MAN30206	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		01/11/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1728	251MAN30207	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		16/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1729	251MAN30208	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		29/10/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1730	251MAN30209	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/10/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1731	251MAN30210	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1732	251HUR30301	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
1733	251HUR30302	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
1734	251HUR30303	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	49	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
1735	251FIN30201	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Báo cáo		30/11/2025		Trần Tuấn Anh (60292)	
1736	251FIN30202	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	
1737	251FIN30203	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1738	251FIN30204	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Báo cáo		28/12/2025		Trương Trung Hiếu (61344)	
1739	251FIN30205	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Báo cáo		28/12/2025		Trần Tuấn Anh (60292)	
1740	251FIN30206	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	
1741	251FIN30207	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	29	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	
1742	251PSY30401	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Tự luận 60	13h30	22/12/2025	BPH111 (26) ; BPH112 (26)	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
1743	251PSY30402	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	08h00	08/12/2025	HEC510 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
1744	251PSY30403	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	BPH013 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
1745	251PSY30404	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	08h00	08/12/2025	HEC609 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
1746	251PSY30405	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	BPH107 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
1747	251PSY30406	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	08h00	08/12/2025	HEC503 (40)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
1748	251PSY30407	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	BPH007 (40)	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
1749	251PSY30408	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	HEC703 (46)	Vũ Thị Duyên (61522)	
1750	251PSY30409	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 60	15h10	05/12/2025	HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
1751	251ART36501	Nhập môn ngành Thanh nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	41	Thực hành		24/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1752	251ECO30501	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1753	251ECO30502	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	52	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Hùng (61086)	
1754	251ECO30503	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Hùng (61086)	
1755	251ECO30504	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	53	Tiểu luận		12/11/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1756	251ECO30505	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	52	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Thị Quyên (61513)	
1757	251ECO30506	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
1758	251ECO30507	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
1759	251CHI35201	Nhập môn ngành Trung Quốc học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	28	Tiểu luận		15/12/2025		Trịnh Văn Vinh (61018)	
1760	251MMC30101	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	32	Tiểu luận		07/11/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
1761	251MMC30102	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		10/11/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
1762	251MMC30103	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		10/11/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
1763	251MMC30104	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		04/11/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
1764	251MMC30105	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		04/11/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
1765	251MMC30106	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/11/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
1766	251MMC30107	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		04/11/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1767	251MMC30108	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		22/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1768	251MMC30109	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		22/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
1769	251MMC30110	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
1770	251MMC30111	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
1771	251MMC30112	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		17/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
1772	251MMC30113	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1773	251MMC30114	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	68	Tiểu luận		06/11/2025		Cao Thúy Oanh (25004)	
1774	251MMC30115	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53	Tiểu luận		25/12/2025		Cao Thúy Oanh (25004)	
1775	251MMC30118	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		07/11/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
1776	251MMC30119	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		19/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
1777	251MMC30120	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		07/11/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
1778	251MMC30121	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		19/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
1779	251MMC30122	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		05/11/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1780	251MMC30123	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		24/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1781	251MMC30124	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		05/11/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
1782	251MMC30125	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		17/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1783	251LIT30701	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Vấn đáp	08h00	12/12/2025	HEC605 (52)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1784	251LIT30702	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	08h00	01/12/2025	DPH015 (40)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1785	251LIT30703	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Vấn đáp	08h00	16/12/2025	HEC705 (52)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1786	251LIT30704	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	37	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	HEC606 (36)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1787	251LIT30705	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	13h30	03/12/2025	DPH015 (40)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1788	251LIT30706	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	08h00	18/12/2025	HEC606 (40)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
1789	251VIE30101	Nhập môn ngành Việt Nam học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	67	Tiểu luận		05/11/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
1790	251VIE30102	Nhập môn ngành Việt Nam học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tiểu luận		17/12/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
1791	251SOC30501	Nhập môn ngành Xã hội học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	58	Tự luận 60	13h30	03/12/2025	HEC609 (29) ; HEC709 (29)	Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
1792	251SOC30502	Nhập môn ngành Xã hội học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53	Tự luận 60	08h00	25/12/2025	HEC609 (27) ; HEC709 (26)	Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
1793	251SOC30503	Nhập môn ngành Xã hội học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	47	Tự luận 60	13h30	03/12/2025	HEC603 (47)	Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
1794	251GRA31001	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		12/11/2025		Hứa Hồng Quang (60675)	
1795	251GRA31002	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Hứa Hồng Quang (60675)	
1796	251GRA31004	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47	Tiểu luận		15/11/2025		Hứa Hồng Quang (60675)	
1797	251GRA31005	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Hứa Hồng Quang (60675)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1798	251GRA31007	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		11/11/2025		Nguyễn Phong Lan (60659)	
1799	251GRA31008	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Phong Lan (60659)	
1800	251GRA31013	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27	Tiểu luận		30/10/2025		Trần văn Tiền (61441)	
1801	251GRA31014	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27					Tôn Thất Hoài (61098)	
1802	251SOC41801	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Tiểu luận		07/11/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
1803	251HOS41801	Nhượng quyền thương mại	3.00	Khoa Du lịch	48	Tự luận 90	13h30	05/12/2025	DPH005 (48)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
1804	251HOS41802	Nhượng quyền thương mại	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	15h10	17/12/2025	BPH008 (25) ; BPH012 (25)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
1805	251ART31901	Phân tích âm nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	52	Bài tập lớn		23/12/2025		Hồ Duy Trường (60188)	
1806	251ART31902	Phân tích âm nhạc	2.00	Khoa Nghệ thuật	52					Hồ Duy Trường (60188)	
1807	251FIN41201	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1808	251FIN41202	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1809	251FIN41203	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
1810	251FIN41204	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
1811	251FIN41205	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1812	251FIN41206	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1813	251FIN41207	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1814	251FIN41208	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		28/11/2025		Phan Thị Lan Phương (60519)	
1815	251FIN41209	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		28/11/2025		Phan Thị Lan Phương (60519)	
1816	251FIN41210	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	67	Tiểu luận		28/11/2025		Phan Thị Lan Phương (60519)	
1817	251FIN41211	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1818	251FIN41212	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		12/10/2025		Đào Văn Hào (60784)	
1819	251FIN41213	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
1820	251FIN41214	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
1821	251FIN41215	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
1822	251FIN41216	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
1823	251FIN41217	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Lê Minh Phương (61447)	
1824	251FIN41218	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/11/2025		Nguyễn Lê Minh Phương (61447)	
1825	251FIN41219	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		15/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1826	251FIN41220	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		15/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1827	251FIN41221	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		15/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1828	251ECO32901	Phân tích chính sách	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	61	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Tuấn Anh (61397)	
1829	251ENG49201	Phân tích diễn ngôn	2.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	DPH006 (45)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1830	251ENG49202	Phân tích diễn ngôn	2.00	Khoa Ngoại ngữ	45					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1831	251ENG49203	Phân tích diễn ngôn	2.00	Khoa Ngoại ngữ	44	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	DPH016 (44)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1832	251ENG49204	Phân tích diễn ngôn	2.00	Khoa Ngoại ngữ	44					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
1833	251ECO42001	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1834	251ECO42002	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1835	251ECO42003	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1836	251PUR44901	Phân tích nội dung truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		23/10/2025		Phan Thị Tuyết Hương (61178)	
1837	251PUR44902	Phân tích nội dung truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		11/12/2025		Phan Thị Tuyết Hương (61178)	
1838	251CTE40701	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 2	2.00	Khoa Nghệ thuật	11	Báo cáo		22/12/2025		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
1839	251CTE40702	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 2	2.00	Khoa Nghệ thuật	11					Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
1840	251INT427101	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH110 (25) ; BPH112 (25)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
1841	251INT427102	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
1842	251FOT31201	Phân tích thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	64	Trắc nghiệm	08h00	05/12/2025	BPH008 (32) ; BPH012 (32)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1843	251FOT31202	Phân tích thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	51	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	HEC609 (26) ; HEC709 (25)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1844	251LAW10101	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1845	251LAW10102	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (74)	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)	
1846	251LAW10103	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)	
1847	251LAW10104	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38) ; BPH106 (37)	Trần Võ Hữu Chánh (61302)	
1848	251LAW10105	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BPH013 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Trần Võ Hữu Chánh (61302)	
1849	251LAW10106	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	BPH013 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)	
1850	251LAW10107	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)	
1851	251LAW10108	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	BPH102 (37) ; BPH104 (37) ; BPH106 (38) ; BPH107 (38)	Phạm Văn Nhung (05020)	
1852	251LAW10109	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	BPH007 (37) ; BPH013 (38) ; BPH105 (38) ; DPH009 (37)	Phạm Văn Nhung (05020)	
1853	251LAW10110	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	BPH014 (30) ; BPH108 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Quang Thông (60799)	
1854	251LAW10111	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Nguyễn Quang Thông (60799)	
1855	251LAW10112	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Nguyễn Quang Thông (60799)	
1856	251LAW10113	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Quang Thông (60799)	
1857	251LAW10114	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	147	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	HEC510 (38) ; HEC609 (36) ; HEC703 (37) ; HEC709 (36)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1858	251LAW10115	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	BPH007 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Phan Văn Thụy (61353)	
1859	251LAW10116	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1860	251LAW10117	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	BPH106 (40) ; BPH108 (40) ; DPH006 (70)	Cao Hồng Quân (61483)	
1861	251LAW10118	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Phan Văn Thụy (61353)	
1862	251LAW10119	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	BPH104 (38) ; BPH108 (38) ; DPH006 (74)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1863	251LAW10120	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1864	251LAW10121	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1865	251LAW10122	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1866	251LAW10123	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	118	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40) ; HEC709 (38)	Nguyễn Thanh Việt (61331)	
1867	251LAW10124	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	118	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40) ; HEC709 (38)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1868	251LAW10125	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	146	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (72)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1869	251LAW10126	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1870	251LAW10127	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)	
1871	251LAW10128	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	BPH007 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)	
1872	251LAW10129	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	HEC510 (37) ; HEC609 (37) ; HEC703 (38) ; HEC709 (38)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1873	251LAW10130	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	12/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1874	251LAW10131	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	12/12/2025	HEC510 (37) ; HEC609 (37) ; HEC703 (38) ; HEC709 (38)	Vũ Thị Nga (60542)	
1875	251LAW10132	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	HEC510 (37) ; HEC609 (38) ; HEC703 (38) ; HEC709 (37)	Vũ Thị Nga (60542)	
1876	251LAW10133	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Lê Trung Hậu (61488)	
1877	251LAW10134	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	153	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DPH004 (77) ; DPH005 (76)	Cao Hồng Quân (61483)	
1878	251LAW10135	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1879	251LAW10136	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Võ Thị Bích Nhung (61360)	
1880	251LAW10137	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1881	251LAW10138	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	BPH102 (37) ; BPH104 (38) ; BPH106 (38) ; BPH108 (37)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1882	251LAW10139	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BPH007 (38) ; BPH108 (37) ; DPH006 (75)	Lê Thị Lợm (61487)	
1883	251LAW10140	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	11/12/2025	BPH014 (30) ; BPH107 (30) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30) ; DPH020 (30)	Lê Trung Hậu (61488)	
1884	251LAW10141	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH013 (38) ; BPH103 (40) ; DPH006 (71)	Cao Hồng Quân (61483)	
1885	251LAW10142	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	DPH016 (38) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Lê Nhật Bảo (61365)	
1886	251LAW10143	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	BPH014 (30) ; BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30)	Lê Nhật Bảo (61365)	
1887	251LAW10144	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Lê Nhật Bảo (61365)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1888	251LAW10145	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	BPH007 (32) ; BPH013 (32) ; DPH009 (32) ; DPH014 (32)	Lê Nhật Bảo (61365)	
1889	251LAW10146	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	DPH014 (38) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Phạm Văn Nhung (05020)	
1890	251LAW10147	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	HEC510 (42) ; HEC609 (42) ; HEC709 (44)	Phạm Văn Nhung (05020)	
1891	251LAW10148	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	106	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DPH009 (35) ; DPH014 (35) ; DPH016 (37)	Cao Hồng Quân (61483)	
1892	251LAW10149	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	118	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40) ; HEC709 (38)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1893	251LAW10150	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	87	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (27)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1894	251LAW10151	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Trắc nghiệm	08h00	11/12/2025	BPH103 (44) ; BPH107 (44)	Nguyễn Thị Huế (61504)	
1895	251LAW10152	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	BPH105 (44) ; BPH107 (44)	Nguyễn Đình Luân (61503)	
1896	251LAW10153	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Trắc nghiệm	13h30	11/12/2025	BPH103 (44) ; BPH107 (44)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1897	251LAW10154	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	BPH103 (44) ; DPH016 (44)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1898	251LAW10155	Pháp luật đại cương	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	144	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	BPH007 (32) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1899	251BUS42401	Pháp luật trong kinh doanh	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	46	Tiểu luận		04/12/2025		Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1900	251LAW50501	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Tự luận 60	08h00	05/12/2025	BPH112 (25)	Nguyễn Đình Luân (61503)	
1901	251LAW42001	Pháp luật về cạnh tranh	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
1902	251LAW43501	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Tự luận 60	09h40	04/12/2025	HEC603 (45)	Nguyễn Chí Thân (61265)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1903	251LAW42201	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	08h00	19/12/2025	BPH104 (40) ; BPH106 (40)	Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1904	251LAW42202	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	77	Tự luận 90	08h00	19/12/2025	BPH102 (37) ; BPH105 (40)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
1905	251LAW42203	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	08h00	19/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
1906	251LAW40601	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	HEC703 (70)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1907	251LAW40602	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH103 (40) ; BPH111 (30)	Nguyễn Thanh Việt (61331)	
1908	251LAW40603	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH108 (35) ; BPH109 (35)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
1909	251LAW50401	Pháp luật về thi hành án	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tự luận 60	09h40	08/12/2025	BPH108 (49)	Lê Vũ Minh Thuận (60869)	
1910	251LAW43401	Pháp luật về thừa kế	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	HEC503 (50)	Võ Thị Bích Nhung (61360)	
1911	251LAW43402	Pháp luật về thừa kế	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	29	Tự luận 60	15h10	22/12/2025	HEC510 (29)	Võ Thị Bích Nhung (61360)	
1912	251PUR42101	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	84	Tự luận 60	15h10	03/12/2025	BPH103 (42) ; BPH105 (42)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1913	251PUR42102	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1914	251PUR42103	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	85	Tự luận 60	13h30	03/12/2025	BPH105 (42) ; BPH107 (43)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1915	251PUR42104	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	15h10	12/12/2025	DPH005 (40) ; DPH006 (40)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1916	251PUR42105	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	09h40	10/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1917	251PUR42106	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 60	09h40	10/12/2025	BPH103 (50)	Nguyễn Chí Thân (61265)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1918	251PUR42107	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 60	13h30	03/12/2025	DPH006 (50)	Nguyễn Chí Thân (61265)	
1919	251PUR42108	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	BPH007 (44)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1920	251PUR42109	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	12/12/2025	BPH103 (30) ; BPH105 (30)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1921	251PUR42110	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	09h40	10/12/2025	BPH013 (30) ; BPH104 (30)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1922	251PUR42111	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	03/12/2025	BPH014 (30) ; DPH017 (30)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1923	251PUR42112	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	12/12/2025	BPH107 (30) ; BPH108 (30)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1924	251PUR42113	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	12/12/2025	BPH106 (30) ; DPH016 (30)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1925	251PUR42114	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	09h40	10/12/2025	DPH009 (36) ; DPH014 (36)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1926	251PUR42115	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	09h40	10/12/2025	DPH005 (72)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1927	251PUR42116	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	15h10	03/12/2025	DPH004 (72)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1928	251PUR42117	Pháp luật về truyền thông	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	82	Tự luận 60	15h10	03/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (42)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
1929	251PUR43201	Phát ngôn viên tổ chức	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		28/10/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
1930	251PUR43202	Phát ngôn viên tổ chức	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		09/12/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
1931	251SOC30601	Phát triển cộng đồng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tiểu luận		28/10/2025		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
1932	251TOU30201	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1933	251TOU30202	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
1934	251TOU30203	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
1935	251TOU30204	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	80	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
1936	251TOU30205	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	DPH005 (50)	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
1937	251TOU30206	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	DPH009 (30) ; DPH022 (30)	Dương Thị Loan (60190)	
1938	251TOU30207	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	BPH102 (30) ; BPH110 (30)	Dương Thị Loan (60190)	
1939	251INT472101	Phát triển mã nguồn mở	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	73	Tiểu luận		27/10/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
1940	251INT472102	Phát triển mã nguồn mở	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	24					Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
1941	251INT472103	Phát triển mã nguồn mở	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
1942	251MAR42901	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1943	251MAR42902	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1944	251MAR42903	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1945	251MAR42904	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
1946	251MAR42905	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/11/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1947	251MAR42906	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/11/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1948	251MAR42907	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1949	251MAR42908	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1950	251MAR42909	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
1951	251MAR42910	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
1952	251MAR42911	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1953	251MAR42912	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1954	251MAR42913	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Thuận Hải (60967)	
1955	251MAR42914	Phát triển sản phẩm	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Minh Khoa (61174)	
1956	251BIO31704	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Trắc nghiệm	15h10	24/12/2025	BPH008 (30) ; BPH112 (30)	Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1957	251BIO31705	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		26/11/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1958	251BIO31706	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Thực hành		17/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
1959	251GRA42601	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		26/10/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
1960	251GRA42602	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Trần Quốc Toàn (60754)	
1961	251GRA42603	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	36					Trần Quốc Toàn (60754)	
1962	251GRA42607	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		16/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1963	251GRA42608	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Đỗ Minh Trung (60885)	
1964	251GRA42613	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	76	Tiểu luận		16/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
1965	251GRA42614	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43					Đỗ Minh Trung (60885)	
1966	251GRA42615	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Đỗ Minh Trung (60885)	
1967	251INT47501	Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận		07/10/2025		Dương Thái Bảo (60940)	
1968	251ENG40701	Phiên dịch nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	03/12/2025	HEC605 (40)	Đỗ Huy Liêm (61435)	
1969	251JAP48901	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Vấn đáp	13h30	17/12/2025	DPH015 (30)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
1970	251JAP48902	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
1971	251PUR44401	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		24/10/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
1972	251PUR44402	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
1973	251TRA40601	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Khoa Du lịch	67	Tự luận 90	13h30	05/12/2025	HEC510 (33) ; HEC609 (34)	Vũ Thị Thu Hương (03112)	
1974	251ENG42301	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3.00	Khoa Ngoại ngữ	29	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Phát Lợi (25109)	
1975	251JAP48001	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3.00	Khoa Ngoại ngữ	20	Bài tập lớn		28/12/2025		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
1976	251SKL10101	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1977	251SKL10102	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		30/11/2025		Vũ Cao Vân Anh (60533)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1978	251SKL10103	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		02/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1979	251SKL10104	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		10/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1980	251SKL10105	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Tiểu luận		10/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1981	251SKL10106	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		26/11/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1982	251SKL10107	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1983	251SKL10108	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	144	Tiểu luận		12/12/2025		Lê Ngọc Phương (60795)	
1984	251SKL10109	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		14/12/2025		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
1985	251SKL10110	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		14/12/2025		Phan Thị Phương Loan (60789)	
1986	251SKL10111	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	126	Tiểu luận		10/12/2025		Đoàn Thị Huế (05049)	
1987	251SKL10112	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		04/12/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
1988	251SKL10113	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	117	Tiểu luận		04/12/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
1989	251SKL10114	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		01/12/2025		Phan Thị Thu Thảo (10004)	
1990	251SKL10115	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		01/12/2025		Phan Thị Thu Thảo (10004)	
1991	251SKL10116	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		25/11/2025		Đoàn Thị Huế (05049)	
1992	251SKL10117	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	148	Tiểu luận		25/11/2025		Đoàn Thị Huế (05049)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1993	251SKL10118	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		26/11/2025		Lê Anh Tuấn (61453)	
1994	251SKL10119	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		26/11/2025		Lê Anh Tuấn (61453)	
1995	251SKL10120	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
1996	251SKL10121	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		04/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
1997	251SKL10122	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		10/12/2025		Đoàn Thị Huê (05049)	
1998	251SKL10123	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	148	Tiểu luận		09/12/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
1999	251SKL10124	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Tiểu luận		13/12/2025		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2000	251SKL10125	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		13/12/2025		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2001	251SKL10126	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		10/12/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
2002	251SKL10127	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		18/12/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
2003	251SKL10128	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		13/12/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
2004	251SKL10129	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tiểu luận		13/12/2025		Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
2005	251SKL10130	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	96	Tiểu luận		25/11/2025		Lê Anh Tuấn (61453)	
2006	251SKL10131	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	96	Tiểu luận		25/11/2025		Lê Anh Tuấn (61453)	
2007	251SKL10132	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	91	Tiểu luận		26/11/2025		Phan Thị Thu Thảo (10004)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2008	251SKL10133	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	92	Tiểu luận		26/11/2025		Phan Thị Thu Thảo (10004)	
2009	251SKL10134	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	96	Tiểu luận		04/12/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2010	251SKL10135	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	86	Tiểu luận		04/12/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2011	251SKL10136	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		24/11/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2012	251SKL10137	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		24/11/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2013	251SKL10138	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
2014	251SKL10139	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		28/11/2025		Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
2015	251SKL10140	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tiểu luận		29/11/2025		Nguyễn Thị Hóa (19001)	
2016	251SKL10141	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	114	Tiểu luận		29/11/2025		Nguyễn Thị Hóa (19001)	
2017	251SKL10142	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		25/11/2025		Trần Kiều Dung (61492)	
2018	251SKL10143	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Tiểu luận		25/11/2025		Trần Kiều Dung (61492)	
2019	251SKL10144	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Tiểu luận		03/12/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2020	251SKL10145	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	91	Tiểu luận		03/12/2025		Lê Thị Chi (04133)	
2021	251SKL10146	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	90	Tiểu luận		04/12/2025		Mai Thị Rạng (61491)	
2022	251SKL10148	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	154	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Thị Huế (05049)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2023	251SKL10149	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	152	Tiểu luận		28/12/2025		Đoàn Thị Huế (05049)	
2024	251SKL10150	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		25/11/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
2025	251SKL10151	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		25/11/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
2026	251SKL10152	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		26/11/2025		Huỳnh Văn Chính (61140)	
2027	251SKL10153	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		26/11/2025		Huỳnh Văn Chính (61140)	
2028	251SKL10154	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Tiểu luận		04/12/2025		Huỳnh Văn Chính (61140)	
2029	251SKL10155	Phương pháp học đại học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	113	Tiểu luận		04/12/2025		Huỳnh Văn Chính (61140)	
2030	251SOS30301	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		12/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2031	251SOS30302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		26/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2032	251SOS30303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		14/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2033	251SOS30304	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		14/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2034	251SOS30305	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59	Tiểu luận		28/11/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2035	251SOS30306	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		15/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2036	251SOS30307	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2037	251SOS30308	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		16/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2038	251SOS30309	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		20/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2039	251SOS30310	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		20/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2040	251SOS30311	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		04/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2041	251SOS30312	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		18/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2042	251SOS30313	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	71	Tiểu luận		18/11/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2043	251SOS30314	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	71	Tiểu luận		14/11/2025		Hà Thúc Dũng (04103)	
2044	251SOS30315	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		14/11/2025		Hà Thúc Dũng (04103)	
2045	251SOS30316	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Tấn Đạt (61451)	
2046	251SOS30317	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		24/11/2025		Hà Thúc Dũng (04103)	
2047	251BUS30501	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	58	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2048	251BUS30502	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	55	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2049	251BUS30503	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	78	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2050	251BUS30504	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2051	251BUS30505	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	78	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2052	251BUS30506	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2053	251BUS30507	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	31	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
2054	251BUS30901	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2055	251BUS30902	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2056	251BUS30903	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2057	251BUS30904	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2058	251BUS30905	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2059	251BUS30906	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2060	251BUS30907	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2061	251BUS30908	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2062	251BUS30909	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2063	251BUS30910	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2064	251BUS30911	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Trương Lê Ngọc Giang (61424)	
2065	251BUS30912	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Trương Lê Ngọc Giang (61424)	
2066	251BUS30913	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Thị Yến Thanh (61425)	
2067	251BUS30914	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2068	251BUS30915	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2069	251BUS30916	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Thị Yến Thanh (61425)	
2070	251BUS30917	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2071	251BUS30918	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2072	251BUS30919	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		12/10/2025		Nguyễn Duy Phương (60978)	
2073	251BUS30920	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
2074	251BUS30921	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
2075	251ENG34301	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Phát Lợi (25109)	
2076	251ENG34302	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Phát Lợi (25109)	
2077	251ENG34303	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Thị Hiếu (61354)	
2078	251ENG34304	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Thị Hiếu (61354)	
2079	251ENG34305	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Thị Hiếu (61354)	
2080	251ENG34306	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Hồ Thị Hiếu (61354)	
2081	251ENG34307	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Huyền Trinh (61247)	
2082	251ENG34308	Phương pháp quản lý lớp học	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Võ Huyền Trinh (61247)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2083	251HOS41901	Phương pháp xây dựng khẩu phần thực đơn	3.00	Khoa Du lịch	43	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	HEC510 (43)	Võ Đình Thuật (61030)	
2084	251ART43001	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	5	Biểu diễn		26/12/2025		Trần Mai Hồng (26007)	
2085	251ART43002	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	5					Trần Mai Hồng (26007)	
2086	251ART43005	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2087	251ART43006	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2088	251ART43007	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2089	251ART43008	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2090	251ART43009	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2091	251ART43010	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Nông Văn Hiếu (60986)	
2092	251ART43013	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2093	251ART43014	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2094	251ART43015	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Phạm Ca Dao (61089)	
2095	251ART43016	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Ca Dao (61089)	
2096	251ART43017	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Đào Nguyên Bảo (60790)	
2097	251ART43018	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đào Nguyên Bảo (60790)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2098	251ART43019	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Trần Minh Ngọc (60850)	
2099	251ART43020	Piano 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Minh Ngọc (60850)	
2100	251ART43201	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Trần Mai Hồng (26007)	
2101	251ART43202	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Mai Hồng (26007)	
2102	251ART43203	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2103	251ART43204	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2104	251ART43205	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2105	251ART43206	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Nông Văn Hiếu (60986)	
2106	251ART43207	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2107	251ART43208	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2108	251ART43211	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		25/12/2025		Phạm Ca Dao (61089)	
2109	251ART43212	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Ca Dao (61089)	
2110	251ART43213	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Đào Nguyên Bảo (60790)	
2111	251ART43214	Piano 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đào Nguyên Bảo (60790)	
2112	251ART43401	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Mai Hồng (26007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2113	251ART43402	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Trần Mai Hồng (26007)	
2114	251ART43403	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2115	251ART43404	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2116	251ART43405	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2117	251ART43406	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Nông Văn Hiếu (60986)	
2118	251ART43407	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		27/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2119	251ART43408	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Nông Văn Hiếu (60986)	
2120	251ART43409	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		27/12/2025		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2121	251ART43410	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2122	251ART43415	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Minh Ngọc (60850)	
2123	251ART43416	Piano 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Minh Ngọc (60850)	
2124	251ART43601	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Mai Hồng (26007)	
2125	251ART43602	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Mai Hồng (26007)	
2126	251ART43603	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2127	251ART43604	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2128	251ART43605	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		27/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2129	251ART43606	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	2					Nông Văn Hiếu (60986)	
2130	251ART43607	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Thạch Thái Đỗ Quyền (60843)	
2131	251ART43608	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyền (60843)	
2132	251ART43609	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Đào Nguyên Bảo (60790)	
2133	251ART43610	Piano 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đào Nguyên Bảo (60790)	
2134	251PUR42901	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tiểu luận		28/10/2025		Lê Ngọc Hường (61146)	
2135	251PUR42902	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tiểu luận		09/12/2025		Lê Ngọc Hường (61146)	
2136	251PUR42903	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tiểu luận		28/10/2025		Lê Ngọc Hường (61146)	
2137	251PUR42904	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tiểu luận		09/12/2025		Lê Ngọc Hường (61146)	
2138	251PUR42905	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49	Tiểu luận		27/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
2139	251PUR42906	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		08/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
2140	251PUR42907	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		27/10/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
2141	251PUR42908	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		08/12/2025		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
2142	251PUR42909	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Công Thanh Dung (60265)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2143	251PUR42910	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Công Thanh Dung (60265)	
2144	251PUR42911	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Công Thanh Dung (60265)	
2145	251PUR42912	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Công Thanh Dung (60265)	
2146	251PUR41001	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		12/10/2025		Hồ Quốc Đức (60968)	
2147	251PUR41002	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		12/10/2025		Dương Thị Hồng Vân (61363)	
2148	251PUR41003	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
2149	251PUR41004	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
2150	251PUR41005	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2151	251PUR41006	Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	86	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2152	251BUS42601	Quan hệ kinh tế quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận		23/10/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
2153	251SOS30501	Quan hệ quốc tế	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tự luận 90	08h00	13/12/2025	BPH103 (44) ; BPH109 (44)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
2154	251SOS30502	Quan hệ quốc tế	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	47	Tự luận 90	09h40	10/12/2025	DPH004 (47)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
2155	251SOS30503	Quan hệ quốc tế	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	HEC510 (46)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2156	251SOS30504	Quan hệ quốc tế	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tự luận 90	08h00	26/12/2025	HEC603 (46)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2157	251TOU30301	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Khoa Du lịch	57	Tự luận 60	09h40	09/12/2025	BPH008 (27) ; BPH014 (30)	Tô Hồng Gấm (60506)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2158	251FOT45301	Quản lý chất lượng thực phẩm	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	34	Bài tập lớn		02/12/2025		Huỳnh Thành Đạt (60724)	
2159	251HOS42001	Quản lý doanh thu và chi phí	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	15h10	03/12/2025	BPH110 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
2160	251HOS42002	Quản lý doanh thu và chi phí	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	15h10	03/12/2025	HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
2161	251INT477101	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	73	Tự luận 60	09h40	09/12/2025	HEC510 (36) ; HEC609 (37)	Phạm Trọng Huynh (60773)	
2162	251INT477102	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Phạm Trọng Huynh (60773)	
2163	251INT477103	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	26					Phạm Trọng Huynh (60773)	
2164	251SOC30901	Quản lý dự án xã hội	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	33	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Đình Ký (60896)	
2165	251TOU42501	Quản lý du lịch cộng đồng	2.00	Khoa Du lịch	43	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
2166	251TOU42502	Quản lý du lịch cộng đồng	2.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
2167	251ECO50501	Quản lý nhà nước về kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	3	Tiểu luận		20/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
2168	251MAN40601	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2169	251MAN40602	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2170	251MAN40603	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2171	251MAN40604	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2172	251MAN40605	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Trường (61387)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2173	251MAN40606	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Trường (61387)	
2174	251MAN40607	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	85	Tiểu luận		12/10/2025		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
2175	251MAN40608	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	85	Tiểu luận		12/10/2025		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
2176	251MAN40609	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		29/11/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
2177	251MAN40610	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		04/12/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
2178	251MAN40611	Quản trị bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	83	Tiểu luận		28/11/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
2179	251LOG40601	Quản trị bán hàng trực tuyến	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	9	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2180	251MAN40701	Quản trị chăm sóc khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	37	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Duy Phương (60978)	
2181	251MAN40901	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2182	251MAN40902	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2183	251MAN40903	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2184	251MAN40904	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2185	251MAN40905	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Trần Hà My (61207)	
2186	251MAN40906	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Trần Hà My (61207)	
2187	251MAN40907	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Trần Hà My (61207)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2188	251MAN40908	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Thái Doãn Hồng (61054)	
2189	251MAN40909	Quản trị chiến lược	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Thái Doãn Hồng (61054)	
2190	251TOU41801	Quản trị chiến lược trong du lịch	3.00	Khoa Du lịch	52	Tự luận 90	09h40	08/12/2025	HEC703 (51)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2191	251MAN41001	Quản trị dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Quang Vũ (61426)	
2192	251MAN41002	Quản trị dịch vụ	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2193	251HOS30201	Quản trị dịch vụ ăn uống	3.00	Khoa Du lịch	43	Tự luận 90	13h30	08/12/2025	HEC603 (43)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2194	251HOS42301	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	09h40	04/12/2025	HEC503 (50)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2195	251TRA42101	Quản trị điểm đến	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	13h30	08/12/2025	HEC510 (30) ; HEC609 (30)	Phạm Ngọc Hiếu (61401)	
2196	251TRA42102	Quản trị điểm đến	3.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 90	13h30	08/12/2025	HEC503 (70)	Phạm Ngọc Hiếu (61401)	
2197	251MAN41201	Quản trị dự án đầu tư	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Văn Tiên (61107)	
2198	251MAN41202	Quản trị dự án đầu tư	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Văn Tiên (61107)	
2199	251MMC42401	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Tiểu luận		14/11/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
2200	251TOU42701	Quản trị du lịch MICE	3.00	Khoa Du lịch	75	Tự luận 90	08h00	04/12/2025	HEC503 (75)	Nguyễn Thị Thúy ngân (61399)	
2201	251INT32701	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	83	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
2202	251INT32702	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Nguyễn Minh Thi (60151)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2203	251INT32703	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	36					Nguyễn Minh Thi (60151)	
2204	251INT32704	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		06/11/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
2205	251INT32705	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Nguyễn Minh Thi (60151)	
2206	251INT32706	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Nguyễn Minh Thi (60151)	
2207	251MAN20101	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Quốc Thắng (61406)	
2208	251MAN20102	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Quốc Thắng (61406)	
2209	251MAN20103	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	89	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Uy Chinh (61192)	
2210	251MAN20104	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	88	Tiểu luận		05/12/2025		Lê Uy Chinh (61192)	
2211	251MAN20105	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Hải Đăng (60856)	
2212	251MAN20106	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	120	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Hải Đăng (60856)	
2213	251MAN20107	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	128	Tiểu luận		20/12/2025		Văn Nguyễn Loan Quỳnh (60788)	
2214	251MAN20108	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Văn Nguyễn Loan Quỳnh (60788)	
2215	251MAN20109	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Công Thanh (10007)	
2216	251MAN20110	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Công Thanh (10007)	
2217	251MAN20111	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2218	251MAN20112	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2219	251MAN20113	Quản trị học	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	149	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2220	251SUC40901	Quản trị kênh phân phối	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		20/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
2221	251SUC40902	Quản trị kênh phân phối	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		20/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
2222	251SUC40903	Quản trị kênh phân phối	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
2223	251SUC40904	Quản trị kênh phân phối	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		20/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
2224	251LOG40201	Quản trị kho hàng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2225	251LOG40202	Quản trị kho hàng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2226	251LOG40203	Quản trị kho hàng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2227	251LOG40204	Quản trị kho hàng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2228	251LOG40205	Quản trị kho hàng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2229	251HOS42401	Quản trị Khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	DMT011 (50)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2230	251HOS42402	Quản trị Khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	DMT010 (50)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2231	251HOS42403	Quản trị Khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	DMT012 (50)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2232	251TRA44401	Quản trị kinh doanh Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	16	Tự luận 90	15h10	03/12/2025	BPH008 (16)	Phi Hải Long (61141)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2233	251LOG40101	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	70	Tổng hợp	09h40	26/12/2025	BPH106 (35) ; BPH108 (35)	Nguyễn Văn Thuận (61413)	
2234	251LOG40102	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	70	Tổng hợp	09h40	26/12/2025	BPH013 (35) ; BPH102 (35)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
2235	251LOG40103	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	70	Tổng hợp	15h10	25/12/2025	DPH006 (70)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
2236	251LOG40104	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tổng hợp	09h40	26/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40)	Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2237	251LOG40105	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	80	Tổng hợp	09h40	26/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2238	251LOG40106	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	68	Tổng hợp	15h10	25/12/2025	BPH007 (38) ; DPH022 (30)	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)	
2239	251LOG40107	Quản trị Logistics	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	68	Tổng hợp	15h10	25/12/2025	BPH013 (38) ; BPH111 (30)	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)	
2240	251SUC41001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tổng hợp	09h40	08/12/2025	BPH110 (25) ; BPH112 (25)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2241	251SUC41002	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tổng hợp	15h10	08/12/2025	BPH008 (25) ; BPH013 (25)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2242	251SUC41003	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	62	Tổng hợp	13h30	25/12/2025	BPH102 (31) ; BPH104 (31)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2243	251SUC41004	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tổng hợp	13h30	25/12/2025	BPH106 (30) ; BPH110 (30)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2244	251MAR41801	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2245	251MAR41802	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2246	251MAR41803	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
2247	251MAR41804	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2248	251MAR41805	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2249	251MAR41806	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2250	251MAR41807	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2251	251MAR41808	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
2252	251MAR41809	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	85	Tiểu luận		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
2253	251MAR41810	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	85	Tiểu luận		24/12/2025		Nhâm Tuấn Cảnh (61452)	
2254	251MAR41811	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		24/12/2025		Trương Phi Cường (60971)	
2255	251MAR41812	Quản trị marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		24/12/2025		Trương Phi Cường (60971)	
2256	251ECO31501	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2257	251ECO31502	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2258	251ECO31503	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2259	251ECO31504	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2260	251ECO31505	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2261	251FIN41401	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH013 (35) ; BPH102 (35)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2262	251FIN41402	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	17/12/2025	BPH104 (35) ; BPH106 (35)	Phạm Hoàng Ân (02130)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2263	251FIN41403	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	17/12/2025	BPH106 (30) ; BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Phạm Hoàng Ân (02130)	
2264	251FIN41404	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	09h40	17/12/2025	HEC503 (70)	Phạm Hoàng Ân (02130)	
2265	251TOU42801	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	2.00	Khoa Du lịch	80	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2266	251HUR40801	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2267	251HUR40802	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2268	251HUR40803	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2269	251HUR40804	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2270	251HUR40805	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2271	251HUR40806	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2272	251HUR40807	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2273	251HUR40808	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2274	251HUR40809	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2275	251HUR40810	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thị Thúy Mai (61078)	
2276	251HUR40811	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thị Thúy Mai (61078)	
2277	251HUR40812	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Lê Hoàng Minh (61082)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2278	251HUR40813	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Lê Hoàng Minh (61082)	
2279	251HUR40814	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Lê Hoàng Minh (61082)	
2280	251HUR40815	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Lê Hoàng Minh (61082)	
2281	251HUR40816	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Hồng Loan (61455)	
2282	251HUR40817	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Hồng Loan (61455)	
2283	251HUR40818	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Hồng Loan (61455)	
2284	251HUR40819	Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Trung Việt (61199)	
2285	251ECO42701	Quản trị nhân sự quốc tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2286	251MAN41301	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)	
2287	251MAN41302	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)	
2288	251MAN41303	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
2289	251MAN41304	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
2290	251MAN41305	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
2291	251MAN41306	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
2292	251MAN41307	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2293	251MAN41308	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2294	251MAN41309	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2295	251MAN41310	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2296	251MAN41311	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2297	251MAN41312	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2298	251MAN41313	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2299	251MAN41314	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2300	251MAN41315	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2301	251MAN41316	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2302	251MAN41317	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận		20/12/2025		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2303	251TOU41901	Quản trị quan hệ khách hàng trong du lịch	3.00	Khoa Du lịch	16	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Quốc Hồng Thi (61517)	
2304	251FIN41501	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	47	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DMT012 (47)	Hà Lâm Oanh (61478)	
2305	251TRA31201	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hoàng Vũ (61214)	
2306	251TRA31202	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hoàng Vũ (61214)	
2307	251TRA31203	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	72	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Đông An (60609)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2308	251TRA31204	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	72	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Đông An (60609)	
2309	251TRA31205	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2310	251TRA31206	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2311	251TRA31207	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Ngọc Hiếu (61401)	
2312	251TRA31208	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Duy Hải (61473)	
2313	251TRA31209	Quản trị sự kiện	3.00	Khoa Du lịch	94	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Duy Hải (61473)	
2314	251BUS10201	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2315	251BUS10202	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2316	251BUS10203	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	79	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2317	251BUS10204	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2318	251BUS10205	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2319	251BUS10206	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2320	251BUS10207	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2321	251BUS10208	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2322	251BUS10209	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Vũ Minh Hiếu (61071)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2323	251BUS10210	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2324	251BUS10211	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2325	251BUS10212	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2326	251BUS10213	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2327	251BUS10214	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	118	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2328	251BUS10215	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2329	251BUS10216	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	88	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2330	251BUS10217	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Xuân Quỳnh (61073)	
2331	251BUS10218	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Xuân Quỳnh (61073)	
2332	251BUS10219	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2333	251BUS10220	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2334	251BUS10221	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Kiều Ngọc Dũng (61068)	
2335	251BUS10222	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Kiều Ngọc Dũng (61068)	
2336	251BUS10223	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Kiều Ngọc Dũng (61068)	
2337	251BUS10224	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2338	251BUS10225	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
2339	251BUS10226	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		24/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2340	251BUS10227	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		24/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2341	251BUS10228	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Đức Tài (61065)	
2342	251BUS10229	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Đức Tài (61065)	
2343	251BUS10230	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Đức Liêm (60544)	
2344	251BUS10231	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2345	251BUS10232	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2346	251BUS10233	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2347	251BUS10234	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	149	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2348	251BUS10235	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2349	251BUS10236	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2350	251BUS10237	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2351	251BUS10238	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Văn (61203)	
2352	251BUS10239	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	150	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2353	251BUS10242	Quản trị sự thay đổi	3.00	Khoa Du lịch	83	Tiểu luận		26/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2354	251FIN41701	Quản trị tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	91	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DMT010 (46) ; DMT011 (45)	Nguyễn Thị Anh (60422)	
2355	251MAR42001	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Xuân Hoàng Hải (61419)	
2356	251MAR42002	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Xuân Hoàng Hải (61419)	
2357	251MAR42003	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Đặng Thị Cẩm Hiệp (61485)	
2358	251MAR42004	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Đặng Thị Cẩm Hiệp (61485)	
2359	251MAR42005	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		30/11/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2360	251MAR42006	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		30/11/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2361	251MAR42007	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	49	Tiểu luận		30/11/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2362	251MAR42008	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		30/11/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2363	251MAR42009	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2364	251MAR42010	Quản trị thương hiệu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		24/12/2025		Đinh Tiến Lợi (60558)	
2365	251PUR41201	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	55	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2366	251PUR41202	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2367	251PUR41203	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	55	Tiểu luận		30/11/2025		Đặng Thanh Liêm (02014)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2368	251PUR41204	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		30/11/2025		Đặng Thanh Liêm (02014)	
2369	251MAN41701	Quản trị trong môi trường đa văn hóa	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
2370	251MAN41702	Quản trị trong môi trường đa văn hóa	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	41	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
2371	251MAR42101	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Minh Khoa (61174)	
2372	251MAR42102	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Dương Thị Hồng Vân (61363)	
2373	251MAR42103	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Dương Thị Hồng Vân (61363)	
2374	251MAR42104	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		11/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
2375	251MAR42105	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		11/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
2376	251MAR42106	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Trung Việt (61199)	
2377	251MAR42107	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		28/11/2025		Trần Anh Tú (60857)	
2378	251MAR42108	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Thuận Hải (60967)	
2379	251MAR42109	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	32	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Thuận Hải (60967)	
2380	251MAN41801	Quản trị vận hành	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	51	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
2381	251MAN41802	Quản trị vận hành	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
2382	251BUS43601	Quản trị xuất nhập khẩu	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Thị Cẩm Nhung (60370)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2383	251MAR42201	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Minh Trường (61387)	
2384	251MAR42202	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận		24/12/2025		Nguyễn Minh Trường (61387)	
2385	251MAR42203	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Lương Quý Ngọc (61059)	
2386	251MAR42204	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Lương Quý Ngọc (61059)	
2387	251MAR42205	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		24/12/2025		Lương Quý Ngọc (61059)	
2388	251MAR42206	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		24/12/2025		Lương Quý Ngọc (61059)	
2389	251MAR42207	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Thuận Hải (60967)	
2390	251MAR42208	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tiểu luận		24/12/2025		Đỗ Thuận Hải (60967)	
2391	251MAR40301	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		23/10/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2392	251MAR40302	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		11/12/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2393	251MAR40303	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		23/10/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2394	251MAR40304	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		11/12/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2395	251MAR40305	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/10/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2396	251MAR40306	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		06/12/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2397	251MAR40307	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/10/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2398	251MAR40308	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		06/12/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2399	251MAR40309	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		26/10/2025		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
2400	251MAR40310	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/12/2025		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
2401	251MAR40311	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		26/10/2025		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
2402	251MAR40312	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		07/12/2025		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
2403	251MAR40313	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		27/10/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2404	251MAR40314	Quảng cáo	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		08/12/2025		Vũ Thanh Danh (61020)	
2405	251TRA42401	Quy hoạch du lịch	3.00	Khoa Du lịch	57	Tự luận 90	13h30	04/12/2025	BPH014 (30) ; BPH112 (27)	Trần Ngọc Trinh (03113)	
2406	251MMC41101	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		28/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2407	251MMC41102	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		09/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2408	251MMC41103	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		26/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2409	251MMC41104	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		25/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2410	251MMC41105	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		25/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2411	251MMC41106	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		06/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2412	251MMC41107	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		06/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2413	251MMC41108	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Thực hành		07/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2414	251MMC41109	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		22/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2415	251MMC41110	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Thực hành		03/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2416	251MMC41111	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Thực hành		23/10/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2417	251MMC41112	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Thực hành		11/12/2025		Trần Thanh Hùng (61234)	
2418	251BIO40901	Sinh học về Protein	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	41	Trắc nghiệm	13h30	12/12/2025	DMT019 (41)	Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
2419	251NUR40901	Sinh lý bệnh	2.00	Khoa Y Dược	60	Trắc nghiệm	15h10	22/12/2025	DMT018 (30) ; DMT019 (30)	Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2420	251NUR40902	Sinh lý bệnh	2.00	Khoa Y Dược	30	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	DMT019 (30)	Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2421	251NUR40903	Sinh lý bệnh	2.00	Khoa Y Dược	34	Trắc nghiệm	15h10	22/12/2025	BMT002 (33)	Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2422	251BIO46701	Sinh tin học	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	22	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Thành Vũ (60325)	
2423	251BIO46702	Sinh tin học	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	22	Thực hành		13/12/2025		Nguyễn Thành Vũ (60325)	
2424	251ACC44201	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	34	Tiểu luận		05/12/2025		Nguyễn Thị Kiều Oanh (61442)	
2425	251ACC44202	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	34					Nguyễn Thị Kiều Oanh (61442)	
2426	251ACC44203	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2427	251ACC44204	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2428	251ACC44205	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2429	251ACC44206	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	49					Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2430	251ACC44207	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Tiểu luận		15/12/2025		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
2431	251ACC44208	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	59					Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
2432	251PSY42501	Stress và cách ứng phó	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1	Tiểu luận		01/12/2025		Vũ Thị Duyên (61522)	
2433	251FIN41801	Tài chính cá nhân	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	105	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	BPH109 (35) ; DPH006 (70)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2434	251FIN43501	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
2435	251FIN43502	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	17/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
2436	251FIN43503	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BPH104 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Minh Tiết (61029)	
2437	251FIN44601	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (30)	Ngô Văn Toàn (61189)	
2438	251TOU30401	Tâm lý du khách	2.00	Khoa Du lịch	64	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2439	251PSY20101	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	71	Tự luận 90	15h10	23/12/2025	DPH004 (71)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2440	251PSY20102	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2441	251PSY20103	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2442	251PSY20104	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Hoàng Minh Phú (61033)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2443	251PSY20105	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	09h40	22/12/2025	BPH102 (30) ; BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2444	251PSY20106	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	BPH103 (40) ; BPH105 (40)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2445	251PSY20107	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2446	251PSY20108	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2447	251PSY20109	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40)	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2448	251PSY20110	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	85	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	BPH107 (43) ; BPH109 (42)	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2449	251PSY20111	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	08h00	22/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2450	251PSY20112	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	15h10	22/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2451	251PSY20113	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	BPH014 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
2452	251PSY20114	Tâm lý học đại cương	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Tự luận 90	09h40	24/12/2025	BPH007 (40) ; BPH013 (40) ; DPH006 (70)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
2453	251PSY30901	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 60	08h00	04/12/2025	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2454	251PSY30902	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	BPH104 (45)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2455	251PSY30903	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	DPH017 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2456	251PSY30904	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	BPH110 (26) ; BPH112 (26)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2457	251PSY30905	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	15h10	08/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2458	251PSY30906	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	08h00	04/12/2025	BPH008 (25) ; BPH110 (30) ; BPH112 (25)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2459	251PSY31001	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2460	251PSY31002	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		05/12/2025		Vũ Thị Duyên (61522)	
2461	251PSY31003	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		24/10/2025		Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2462	251PSY31005	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	55	Tiểu luận		11/11/2025		Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2463	251PSY31006	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		28/10/2025		Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
2464	251PSY31007	Tâm lý học giới tính	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	64	Tiểu luận		09/12/2025		Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
2465	251PSY45101	Tâm lý học lao động	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Tiểu luận		19/11/2025		Nguyễn Văn Phương (04078)	
2466	251PSY31201	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	69	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	DPH009 (35) ; DPH014 (34)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2467	251PSY31202	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	DPH017 (26) ; DPH020 (26)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
2468	251PSY31203	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	74	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH102 (37) ; BPH104 (37)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2469	251PSY31204	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	BPH105 (40) ; BPH108 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2470	251PSY31206	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	BPH103 (42)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
2471	251PSY31207	Tâm lý học phát triển	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tự luận 90	09h40	25/12/2025	DPH006 (70)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
2472	251PSY43201	Tâm lý học tham vấn	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		22/11/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2473	251PSY43202	Tâm lý học tham vấn	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		14/11/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2474	251PSY43203	Tâm lý học tham vấn	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		14/11/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2475	251PSY43204	Tâm lý học tham vấn	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		22/11/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2476	251PSY44801	Tâm lý học thần kinh	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	HEC603 (34)	Nguyễn Tấn Đạt (61451)	
2477	251MMC30401	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	61	Tiểu luận		23/11/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2478	251MMC30402	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Tiểu luận		23/11/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2479	251MMC30403	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		15/11/2025		Phạm Đình Khanh (60468)	
2480	251MMC30404	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		15/11/2025		Phạm Thị Thanh Quý (61236)	
2481	251MMC30405	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		15/11/2025		Phạm Thị Thanh Quý (61236)	
2482	251MMC30406	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/11/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2483	251PSY31301	Tâm lý học xã hội	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2484	251PSY31302	Tâm lý học xã hội	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2485	251PSY31303	Tâm lý học xã hội	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 90	09h40	23/12/2025	BPH102 (30) ; BPH106 (30)	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2486	251NUR44901	TH Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	1.00	Khoa Y Dược	30	Thực hành		28/12/2025		Lý Hải Phượng (61313)	
2487	251NUR44701	TH Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	1.00	Khoa Y Dược	1	Thực hành		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2488	251NUR44101	TH Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe tâm thần	1.00	Khoa Y Dược	1	Thực hành		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
2489	251INT30801	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		21/10/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
2490	251INT30802	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		03/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
2491	251INT30803	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		03/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
2492	251NUR42901	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1.00	Khoa Y Dược	20	Thực hành		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
2493	251NUR42902	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1.00	Khoa Y Dược	20	Thực hành		28/12/2025		Nhữ Thị Thúy (61317)	
2494	251NUR42903	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1.00	Khoa Y Dược	20	Thực hành		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
2495	251NUR42904	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1.00	Khoa Y Dược	20	Thực hành		28/12/2025		Nhữ Thị Thúy (61317)	
2496	251NUR41601	TH Dinh dưỡng	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Bùi Thị Hiền (61348)	
2497	251NUR41602	TH Dinh dưỡng	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Bùi Thị Hiền (61348)	
2498	251NUR41603	TH Dinh dưỡng	1.00	Khoa Y Dược	24	Thực hành		28/12/2025		Bùi Thị Hiền (61348)	
2499	251NUR41604	TH Dinh dưỡng	1.00	Khoa Y Dược	13	Thực hành		28/12/2025		Bùi Thị Hiền (61348)	
2500	251BIO42701	TH Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	Thực hành		26/09/2025		Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
2501	251NUR40801	TH Ký sinh trùng	1.00	Khoa Y Dược	26	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Phú Vinh (61028)	
2502	251NUR40802	TH Ký sinh trùng	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Phú Vinh (61028)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2503	251NUR40803	TH Ký sinh trùng	1.00	Khoa Y Dược	20	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Phú Vinh (61028)	
2504	251NUR40804	TH Ký sinh trùng	1.00	Khoa Y Dược	26	Thực hành		28/12/2025		Phạm Ngọc Khôi (61337)	
2505	251NUR40805	TH Ký sinh trùng	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Phạm Ngọc Khôi (61337)	
2506	251INT30901	TH Kỹ thuật lập trình	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		03/12/2025		Dương Thái Bảo (60940)	
2507	251INT30902	TH Kỹ thuật lập trình	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Thực hành		07/12/2025		Nguyễn Thanh Phong (60516)	
2508	251ELE31501	TH Linh kiện điện tử	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	33	Thực hành		22/10/2025		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
2509	251INT47601	TH Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Thực hành		06/10/2025		Dương Thái Bảo (60940)	
2510	251NUR41001	TH Sinh lý bệnh	1.00	Khoa Y Dược	21	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2511	251NUR41002	TH Sinh lý bệnh	1.00	Khoa Y Dược	26	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2512	251NUR41003	TH Sinh lý bệnh	1.00	Khoa Y Dược	24	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2513	251NUR41004	TH Sinh lý bệnh	1.00	Khoa Y Dược	26	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2514	251NUR41005	TH Sinh lý bệnh	1.00	Khoa Y Dược	26	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2515	251MMC40401	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		08/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	
2516	251MMC40402	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		08/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	
2517	251MMC40403	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		02/12/2025		Phạm Thành Đạt (60515)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2518	251MMC40404	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		22/11/2025		Tạ Chí Qui Nhơn (60556)	
2519	251MMC40405	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	34	Thực hành		13/12/2025		Phạm Văn Thi (61298)	
2520	251MMC40406	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		03/12/2025		Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
2521	251MMC40407	TH Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	44	Thực hành		05/12/2025		Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
2522	251NUR40601	TH Vi sinh	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Phú Vinh (61028)	
2523	251NUR40602	TH Vi sinh	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Võ Văn Hải (60837)	
2524	251NUR40603	TH Vi sinh	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Võ Văn Hải (60837)	
2525	251NUR40604	TH Vi sinh	1.00	Khoa Y Dược	24	Thực hành		28/12/2025		Võ Văn Hải (60837)	
2526	251NUR40605	TH Vi sinh	1.00	Khoa Y Dược	25	Thực hành		28/12/2025		Võ Văn Hải (60837)	
2527	251NUR41801	TH Y học cổ truyền	1.00	Khoa Y Dược	14	Thực hành		28/12/2025		Lý Hải Phượng (61313)	
2528	251NUR41802	TH Y học cổ truyền	1.00	Khoa Y Dược	21	Thực hành		28/12/2025		Lý Hải Phượng (61313)	
2529	251NUR41803	TH Y học cổ truyền	1.00	Khoa Y Dược	23	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Thị Cẩm Vân (61032)	
2530	251NUR41804	TH Y học cổ truyền	1.00	Khoa Y Dược	22	Thực hành		28/12/2025		Nguyễn Thị Cẩm Vân (61032)	
2531	251ECO32701	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tổng hợp	08h00	09/12/2025	HEC706 (30) ; HEC709 (30)	Phạm Tuấn Anh (61397)	
2532	251ECO32702	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tổng hợp	08h00	09/12/2025	HEC510 (45) ; HEC609 (45)	Phạm Tuấn Anh (61397)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2533	251ECO32703	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	51	Tổng hợp	08h00	09/12/2025	HEC703 (51)	Nguyễn Việt Thắng (60778)	
2534	251FIN42501	Thẩm định tín dụng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2535	251FIN42502	Thẩm định tín dụng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	HEC603 (70)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2536	251FIN42503	Thẩm định tín dụng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	DPH004 (70)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2537	251FIN42504	Thẩm định tín dụng	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	61	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	DPH020 (31) ; DPH022 (30)	Đào Ngọc Thọ (61017)	
2538	251PSY45301	Tham vấn học đường	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	32	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Nguyên Thùy Trúc (60503)	
2539	251PSY45401	Tham vấn tình yêu, hôn nhân, gia đình	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35	Tiểu luận		16/11/2025		Đặng Khánh An (61466)	
2540	251ART44501	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2541	251ART44502	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2542	251ART44503	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2543	251ART44504	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2544	251ART44505	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2545	251ART44506	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Bùi Thái Hòa (61150)	
2546	251ART44507	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2547	251ART44508	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Bùi Thái Hòa (61150)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2548	251ART44509	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2549	251ART44510	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2550	251ART44511	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Đoàn Thanh Minh (26017)	
2551	251ART44512	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	
2552	251ART44513	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Đặng Hồng Quang (60418)	
2553	251ART44514	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2554	251ART44515	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Trần Thị Hòa (60569)	
2555	251ART44516	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Thị Hòa (60569)	
2556	251ART44517	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Đỗ Hồng Ân (60397)	
2557	251ART44518	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đỗ Hồng Ân (60397)	
2558	251ART44519	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2559	251ART44520	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2560	251ART44521	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Phạm Thị Duyên Huyền (60551)	
2561	251ART44522	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Thị Duyên Huyền (60551)	
2562	251ART44523	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Nguyễn Thái Thụy Tường Vy (60187)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2563	251ART44524	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Thị Duyên Huyền (60551)	
2564	251ART44525	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2565	251ART44526	Thanh nhạc 1	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2566	251ART45801	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2567	251ART45802	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2568	251ART45805	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2569	251ART45806	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2570	251ART45807	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2571	251ART45808	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2572	251ART45809	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2573	251ART45810	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2574	251ART45811	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Bùi Thái Hòa (61150)	
2575	251ART45812	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2576	251ART45813	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Đoàn Thanh Minh (26017)	
2577	251ART45814	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2578	251ART45815	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Đặng Hồng Quang (60418)	
2579	251ART45816	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2580	251ART45817	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		26/12/2025		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2581	251ART45818	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2582	251ART45819	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2583	251ART45820	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2584	251ART45821	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		26/12/2025		Đỗ Hồng Ân (60397)	
2585	251ART45822	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Đỗ Hồng Ân (60397)	
2586	251ART45823	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		26/12/2025		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2587	251ART45824	Thanh nhạc 3	3.00	Khoa Nghệ thuật	2					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2588	251ART46001	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2589	251ART46002	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2590	251ART46005	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2591	251ART46006	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2592	251ART46007	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Đoàn Thanh Minh (26017)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2593	251ART46008	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	
2594	251ART46009	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Đoàn Thanh Minh (26017)	
2595	251ART46010	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	
2596	251ART46011	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2597	251ART46012	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2598	251ART46013	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Thị Kim Anh (60845)	
2599	251ART46014	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Trần Thị Kim Anh (60845)	
2600	251ART46015	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Thị Kim Anh (60845)	
2601	251ART46016	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Thị Kim Anh (60845)	
2602	251ART46017	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		27/12/2025		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2603	251ART46018	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	4					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2604	251ART46019	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2605	251ART46020	Thanh nhạc 5	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2606	251ART46201	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2607	251ART46202	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2608	251ART46203	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2609	251ART46204	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2610	251ART46207	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Đặng Hồng Quang (60418)	
2611	251ART46208	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2612	251ART46209	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Đặng Hồng Quang (60418)	
2613	251ART46210	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2614	251ART46211	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2615	251ART46212	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2616	251ART46213	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2617	251ART46214	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2618	251ART46215	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2619	251ART46216	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3					Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2620	251ART46217	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		27/12/2025		Trần Thị Hòa (60569)	
2621	251ART46218	Thanh nhạc 7	3.00	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn				Trần Thị Hòa (60569)	
2622	251FIN42401	Thanh toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2623	251FIN42402	Thanh toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	DPH004 (70)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2624	251FIN42403	Thanh toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	DPH005 (70)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2625	251FIN42404	Thanh toán quốc tế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	DPH014 (35)	Phan Thị Phương Linh (60938)	
2626	251PUR43001	Thể hiện ý tưởng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		11/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
2627	251PUR43002	Thể hiện ý tưởng	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		11/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
2628	251FIN42701	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	09h40	26/12/2025	HEC503 (70)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2629	251FIN42702	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	DPH006 (70)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2630	251FIN42703	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	DPH005 (70)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2631	251FIN42704	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	BPH014 (30) ; DPH017 (30)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2632	251FIN42705	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2633	251FIN42706	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	BPH014 (30) ; BPH112 (30)	Trương Trung Hiếu (61344)	
2634	251FIN42707	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	HEC609 (40)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2635	251FIN42708	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	BPH007 (40)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2636	251FIN42709	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	HEC510 (40)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2637	251FIN42710	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DPH017 (40)	Trương Trung Hiếu (61344)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2638	251FIN42711	Thị trường tài chính	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	61	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	BPH110 (31) ; DPH020 (30)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2639	251GRA42301	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		24/10/2025		Lê Hồ Huy (60949)	
2640	251GRA42302	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	36					Lê Hồ Huy (60949)	
2641	251GRA42303	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	44					Lê Hồ Huy (60949)	
2642	251GRA42304	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31	Tiểu luận		12/12/2025		Trương Hà Thế Cường (61427)	
2643	251GRA42306	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Trần văn Tiền (61441)	
2644	251GRA42307	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		30/10/2025		Lê Hồ Huy (60949)	
2645	251GRA42308	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	47					Hồ Thanh Phương (61440)	
2646	251GRA42309	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Hồ Thanh Phương (61440)	
2647	251GRA42101	Thiết kế đồ họa 2D	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Hồ Huy (60949)	
2648	251GRA42103	Thiết kế đồ họa 2D	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2649	251GRA42107	Thiết kế đồ họa 2D	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Hồ Huy (60949)	
2650	251GRA42109	Thiết kế đồ họa 2D	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Võ Thị Lắm (60728)	
2651	251GRA42401	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	81	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
2652	251GRA42402	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	41					Đỗ Minh Trung (60885)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2653	251GRA42403	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	40					Đỗ Minh Trung (60885)	
2654	251GRA40301	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH106 (41) ; BPH108 (41)	Võ Thị Lắm (60728)	
2655	251GRA40302	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2656	251GRA40303	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2657	251GRA40304	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH013 (41) ; BPH107 (41)	Hồ Thanh Phương (61440)	
2658	251GRA40305	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2659	251GRA40306	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2660	251GRA40401	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		29/10/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2661	251GRA40402	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Lê Hồ Huy (60949)	
2662	251GRA40403	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	32					Lê Hồ Huy (60949)	
2663	251GRA40404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2664	251GRA40405	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	39					Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2665	251GRA40406	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	41					Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2666	251GRA40901	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	82	Tiểu luận		09/12/2025		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
2667	251GRA40902	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2668	251GRA40903	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	49					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
2669	251GRA40904	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	81	Tiểu luận		19/12/2025		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
2670	251GRA40905	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
2671	251GRA40906	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43					Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
2672	251GRA42501	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	70	Tiểu luận		14/12/2025		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
2673	251GRA42502	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Nguyễn Trọng Trường (61081)	
2674	251GRA42503	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	39					Nguyễn Trọng Trường (61081)	
2675	251GRA42504	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	69	Tiểu luận		30/10/2025		Lê Công Hiếu (60834)	
2676	251GRA42505	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42					Lê Công Hiếu (60834)	
2677	251GRA42506	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	27					Lê Công Hiếu (60834)	
2678	251INT462101	Thiết kế mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	29	Trắc nghiệm	09h40	24/12/2025	DMT019 (29)	Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2679	251INT462103	Thiết kế mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	29					Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2680	251INT462104	Thiết kế mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	81	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH103 (41) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2681	251INT462105	Thiết kế mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2682	251INT462106	Thiết kế mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	31					Nguyễn Thanh Truyền (60980)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2683	251TRA30701	Thiết kế tour	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	13h30	03/12/2025	DPH004 (50)	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2684	251TRA30702	Thiết kế tour	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	13h30	03/12/2025	DPH005 (50)	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2685	251TRA30703	Thiết kế tour	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	13h30	03/12/2025	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2686	251TRA30704	Thiết kế tour	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	09h40	04/12/2025	BPH012 (30) ; BPH110 (30)	Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2687	251MMC40301	Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		27/10/2025		Nguyễn Thị Thu (61240)	
2688	251MMC40302	Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	51	Tiểu luận		06/11/2025		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
2689	251MMC40303	Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	51	Tiểu luận		07/11/2025		Nguyễn Thanh Phong (60516)	
2690	251MMC40304	Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận		12/11/2025		Phạm Văn Thi (61298)	
2691	251MMC40305	Thiết kế web	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	46	Tiểu luận		26/10/2025		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
2692	251PRO41801	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	68	Tiểu luận		12/12/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
2693	251PRO41802	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		12/12/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
2694	251PRO41803	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Tiểu luận		05/12/2025		Huỳnh Văn Quý (61476)	
2695	251NAS20301	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Lưu Hoàng Giang (02020)	
2696	251NAS20302	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Lưu Hoàng Giang (02020)	
2697	251NAS20303	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2698	251NAS20304	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	DPH004 (70)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
2699	251NAS20305	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	DPH006 (72)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2700	251NAS20306	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	72	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	DPH005 (72)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2701	251NAS20307	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	95	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	BPH014 (30) ; DPH009 (32) ; DPH014 (33)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2702	251NAS20308	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Huỳnh Thị Vu (61276)	
2703	251NAS20309	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	DPH004 (70)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2704	251NAS20310	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	90	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2705	251NAS20311	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	81	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH007 (40) ; DPH016 (41)	Huỳnh Thị Vu (61276)	
2706	251NAS20312	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Huỳnh Thị Vu (61276)	
2707	251NAS20313	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Trương Phi Cường (60971)	
2708	251NAS20314	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	BPH102 (40) ; BPH105 (40)	Trương Phi Cường (60971)	
2709	251NAS20315	Thống kê ứng dụng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	96	Tự luận 90	08h00	25/12/2025	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Trương Phi Cường (60971)	
2710	251ENG44101	Thư tín thương mại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	HEC605 (22)	Nim Ngọc Yến (25056)	
2711	251ENG44102	Thư tín thương mại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	HEC609 (40)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
2712	251JAP49101	Thư tín thương mại	2.00	Khoa Ngoại ngữ	27	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	BPH014 (27)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2713	251JAP49102	Thư tín thương mại	2.00	Khoa Ngoại ngữ	27					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
2714	251JAP49105	Thư tín thương mại	2.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	BPH012 (20) ; BPH110 (23)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
2715	251JAP49106	Thư tín thương mại	2.00	Khoa Ngoại ngữ	43					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
2716	251ART45301	Thực nghiệm chuyên ngành 1 (Piano)	2.00	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		08/12/2025		Nông Văn Hiếu (60986)	
2717	251ART45302	Thực nghiệm chuyên ngành 1 (Piano)	2.00	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn				Nông Văn Hiếu (60986)	
2718	251INT44801	Thực tập cơ sở Khoa học máy tính	4.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
2719	251AUD30401	Thực tập cơ sở Kiểm toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	8	Tiểu luận		12/12/2025		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
2720	251AUD30402	Thực tập cơ sở Kiểm toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	5	Tiểu luận		16/12/2025		Đào Văn Hào (60784)	
2721	251MAN42601	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	29	Báo cáo		25/11/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
2722	251MAN42602	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	29	Báo cáo		06/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2723	251MAN42603	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	2	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
2724	251MAN42604	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	2	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2725	251MAN42606	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	13	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2726	251MAN42607	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	13	Báo cáo		26/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2727	251MAN42608	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	8	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2728	251LOG40801	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
2729	251LOG40802	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
2730	251LOG40803	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Đoàn Thị Vân (27003)	
2731	251LOG40804	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	10	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2732	251LOG40805	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	13	Báo cáo		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2733	251LOG40806	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2734	251LOG40807	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	5	Tiểu luận		20/12/2025		Hồ Cao Việt (02035)	
2735	251LOG40808	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	29	Báo cáo		26/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2736	251LOG40809	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
2737	251LOG40811	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	13	Báo cáo		26/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
2738	251LOG40812	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	1	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2739	251LOG40813	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
2740	251LOG40815	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	29	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2741	251LOG40816	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2742	251LOG40817	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	5	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2743	251LOG40818	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	10	Báo cáo		06/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2744	251LOG40819	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
2745	251LOG40820	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
2746	251MAR42601	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2747	251MAR42602	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
2748	251ENG40501	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Châu Thị Khánh Linh (25045)	
2749	251ENG40502	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		08/11/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
2750	251ENG40503	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Đinh Thị Triều Giang (60882)	
2751	251ENG40504	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thanh Hải (60704)	
2752	251ENG40505	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	3	Báo cáo		28/12/2025		Hồ Thị Hiếu (61354)	
2753	251ENG40506	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	5	Báo cáo		28/12/2025		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
2754	251ENG40507	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	11	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Châu Long (60817)	
2755	251ENG40508	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Ngô Huệ Nghi (60753)	
2756	251ENG40509	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Thạch Thị Quách Thi (60666)	
2757	251ENG40510	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2758	251ENG40511	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Phạm Duy Phương (60717)	
2759	251ENG40512	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
2760	251ENG40513	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	10	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
2761	251ENG40514	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		13/12/2025		Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
2762	251ENG40515	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	5	Báo cáo		28/12/2025		Lê Thùy Trang (25057)	
2763	251ENG40516	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	3	Báo cáo		28/12/2025		La Thị Hồng Loan (25106)	
2764	251ENG40517	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	13	Báo cáo		28/12/2025		Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)	
2765	251ENG40518	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2766	251ENG40519	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
2767	251ENG40520	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	7	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Tấn (25151)	
2768	251ENG40521	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	10	Báo cáo		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
2769	251ENG40522	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
2770	251ENG40523	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		15/12/2025		Nim Ngọc Yến (25056)	
2771	251ENG40524	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	10	Báo cáo		28/12/2025		Đào Thị Trường Xuân (60919)	
2772	251ENG40525	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2773	251ENG40526	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	4	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
2774	251ENG40527	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Khoa Ngoại ngữ	4	Báo cáo		28/12/2025		Võ Huyền Trinh (61247)	
2775	251JAP47701	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	18	Báo cáo		26/12/2025		Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
2776	251JAP47702	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Khoa Ngoại ngữ	28	Báo cáo		26/12/2025		Trương Thanh Tùng (60283)	
2777	251FRE31601	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Pháp	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
2778	251CHI45601	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	29	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
2779	251CHI45602	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
2780	251CHI45603	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Thị Hoa (61122)	
2781	251CHI45604	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
2782	251CHI45605	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
2783	251CHI45606	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thành Anh (60571)	
2784	251CHI45607	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Diệp Tuyết Vân (60342)	
2785	251CHI45608	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	29	Tiểu luận		28/12/2025		La Hải Kỳ (60752)	
2786	251CHI45609	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thanh Thu (60457)	
2787	251CHI45610	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Văn Cường (25128)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2788	251CHI45611	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	28	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Tư Triển (60286)	
2789	251CHI45612	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	20	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
2790	251CHI45613	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	28	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Thành Nhật (60751)	
2791	251CHI45614	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Khoa Ngoại ngữ	27	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
2792	251PUR49101	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
2793	251PUR49102	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		12/12/2025		Hồ Xuân Mai (04110)	
2794	251PUR49103	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		18/12/2025		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2795	251PUR49104	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		13/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
2796	251PUR49105	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		14/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
2797	251PUR49106	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		19/12/2025		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
2798	251PUR49107	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		24/12/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
2799	251PUR49108	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Báo cáo		14/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
2800	251MAN42401	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		25/11/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
2801	251MAN42402	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		06/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
2802	251MAN42403	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2803	251MAN42404	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2804	251MAN42405	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
2805	251MAN42406	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	29	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2806	251MAN42407	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	7	Báo cáo		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
2807	251MAN42408	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	9	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2808	251MAN42409	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		28/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
2809	251MAN42410	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		15/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
2810	251MAN42411	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	3	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
2811	251MAN42412	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
2812	251MAN42413	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2813	251MAN42414	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	20	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2814	251MAN42415	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2815	251MAN42416	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	10	Báo cáo		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
2816	251HUR41101	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	23	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2817	251HUR41102	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	7	Báo cáo		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2818	251HUR41103	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	14	Báo cáo		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
2819	251HUR41104	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2820	251HUR41105	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2821	251ECO33001	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2822	251ECO33002	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	7	Báo cáo		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
2823	251ECO33003	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2824	251ECO33004	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	12	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2825	251ECO33005	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	6	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2826	251ECO33006	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	5	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
2827	251ECO33007	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2828	251ECO33008	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
2829	251ECO33009	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Báo cáo		16/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
2830	251ECO33010	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
2831	251MMC30601	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		16/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
2832	251MMC30602	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		20/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2833	251MMC30603	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	30	Báo cáo		24/12/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
2834	251MMC30604	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	12	Báo cáo		13/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
2835	251MMC30605	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	12	Báo cáo		20/12/2025		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
2836	251MMC30606	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	2	Báo cáo		20/12/2025		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
2837	251LIT44201	Thực tập cơ sở Văn học	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	4	Báo cáo		19/12/2025		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
2838	251PSY45501	Thực tập cơ sở về quản trị nhân sự	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Báo cáo		24/12/2025		Hoàng Minh Phú (61033)	
2839	251PSY45701	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	21	Báo cáo		12/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2840	251PSY45702	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	23	Báo cáo		12/12/2025		Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2841	251PSY45703	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	26	Báo cáo		17/12/2025		Nguyễn Thị Nhựt Khánh (60733)	
2842	251ART48101	Thực tập cơ sở Piano	2.00	Khoa Nghệ thuật	2	Tiểu luận		15/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
2843	251MAN42701	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	23	Báo cáo		28/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
2844	251MAN42702	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	5	Báo cáo		15/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
2845	251MAN42703	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	26	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2846	251MAN42704	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	15	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2847	251MAN42705	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	10	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2848	251MAN42706	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	13	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
2849	251ECO42501	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	28	Báo cáo		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
2850	251ECO42502	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
2851	251ECO42503	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	24	Báo cáo		26/12/2025		Đoàn Thị Vân (27003)	
2852	251ECO42504	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	2	Báo cáo		25/12/2025		Hồ Cao Việt (02035)	
2853	251LOG40901	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2854	251LOG40902	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	18	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2855	251MAR42701	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2856	251MAN42501	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2857	251MAN42502	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	3	Báo cáo		28/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
2858	251HUR41201	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	16	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2859	251HUR41202	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	29	Báo cáo		25/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
2860	251HUR41204	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Báo cáo		25/12/2025		Hồ Cao Việt (02035)	
2861	251HUR41205	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
2862	251ECO42401	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2863	251ECO42402	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	13	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
2864	251ECO42403	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	14	Báo cáo		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
2865	251ECO42404	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2866	251ECO42405	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
2867	251ECO42406	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	17	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2868	251TRA43501	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Tạ Đức Thụy (61530)	
2869	251TRA43502	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	28	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
2870	251TRA43503	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lưu Tuấn Anh (60447)	
2871	251TRA43504	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	22	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2872	251TRA43505	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2873	251TRA43506	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	20	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
2874	251TRA43507	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	21	Tiểu luận		28/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
2875	251TRA43508	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
2876	251TRA43509	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2877	251TRA43510	Thực tập nghiệp vụ 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2878	251TRA43601	Thực tập nghiệp vụ 2	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
2879	251TRA43602	Thực tập nghiệp vụ 2	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Trần Tuyên (60059)	
2880	251TRA43603	Thực tập nghiệp vụ 2	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Du Quốc Đạo (60734)	
2881	251TRA43604	Thực tập nghiệp vụ 2	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
2882	251TRA43607	Thực tập nghiệp vụ 2	3.00	Khoa Du lịch	23	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
2883	251TRA45101	Thực tập nghiệp vụ du lịch 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
2884	251TRA45102	Thực tập nghiệp vụ du lịch 1	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Xuân Hào (03005)	
2885	251TRA45103	Thực tập nghiệp vụ du lịch 1	3.00	Khoa Du lịch	25	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
2886	251TRA45201	Thực tập nghiệp vụ du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	27	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2887	251TRA45202	Thực tập nghiệp vụ du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	19	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Thị Loan (60190)	
2888	251FIN42801	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2889	251FIN42802	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	03/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2890	251FIN42803	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	03/12/2025	HEC603 (70)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2891	251FIN42804	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	HEC503 (40) ; HEC603 (40)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2892	251FIN42805	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	03/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2893	251FIN42806	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	BPH103 (40) ; BPH106 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2894	251FIN42807	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2895	251FIN42808	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	01/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phan Hiền Minh (02006)	
2896	251FIN42809	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Đào Văn Hào (60784)	
2897	251FIN42810	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2898	251FIN42811	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	HEC703 (40) ; HEC709 (40)	Phan Hiền Minh (02006)	
2899	251FIN42812	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	BPH110 (30) ; BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
2900	251FIN42813	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	BPH014 (28) ; DPH020 (26) ; DPH022 (26)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2901	251FIN42814	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	01/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2902	251FIN42815	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	08h00	13/12/2025	BPH104 (39) ; BPH105 (40)	Đào Văn Hào (60784)	
2903	251FIN42816	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	BPH014 (30) ; BPH109 (30)	Đào Văn Hào (60784)	
2904	251FIN42817	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	08h00	03/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Đào Văn Hào (60784)	
2905	251FIN42818	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	HEC609 (45)	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
2906	251FIN42819	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	HEC603 (72)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2907	251FIN42820	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	78	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	BPH013 (39) ; BPH103 (39)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2908	251FIN42821	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2909	251FIN42822	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	02/12/2025	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2910	251FIN42823	Thuế	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	29	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	DPH022 (29)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2911	251BUS30601	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		17/11/2025		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
2912	251BUS30602	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận		17/11/2025		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
2913	251BUS30603	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2914	251BUS30604	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		11/12/2025		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
2915	251BUS30605	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	
2916	251BUS30606	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	
2917	251BUS30607	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2918	251BUS30608	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2919	251BUS30609	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Minh Khoa (61174)	
2920	251BUS30610	Thương mại điện tử	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	35	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Minh Khoa (61174)	
2921	251INT42901	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DMT018 (43)	Lê Ngọc Hiếu (60824)	
2922	251TOU41501	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	19	Vấn đáp	09h40	04/12/2025	BPH009 (19)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2923	251BUS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2924	251BUS42702	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2925	251BUS42703	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
2926	251BUS42704	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
2927	251BUS42705	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
2928	251BUS42706	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
2929	251BUS42707	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
2930	251BUS42708	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
2931	251BUS42709	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
2932	251BUS42710	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		26/12/2025		Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
2933	251BUS42711	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
2934	251BUS42712	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
2935	251BUS42713	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	55	Tiểu luận		26/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
2936	251BUS42714	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
2937	251BUS42715	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2938	251BUS42716	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2939	251BUS42717	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
2940	251BUS42718	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2941	251BUS42719	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2942	251BUS42720	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
2943	251LOG40304	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
2944	251LOG40305	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	30	Tiểu luận		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
2945	251LOG40309	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2946	251LOG40310	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	39	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2947	251LOG40311	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	33	Tiểu luận		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
2948	251LOG40312	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
2949	251LOG40313	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2950	251LOG40315	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	39	Tiểu luận		26/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
2951	251LAW41601	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	DPH016 (40)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
2952	251LAW41602	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	DPH016 (40)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2953	251LAW41603	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	DPH014 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
2954	251LAW41604	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	BPH105 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
2955	251LAW41605	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	39	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	HEC510 (39)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
2956	251LAW41606	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	39	Tổng hợp	08h00	25/12/2025	HEC503 (39)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
2957	251LAW41607	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	36	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	DPH009 (36)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
2958	251LAW41608	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	HEC609 (38)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
2959	251LAW41609	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	HEC709 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
2960	251PUR42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Tổng hợp	15h10	03/12/2025	BPH009 (26) ; BPH012 (26)	Lê Thị Kiều Vân (60832)	
2961	251PUR42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	51	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	HEC703 (51)	Lê Thị Kiều Vân (60832)	
2962	251PUR42703	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tổng hợp	08h00	03/12/2025	HEC703 (46)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
2963	251PUR42704	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	BPH103 (45)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
2964	251PUR42705	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Tổng hợp	08h00	03/12/2025	BPH106 (39)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2965	251PUR42706	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	DPH016 (40)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2966	251HOS30501	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	38	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	HEC503 (38)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
2967	251HOS30502	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	40	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	BPH109 (40)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2968	251HOS30503	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	30	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	BPH008 (30)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
2969	251HOS30505	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	40	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	HEC603 (40)	TRINH MAI PHƯƠNG (60275)	
2970	251HOS30506	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	40	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	HEC703 (40)	TRINH MAI PHƯƠNG (60275)	
2971	251HOS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	43	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	HEC709 (43)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
2972	251ECO31101	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2973	251ECO31102	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2974	251ECO31103	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	42	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2975	251ECO31104	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2976	251ECO31105	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2977	251ECO31106	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2978	251MMC40201	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	49	Tổng hợp	08h00	03/12/2025	HEC709 (49)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
2979	251ENG32701	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BPH103 (40)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2980	251ENG32702	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2981	251ENG32703	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BPH013 (39)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2982	251ENG32704	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Thị Mơ (60472)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2983	251ENG32705	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	BPH013 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
2984	251ENG32706	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Huệ Nghi (60753)	
2985	251ENG32711	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	HEC709 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
2986	251ENG32712	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Châu Thị Khánh Linh (25045)	
2987	251TRA44801	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	40	Tổng hợp	15h10	01/12/2025	HEC510 (40)	Hồ Thị Phụng (03067)	
2988	251TRA44802	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	40	Tổng hợp	15h10	01/12/2025	HEC709 (40)	Hồ Thị Phụng (03067)	
2989	251TRA44804	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	41	Tổng hợp	15h10	01/12/2025	BPH107 (41)	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)	
2990	251TRA44806	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Khoa Du lịch	36	Tổng hợp	15h10	01/12/2025	HEC609 (36)	Hồ Thị Phụng (03067)	
2991	251ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	60	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH112 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2992	251ENG20102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	15/12/2025	BPH108 (40)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
2993	251ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH109 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
2994	251ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH013 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
2995	251ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	49	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH105 (49)	Phan Anh Dũng (61021)	
2996	251ENG20106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	51	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH106 (51)	Nguyễn Châu Long (60817)	
2997	251ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	DPH004 (45)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2998	251ENG20108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH009 (25) ; BPH110 (25)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
2999	251ENG20109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH107 (39)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3000	251ENG20110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH109 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3001	251ENG20111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	DPH016 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3002	251ENG20112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	DPH009 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3003	251ENG20113	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH007 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3004	251ENG20114	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3005	251ENG20115	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH014 (25) ; BPH111 (25)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3006	251ENG20116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	15/12/2025	BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3007	251ENG20117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH109 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3008	251ENG20118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	53	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	DPH017 (27) ; DPH020 (26)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3009	251ENG20119	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	BPH105 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3010	251ENG20120	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	15/12/2025	HEC510 (50)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3011	251ENG20121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	15/12/2025	HEC503 (50)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3012	251ENG20122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	DPH020 (25) ; DPH022 (25)	Hồ Thị Hiếu (61354)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3013	251ENG20123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	17/12/2025	BPH107 (50)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3014	251ENG20124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	HEC510 (50)	Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Hồ Như Vy (61288)	
3015	251ENG20125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	BPH107 (50)	Đồng Thị Khánh Duyên (25027), Hồ Như Vy (61288)	
3016	251ENG20126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	15/12/2025	HEC609 (50)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3017	251ENG20127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	DPH006 (50)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3018	251ENG20128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	15/12/2025	HEC709 (50)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3019	251ENG20129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	DPH005 (50)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3020	251ENG20130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH108 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3021	251ENG20131	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	BPH007 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3022	251ENG20132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH104 (50)	Lê Thùy Trang (25057)	
3023	251ENG20133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	52	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	HEC603 (52)	Vương Phương Dung (60384)	
3024	251ENG20134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH013 (50)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3025	251ENG20135	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH108 (50)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3026	251ENG20136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	15/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3027	251ENG20137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	15/12/2025	HEC609 (50)	Nim Ngọc Yến (25056)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3028	251ENG20138	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3029	251ENG20139	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	15/12/2025	HEC603 (40)	Trần Hoàng Phúc (61507)	
3030	251ENG20140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH107 (50)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3031	251ENG20141	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH103 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3032	251ENG20142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3033	251ENG20143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH014 (25) ; DPH022 (25)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3034	251ENG20144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	BPH014 (25) ; BPH110 (25)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3035	251ENG20145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	DPH005 (50)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3036	251ENG20146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	18/12/2025	DPH006 (50)	Timothy James Rossiter (60565)	
3037	251ENG20147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	17/12/2025	DPH006 (50)	Timothy James Rossiter (60565)	
3038	251ENG20148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	16/12/2025	DPH017 (25) ; DPH022 (25)	Timothy James Rossiter (60565)	
3039	251ENG20149	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	DPH006 (50)	Phan Anh Dũng (61021)	
3040	251ENG20150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH107 (50)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3041	251ENG20151	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH104 (50)	Timothy James Rossiter (60565)	
3042	251ENG20152	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3043	251ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH108 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)	
3044	251ENG20202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	BPH102 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)	
3045	251ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH108 (40)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3046	251ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	DPH006 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3047	251ENG20205	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	DPH009 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3048	251ENG20206	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH016 (40)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3049	251ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH007 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3050	251ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	DPH014 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3051	251ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH106 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3052	251ENG20210	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH107 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3053	251ENG20211	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH103 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3054	251ENG20212	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	47	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	HEC503 (47)	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)	
3055	251ENG20213	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	15/12/2025	HEC609 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3056	251ENG20214	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	HEC503 (50)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3057	251ENG20215	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH106 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3058	251ENG20216	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	15/12/2025	HEC510 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
3059	251ENG20217	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH109 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
3060	251ENG20218	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH016 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3061	251ENG20219	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH102 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3062	251ENG20220	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH014 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3063	251ENG20221	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH104 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3064	251ENG20222	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH009 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3065	251ENG20223	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	DPH009 (40)	Trần Xuân Trang (60913)	
3066	251ENG20224	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH109 (40)	Trần Xuân Trang (60913)	
3067	251ENG20225	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	BPH007 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	
3068	251ENG20226	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	DPH016 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3069	251ENG20227	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	BPH109 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3070	251ENG20228	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	DPH006 (50)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3071	251ENG20229	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH006 (50)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3072	251ENG20230	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	BPH109 (43)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3073	251ENG20231	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	BPH105 (40)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3074	251ENG20232	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	BPH013 (40)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3075	251ENG20233	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3076	251ENG20234	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH009 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3077	251ENG20235	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	42	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	HEC609 (41)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3078	251ENG20236	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	BPH103 (50)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3079	251ENG20237	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	DPH005 (45)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3080	251ENG20238	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	01/12/2025	DPH009 (25) ; DPH014 (25)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3081	251ENG20239	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	BPH014 (25) ; DPH022 (25)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3082	251ENG20240	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	09h40	03/12/2025	DPH016	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3083	251ENG20241	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH014 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3084	251ENG20242	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	18/12/2025	BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Phạm Duy Phương (60717)	
3085	251ENG20243	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	15/12/2025	HEC709 (39)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3086	251ENG20244	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH102 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3087	251ENG20245	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH007 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3088	251ENG20246	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH013 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	
3089	251ENG20247	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	BPH014 (25) ; BPH111 (25)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3090	251ENG20248	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH005 (50)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3091	251ENG20249	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH103 (50)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3092	251ENG20250	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	HEC703 (45)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3093	251ENG20251	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	DPH004 (45)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3094	251ENG20252	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH005 (50)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
3095	251ENG20253	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	DPH006 (50)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
3096	251ENG20254	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH105 (45)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3097	251ENG20255	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH109 (45)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3098	251ENG20256	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH105 (45)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3099	251ENG20257	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	18/12/2025	DPH009 (50)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3100	251ENG20258	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	DPH005 (50)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3101	251ENG20259	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	19/12/2025	BPH107 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3102	251ENG20260	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	BPH007 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3103	251ENG20261	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3104	251ENG20262	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	DPH006 (50)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3105	251ENG20263	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	13/12/2025	BPH107 (25) ; BPH108 (25)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3106	251ENG20264	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	18/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3107	251ENG20265	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	HEC503 (50)	Phạm Duy Phương (60717)	
3108	251ENG20266	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	18/12/2025	BPH014 (25) ; BPH110 (25)	Phạm Duy Phương (60717)	
3109	251ENG20267	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	HEC709 (40)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
3110	251ENG20268	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	19/12/2025	BPH103 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3111	251TRA31001	Tiếng Anh ngành Lễ hành	2.00	Khoa Du lịch	18	Vấn đáp	15h10	01/12/2025	DPH015 (18)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3112	251ENG32403	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Vấn đáp	13h30	18/12/2025	HEC606 (30)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3113	251ENG32404	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30					Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3114	251ENG32405	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	22/12/2025	BPH008 (40)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3115	251ENG32406	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3116	251ENG32407	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	BPH008 (22)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3117	251ENG32408	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22					Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3118	251ENG32409	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	DPH015 (36)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3119	251ENG32410	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36					Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3120	251ENG43201	Tiếng Anh nghe - nói 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	28	Vấn đáp	13h30	08/12/2025	HEC707 (28)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3121	251ENG33601	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	31	Tiểu luận		28/12/2025		Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3122	251ENG33602	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	31					Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3123	251ENG33603	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		20/12/2025		Võ Huyền Trinh (61247)	
3124	251ENG33604	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Huyền Trinh (61247)	
3125	251ENG49601	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH013 (41)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3126	251ENG49602	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3127	251ENG31901	Tiếng Anh viết 1	2.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	09h40	02/12/2025	HEC703 (43)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3128	251ENG32901	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	32	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	BPH110 (32)	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
3129	251ENG32902	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	32					Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
3130	251ENG32903	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	HEC609 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3131	251ENG32904	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3132	251ENG32905	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	HEC510 (30)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3133	251ENG32906	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30					Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3134	251ENG32907	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	DPH017 (30)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3135	251ENG32908	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	30					La Thị Hồng Loan (25106)	
3136	251ENG32909	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	35	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	BPH013 (35)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
3137	251ENG32910	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	35					Nguyễn Thị Tấn (25151)	
3138	251ENG32911	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	33	Tổng hợp	08h00	19/12/2025	HEC709 (33)	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
3139	251ENG32912	Tiếng Anh viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	33					Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
3140	251ENG43901	Tiếng Anh viết 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	33	Tự luận 90	15h10	03/12/2025	HEC603 (33)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3141	251KOR32201	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	DMT018 (43)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3142	251KOR32202	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3143	251KOR32203	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	DMT019 (42)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3144	251KOR32204	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3145	251KOR32205	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	DMT018 (41)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3146	251KOR32206	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3147	251KOR31701	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Tổng hợp	15h10	25/12/2025	DPH016 (41)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3148	251KOR31702	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3149	251KOR31703	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Tổng hợp	15h10	25/12/2025	DPH009 (36)	Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3150	251KOR31704	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3151	251KOR31705	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	24	Tổng hợp	15h10	26/12/2025	DPH009 (24)	Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3152	251KOR31706	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	24					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3153	251KOR32403	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH004 (42)	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3154	251KOR32404	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3155	251KOR32405	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tổng hợp	08h00	25/12/2025	BPH109 (44)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3156	251KOR32406	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3157	251KOR32407	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH006 (44)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3158	251KOR32408	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3159	251KOR32409	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH005 (45)	Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3160	251KOR32410	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45					Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3161	251KOR32701	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Tổng hợp	09h40	12/12/2025	HEC706 (42)	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3162	251KOR32702	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3163	251KOR32807	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tổng hợp	15h10	17/12/2025	HEC703 (45)	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3164	251KOR32808	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45					Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3165	251KOR32809	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tổng hợp	15h10	18/12/2025	HEC603 (40)	Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3166	251KOR32810	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3167	251KOR42301	Tiếng Hàn đọc 7	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Tổng hợp	09h40	19/12/2025	HEC603 (46)	Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3168	251KOR32101	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	BPH109 (42)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3169	251KOR32102	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3170	251KOR32103	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	BPH105 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3171	251KOR32104	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3172	251KOR32105	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	BPH007 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3173	251KOR32106	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3174	251KOR20101	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	46	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH111 (23) ; BPH112 (23)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3175	251KOR20102	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	47	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BPH014 (23) ; BPH110 (24)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3176	251KOR20201	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	DPH005 (43)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3177	251KOR20202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Trắc nghiệm	15h10	26/12/2025	DPH006 (41)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3178	251CHI42901	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	HEC609 (40)	Lai Khai Vinh (60225)	
3179	251CHI42902	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	HEC503 (39)	Lai Khai Vinh (60225)	
3180	251CHI42904	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	HEC510 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3181	251CHI42905	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	HEC703 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3182	251CHI42906	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	HEC709 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3183	251CHI42907	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	HEC703 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3184	251CHI42908	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	HEC609 (38)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3185	251CHI42909	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	HEC510 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3186	251CHI42910	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	HEC709 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3187	251CHI42911	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	HEC603 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3188	251CHI42912	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	BPH102 (39)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3189	251CHI42913	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	HEC603 (39)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
3190	251KOR45501	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	29	Bài tập lớn		11/12/2025		Kim Dong Seok (25171)	
3191	251KOR45502	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	29					Kim Dong Seok (25171)	
3192	251KOR31401	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	13h30	11/12/2025	HEC606 (40)	Baek Myeongjin (60471)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3193	251KOR31402	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Baek Myeongjin (60471)	
3194	251KOR31403	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	31	Vấn đáp	08h00	16/12/2025	HEC606 (31)	Baek Myeongjin (60471)	
3195	251KOR31404	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	31					Baek Myeongjin (60471)	
3196	251KOR31501	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	27	Vấn đáp	09h40	23/12/2025	BPH009 (27)	Baek Myeongjin (60471)	
3197	251KOR31502	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	27					Baek Myeongjin (60471)	
3198	251KOR32301	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	37	Vấn đáp	13h30	19/12/2025	BPH014 (37)	Kim Dong Seok (25171)	
3199	251KOR32302	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	37					Kim Dong Seok (25171)	
3200	251KOR32303	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	38	Vấn đáp	08h00	16/12/2025	DPH015 (38)	Kim Dong Seok (25171)	
3201	251KOR32304	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	38					Kim Dong Seok (25171)	
3202	251KOR32305	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	08h00	23/12/2025	HEC606 (40)	Kim Dong Seok (25171)	
3203	251KOR32306	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Kim Dong Seok (25171)	
3204	251KOR32307	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	DPH015 (35)	Kim Dong Seok (25171)	
3205	251KOR32308	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35					Kim Dong Seok (25171)	
3206	251KOR32309	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	33	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	BPH014 (33)	Kim Dong Seok (25171)	
3207	251KOR32310	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	33					Kim Dong Seok (25171)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3208	251KOR32901	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Vấn đáp	08h00	12/12/2025	HEC606 (45)	Baek Myeongjin (60471)	
3209	251KOR32902	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45					Baek Myeongjin (60471)	
3210	251KOR33001	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	HEC605 (40)	Jung Hye Gyung (25170)	
3211	251KOR33002	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40					Jung Hye Gyung (25170)	
3212	251KOR33005	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	38	Vấn đáp	13h30	17/12/2025	HEC606 (38)	Jung Hye Gyung (25170)	
3213	251KOR33006	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	38					Jung Hye Gyung (25170)	
3214	251KOR43001	Tiếng Hàn nghe - nói 7	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34	Vấn đáp	08h00	03/12/2025	HEC707 (34)	Jung Hye Gyung (25170)	
3215	251KOR42501	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	64	Vấn đáp	08h00	04/12/2025	HEC706 (64)	Jung Hye Gyung (25170)	
3216	251KOR43301	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	34	Tổng hợp	09h40	11/12/2025	HEC605 (34)	Lê Đăng Tường Vy (60466)	
3217	251KOR32501	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Bài tập lớn		08/12/2025		Kim Dong Seok (25171)	
3218	251KOR32502	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39					Kim Dong Seok (25171)	
3219	251KOR44001	Tiếng Hàn Văn bản Thư tín	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Bài tập lớn		01/12/2025		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3220	251JAP35401	Tiếng Nhật công sở	2.00	Khoa Ngoại ngữ	27	Vấn đáp	08h00	09/12/2025	HEC606 (27)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3221	251JAP35402	Tiếng Nhật công sở	2.00	Khoa Ngoại ngữ	27					Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3222	251JAP34101	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	21	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	BPH014 (21)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3223	251JAP34102	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	21					Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3224	251JAP35001	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	BPH103 (40)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3225	251JAP35002	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3226	251JAP35003	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Tổng hợp	15h10	22/12/2025	BPH104 (38)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3227	251JAP35004	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3228	251JAP45001	Tiếng Nhật đọc - viết 5	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Tổng hợp	09h40	08/12/2025	BPH008 (22)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
3229	251JAP45101	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Tổng hợp	08h00	08/12/2025	BPH009 (25)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3230	251JAP45201	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2.00	Khoa Ngoại ngữ	3	Tổng hợp	09h40	01/12/2025	BPH106 (3)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3231	251JAP49401	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	57	Tổng hợp	08h00	23/12/2025	DPH017 (28) ; DPH022 (28)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3232	251JAP49402	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	57					Trương Thanh Tùng (60283)	
3233	251JAP49301	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	48	Tổng hợp	13h30	16/12/2025	BPH007 (48)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3234	251JAP49302	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	48					Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3235	251JAP45501	Tiếng Nhật đọc 5	2.00	Khoa Ngoại ngữ	7	Tổng hợp	09h40	02/12/2025	BPH102 (7)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3236	251JAP45601	Tiếng Nhật đọc 6	2.00	Khoa Ngoại ngữ	4	Tổng hợp	08h00	05/12/2025	BPH112 (4)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3237	251JAP45701	Tiếng Nhật đọc 7	2.00	Khoa Ngoại ngữ	2	Tổng hợp	09h40	08/12/2025	BPH008 (2)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3238	251JAP20101	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	23/12/2025	BPH108 (40)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3239	251JAP20102	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	26/12/2025	HEC603 (40)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3240	251JAP20201	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	22/12/2025	DPH004 (40)	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
3241	251JAP20202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	13/12/2025	BPH109 (40)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3242	251JAP45901	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	15/12/2025	BPH102 (39)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3243	251JAP34401	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	31	Vấn đáp	13h30	15/12/2025	BPH012 (31)	Thái Phương Thảo (61526)	
3244	251JAP34402	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	31					Thái Phương Thảo (61526)	
3245	251JAP34901	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	16/12/2025	BPH009 (40)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3246	251JAP34902	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3247	251JAP34903	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	BPH009 (40)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3248	251JAP34904	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3249	251JAP44201	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2.00	Khoa Ngoại ngữ	22	Vấn đáp	08h00	01/12/2025	BPH012 (22)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3250	251JAP49601	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	51	Vấn đáp	13h30	23/12/2025	DPH017 (51)	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3251	251JAP49602	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	51					Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3252	251JAP49501	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/12/2025	DPH015 (40)	Thái Phương Thảo (61526)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3253	251JAP49502	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Thái Phương Thảo (61526)	
3254	251JAP34701	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	10/12/2025	HEC709 (40)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3255	251JAP34702	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3256	251JAP35101	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	23/12/2025	DPH006 (40)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3257	251JAP35102	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3258	251JAP35103	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	26/12/2025	BPH007 (39)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3259	251JAP35104	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3260	251JAP46301	Tiếng Nhật ngữ pháp 6	2.00	Khoa Ngoại ngữ	32	Tổng hợp	09h40	05/12/2025	HEC605 (32)	Thái Phương Thảo (61526)	
3261	251JAP46401	Tiếng Nhật ngữ pháp 7	2.00	Khoa Ngoại ngữ	2	Tổng hợp	09h40	02/12/2025	BPH102 (2)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3262	251JAP49701	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	54	Tổng hợp	09h40	10/12/2025	HEC609 (27) ; HEC709 (27)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3263	251JAP49702	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Khoa Ngoại ngữ	54					Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3264	251JAP47301	Tiếng Nhật viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	7	Tổng hợp	09h40	10/12/2025	HEC609 (7)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3265	251JAP47401	Tiếng Nhật viết 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	13	Tổng hợp	13h30	02/12/2025	BPH106 (13)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3266	251FRE30301	Tiếng Pháp tổng hợp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Tổng hợp	09h40	05/12/2025	HEC706 (15)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3267	251FRE30601	Tiếng Pháp tổng hợp 4	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Tổng hợp	15h10	04/12/2025	HEC706 (14)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3268	251FRE30701	Tiếng Pháp tổng hợp 5	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Tổng hợp	08h00	10/12/2025	BPH009 (14)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3269	251FRE41401	Tiếng Pháp trong giao tiếp thương mại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Tổng hợp	09h40	10/12/2025	BPH110 (14)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3270	251FRE41301	Tiếng Pháp trong nghiên cứu thị trường	3.00	Khoa Ngoại ngữ	14	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Bình Minh (60937)	
3271	251CHI20301	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	HEC703 (50)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3272	251CHI20302	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Trắc nghiệm	15h10	08/12/2025	BPH014 (25) ; BPH102 (25)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3273	251CHI20303	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	04/12/2025	HEC609 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3274	251CHI20304	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	08/12/2025	BPH106 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3275	251CHI20201	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	HEC503 (50)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3276	251CHI20202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	DMT018 (40)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3277	251CHI20203	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	BPH106 (39)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3278	251CHI20204	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	HEC603 (50)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3279	251CHI20205	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	49	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	BPH013 (49)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3280	251CHI20206	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	15h10	17/12/2025	DMT018 (38)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3281	251CHI41801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Vấn đáp	08h00	10/12/2025	HEC605 (43)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3282	251CHI45702	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	13h30	03/12/2025	BPH008 (41)	Phan Thành Nhật (60751)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3283	251CHI45706	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	08/12/2025	HEC606 (40)	Phan Thành Nhật (60751)	
3284	251CHI45707	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	01/12/2025	BPH011 (40)	Phan Thành Nhật (60751)	
3285	251CHI45801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	08h00	05/12/2025	HEC606 (41)	Phan Thành Nhật (60751)	
3286	251CHI45802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	08h00	09/12/2025	HEC605 (50)	Phan Thành Nhật (60751)	
3287	251CHI42001	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	08h00	09/12/2025	HEC705 (39)	Lê Thanh Thu (60457)	
3288	251CHI43906	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Khoa Ngoại ngữ	57	Tổng hợp	08h00	11/12/2025	HEC705 (27) ; HEC706 (30)	Lê Thanh Thu (60457)	
3289	251CHI45901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	52	Tổng hợp	09h40	23/12/2025	HEC706 (26) ; HEC709 (26)	Lê Thanh Thu (60457)	
3290	251CHI45902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Khoa Ngoại ngữ	52	Tổng hợp	09h40	23/12/2025	HEC510 (26) ; HEC609 (26)	Lê Thanh Thu (60457)	
3291	251CHI35001	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	DPH009 (39)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3292	251CHI35002	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3293	251CHI35003	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	BPH013 (40)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3294	251CHI35004	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3295	251CHI35005	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	DPH016 (40)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3296	251CHI35006	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3297	251CHI35019	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	BPH007 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3298	251CHI35020	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3299	251CHI35021	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	BPH109 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3300	251CHI35022	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3301	251CHI35023	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	DPH014 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3302	251CHI35024	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3303	251CHI35027	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/12/2025	BPH107 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3304	251CHI35028	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3305	251CHI46001	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	HEC603 (38)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3306	251CHI46002	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	HEC703 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3307	251CHI46003	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	HEC609 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3308	251CHI46004	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	HEC703 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3309	251CHI46005	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	30	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	HEC510 (30)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3310	251CHI46007	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	HEC510 (39)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
3311	251CHI34601	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	DPH023 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3312	251CHI34602	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3313	251CHI34603	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	12/12/2025	DPH015 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3314	251CHI34604	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3315	251CHI34605	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	16/12/2025	BPH008 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3316	251CHI34606	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3317	251CHI34607	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	25/12/2025	DPH015 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3318	251CHI34608	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3319	251CHI34609	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/12/2025	BPH009 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3320	251CHI34610	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3321	251CHI34611	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	18/12/2025	DPH022 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3322	251CHI34612	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3323	251CHI34613	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	18/12/2025	BPH112 (40)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3324	251CHI34614	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3325	251CHI34615	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	19/12/2025	HEC606 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
3326	251CHI34616	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thành Anh (60571)	
3327	251CHI34617	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	15/12/2025	DPH015 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3328	251CHI34618	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thành Anh (60571)	
3329	251CHI34619	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	18/12/2025	DPH015 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
3330	251CHI34620	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thành Anh (60571)	
3331	251CHI34621	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	13h30	16/12/2025	DPH015 (50)	Phạm Thành Anh (60571)	
3332	251CHI34622	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Phạm Thành Anh (60571)	
3333	251CHI34623	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	08h00	17/12/2025	BPH012 (50)	Phạm Thành Anh (60571)	
3334	251CHI34624	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Phạm Thành Anh (60571)	
3335	251CHI34625	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	13h30	16/12/2025	BPH009 (50)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3336	251CHI34626	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3337	251CHI34627	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	51	Vấn đáp	08h00	25/12/2025	BPH014 (51)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3338	251CHI34628	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	51					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3339	251CHI34629	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	13h30	16/12/2025	BPH012 (50)	La Hải Kỳ (60752)	
3340	251CHI34630	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					La Hải Kỳ (60752)	
3341	251CHI34631	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	08h00	25/12/2025	BPH111 (50)	La Hải Kỳ (60752)	
3342	251CHI34632	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					La Hải Kỳ (60752)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3343	251CHI34633	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Vấn đáp	08h00	05/12/2025	HEC607 (45)	La Hải Kỳ (60752)	
3344	251CHI34634	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	45					La Hải Kỳ (60752)	
3345	251CHI34701	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	08h00	15/12/2025	BPH007 (41)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3346	251CHI34702	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3347	251CHI34703	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	05/12/2025	HEC707 (39)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3348	251CHI34704	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3349	251CHI34801	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	26	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	BPH112 (26)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3350	251CHI34802	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	26					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3351	251CHI34803	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	34	Vấn đáp	13h30	17/12/2025	HEC707 (34)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3352	251CHI34804	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	34					Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3353	251CHI34805	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	23/12/2025	BPH009 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3354	251CHI34806	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3355	251CHI34807	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	19/12/2025	BPH014 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3356	251CHI34808	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3357	251CHI34813	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Vấn đáp	13h30	17/12/2025	BPH009 (38)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3358	251CHI34814	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3359	251CHI34815	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	05/12/2025	HEC605 (39)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3360	251CHI34816	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3361	251CHI34817	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	26	Vấn đáp	09h40	04/12/2025	BPH112 (26)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3362	251CHI34818	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	26					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3363	251CHI34819	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37	Vấn đáp	08h00	12/12/2025	BPH009 (37)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3364	251CHI34820	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3365	251CHI34821	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	23/12/2025	DPH015 (40)	La Hải Kỳ (60752)	
3366	251CHI34822	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					La Hải Kỳ (60752)	
3367	251CHI34823	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	22/12/2025	HEC605 (40)	La Hải Kỳ (60752)	
3368	251CHI34824	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					La Hải Kỳ (60752)	
3369	251CHI34825	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	22/12/2025	BPH014 (40)	La Hải Kỳ (60752)	
3370	251CHI34826	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					La Hải Kỳ (60752)	
3371	251CHI34827	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	19/12/2025	BPH012 (40)	La Hải Kỳ (60752)	
3372	251CHI34828	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					La Hải Kỳ (60752)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3373	251CHI33301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	36	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	HEC609 (19)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3374	251CHI34201	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	24/12/2025	BPH105 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3375	251CHI34202	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3376	251CHI34203	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH104 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3377	251CHI34204	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3378	251CHI34205	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	BPH104 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3379	251CHI34206	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3380	251CHI34207	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH103 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3381	251CHI34208	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3382	251CHI34209	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	23/12/2025	BPH107 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3383	251CHI34210	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3384	251CHI34211	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH007 (40)	Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3385	251CHI34212	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tổ Nguyên (60572)	
3386	251CHI34213	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	23/12/2025	DPH016 (40)	Âu Tuyền Diệu (60620)	
3387	251CHI34214	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Âu Tuyền Diệu (60620)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3388	251CHI34215	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH109 (40)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3389	251CHI34216	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3390	251CHI34217	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	23/12/2025	DPH014 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3391	251CHI34218	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3392	251CHI34219	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH105 (40)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3393	251CHI34220	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3394	251CHI34221	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	BPH107 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3395	251CHI34222	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
3396	251CHI34223	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	22/12/2025	DPH016 (40)	Âu Tuyền Diệu (60620)	
3397	251CHI34224	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Âu Tuyền Diệu (60620)	
3398	251CHI34225	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH107 (40)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3399	251CHI34226	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3400	251CHI34227	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	23/12/2025	BPH103 (40)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3401	251CHI34228	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3402	251CHI34229	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	BPH013 (40)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3403	251CHI34230	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3404	251CHI34231	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/12/2025	DPH016 (40)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3405	251CHI34232	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3406	251CHI34233	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37	Trắc nghiệm	08h00	23/12/2025	BPH007 (37)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3407	251CHI34234	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Khoa Ngoại ngữ	37					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3408	251CHI34301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	DPH006 (43)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3409	251CHI34302	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Khoa Ngoại ngữ	43					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3410	251I CHI30501	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3.00	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	HEC603 (46)	La Hải Kỳ (60752)	
3411	251CHI34401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH107 (40)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3412	251CHI34402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3413	251CHI34403	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH103 (40)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3414	251CHI34404	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3415	251CHI34405	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH014 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3416	251CHI34406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
3417	251CHI34407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH016 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3418	251CHI34408	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3419	251CHI34409	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH109 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3420	251CHI34410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3421	251CHI34411	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	DPH009 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3422	251CHI34412	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3423	251CHI34413	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	24/12/2025	BPH109 (39)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3424	251CHI34414	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	39					Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3425	251CHI34415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH106 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3426	251CHI34416	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3427	251CHI34417	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH108 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3428	251CHI34418	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3429	251CHI34419	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	BPH105 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3430	251CHI34420	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3431	251CHI34421	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/12/2025	DPH006 (40)	Trương Tư Triển (60286)	
3432	251CHI34422	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3433	251CHI33701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	08/12/2025	HEC709 (50)	Lê Thị Thủy (61305)	
3434	251CHI33702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	09h40	08/12/2025	HEC503 (50)	Lê Thị Thủy (61305)	
3435	251CHI33703	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	08/12/2025	HEC703 (50)	Lê Thị Thủy (61305)	
3436	251CHI33704	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Khoa Ngoại ngữ	26	Tổng hợp	09h40	08/12/2025	HEC510 (26)	Lê Thị Thủy (61305)	
3437	251CHI46101	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	BPH013 (41)	Hoàng Văn Cường (25128)	
3438	251CHI46102	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	03/12/2025	HEC503 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
3439	251CHI46103	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	BPH106 (41)	Hoàng Văn Cường (25128)	
3440	251CHI46104	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	DPH009 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
3441	251CHI46107	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	03/12/2025	DPH014 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
3442	251CHI44301	Tiếng Trung tổng hợp nâng cao	4.00	Khoa Ngoại ngữ	36	Tổng hợp	13h30	22/12/2025	BPH102 (36)	Âu Tuyên Diệu (60620)	
3443	251PUR44301	Tiếp thị sự kiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	52	Tiểu luận		22/10/2025		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
3444	251PUR44302	Tiếp thị sự kiện	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53	Tiểu luận		03/12/2025		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
3445	251HOS42901	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 90	08h00	04/12/2025	HEC703 (30) ; HEC709 (30)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3446	251TOU43101	Tiếp thị trong kinh doanh du lịch	2.00	Khoa Du lịch	58	Tự luận 90	13h30	13/12/2025	BPH106 (29) ; BPH108 (29)	Phan Minh Châu (61148)	
3447	2511A0303501	Tin học chuyên ngành SPSS	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3448	251TRA42701	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	51	Tự luận 90	13h30	19/12/2025	BPH111 (26) ; BPH112 (25)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
3449	251LOG41801	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	4	Tiểu luận		26/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3450	251BUS10101	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
3451	251BUS10102	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3452	251BUS10103	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
3453	251BUS10104	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
3454	251BUS10105	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
3455	251BUS10106	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Thị Bảo Yến (61292)	
3456	251BUS10107	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Thị Bảo Yến (61292)	
3457	251BUS10108	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
3458	251BUS10109	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
3459	251BUS10110	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Mai Thị Phương Thùy (61264)	
3460	251BUS10111	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	145	Tiểu luận		25/12/2025		Mai Thị Phương Thùy (61264)	
3461	251BUS10112	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Mai Thị Phương Thùy (61264)	
3462	251BUS10113	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		25/12/2025		Tạ Thị Hiệp (61105)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3463	251BUS10114	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Tạ Thị Hiệp (61105)	
3464	251BUS10115	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		25/12/2025		Trương Thị Thanh Nga (60891)	
3465	251BUS10116	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
3466	251BUS10117	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		25/12/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
3467	251BUS10118	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	148	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tài (61123)	
3468	251BUS10119	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tài (61123)	
3469	251BUS10120	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Duy Phương 2 (60881)	
3470	251BUS10121	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Duy Phương 2 (60881)	
3471	251BUS10122	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	118	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
3472	251BUS10123	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	118	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
3473	251BUS10124	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3474	251BUS10125	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3475	251BUS10126	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3476	251BUS10127	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3477	251BUS10128	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Phạm Hồng Văn (61180)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3478	251BUS10129	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Phạm Hồng Văn (61180)	
3479	251BUS10130	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Thanh Thúy (61390)	
3480	251BUS10131	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Thị Thanh Thúy (61390)	
3481	251BUS10132	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Ngọc Dung (61296)	
3482	251BUS10133	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Ngọc Dung (61296)	
3483	251BUS10134	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
3484	251BUS10135	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
3485	251BUS10136	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Ngô Hoàng Đông (61489)	
3486	251BUS10137	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	128	Tiểu luận		25/12/2025		Ngô Hoàng Đông (61489)	
3487	251BUS10138	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tài (61123)	
3488	251BUS10139	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tài (61123)	
3489	251BUS10140	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3490	251BUS10141	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3491	251BUS10142	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	95	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Nguyễn Thy Châu (61156)	
3492	251BUS10143	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	95	Tiểu luận		25/12/2025		Trần Nguyễn Thy Châu (61156)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3493	251BUS10144	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Tiến Lợi (60558)	
3494	251BUS10145	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Tiến Lợi (60558)	
3495	251BUS10146	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Tiến Lợi (60558)	
3496	251BUS10147	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/12/2025		Đinh Tiến Lợi (60558)	
3497	251BUS10149	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Ngọc Dung (61296)	
3498	251BUS10150	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	95	Tiểu luận		25/12/2025		Đoàn Thị Ngọc (61135)	
3499	251BUS10151	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	96	Tiểu luận		25/12/2025		Đoàn Thị Ngọc (61135)	
3500	251BUS10152	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tuấn (61490)	
3501	251BUS10153	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tuấn (61490)	
3502	251BUS10154	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Tài (61123)	
3503	251BUS10155	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Lê Hồng Danh (28007)	
3504	251BUS10156	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3505	251BUS10157	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	88	Tiểu luận		25/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3506	251BUS10158	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	89	Tiểu luận		25/12/2025		Ngô Hoàng Đông (61489)	
3507	251TRA42801	Tổ chức điều hành tour Inbound và Outbound	3.00	Khoa Du lịch	23	Tự luận 90	15h10	05/12/2025	BPH008 (23)	Vũ Thị Thu Hương (03112)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3508	251TRA44201	Tổ chức quản lý đại lý du lịch	2.00	Khoa Du lịch	19	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Văn Hợp (61506)	
3509	251TOU41401	Tổ chức sự kiện du lịch	2.00	Khoa Du lịch	23	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Ngọc Hiếu (61401)	
3510	251TRA45301	Tổ chức và điều hành tour	3.00	Khoa Du lịch	59	Tự luận 60	13h30	19/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (29)	Võ Sơn Đông (61500)	
3511	251TRA45302	Tổ chức và điều hành tour	3.00	Khoa Du lịch	51	Tự luận 60	09h40	24/12/2025	HEC603 (51)	Nguyễn Tấn Công (61402)	
3512	251INT430101	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	62	Tiểu luận		30/10/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
3513	251INT430102	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	41					Nguyễn Minh Thi (60151)	
3514	251INT430103	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	21					Nguyễn Minh Thi (60151)	
3515	251INT430104	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	30	Tiểu luận		19/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
3516	251INT430106	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	30					Nguyễn Minh Thi (60151)	
3517	251NAS20201	Toán cao cấp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	DPH005 (72)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3518	251NAS20202	Toán cao cấp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	09h40	16/12/2025	DPH006 (72)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3519	251NAS20203	Toán cao cấp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	08h00	16/12/2025	DPH006 (72)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3520	251NAS20204	Toán cao cấp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	71	Tự luận 90	08h00	16/12/2025	DPH005 (71)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3521	251NAS20205	Toán cao cấp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	69	Tự luận 90	08h00	16/12/2025	DPH009 (34) ; DPH014 (35)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3522	251NAS31002	Toán kỹ thuật	2.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	37	Tự luận 90	13h30	03/12/2025	BPH007 (37)	Hồ Quốc Bảo (60932)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3523	251NAS30601	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lương Thái Hiền (01005)	
3524	251NAS30602	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	BPH106 (34) ; BPH108 (34)	Lương Thái Hiền (01005)	
3525	251NAS30603	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	BPH007 (34) ; DPH009 (34)	Lương Thái Hiền (01005)	
3526	251NAS30604	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 60	13h30	18/12/2025	DPH004 (72)	Lương Thái Hiền (01005)	
3527	251TOU30501	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	69	Tự luận 60	13h30	01/12/2025	HEC510 (69)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3528	251TOU30502	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 60	08h00	22/12/2025	DPH005 (72)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3529	251TOU30503	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	13h30	01/12/2025	DPH005 (70)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
3530	251TOU30504	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	08h00	15/12/2025	HEC503 (70)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
3531	251TOU30505	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	13h30	01/12/2025	DPH006 (70)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3532	251TOU30506	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	08h00	15/12/2025	HEC703 (70)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
3533	251TOU30507	Tổng quan du lịch	2.00	Khoa Du lịch	46	Tự luận 60	08h00	15/12/2025	HEC510 (46)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3534	251TRA30602	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	80	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3535	251TRA30603	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	80	Tự luận 60	08h00	18/12/2025	HEC510 (45) ; HEC706 (35)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3536	251TRA30604	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH014 (30) ; DPH017 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3537	251TRA30605	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	60	Tự luận 60	08h00	18/12/2025	HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3538	251TRA30606	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	HEC709 (50)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3539	251TRA30607	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	80	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH007 (40) ; DPH014 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3540	251TRA30608	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH104 (35) ; BPH108 (35)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3541	251TRA30609	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	08h00	18/12/2025	BPH014 (35) ; BPH111 (35)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3542	251TRA30610	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Khoa Du lịch	40	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	DPH009 (40)	Phùng Anh Kiên (03007)	
3543	251HOS30601	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	49	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	DPH005 (49)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3544	251HOS30602	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	45	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	DPH006 (45)	Lý Liệt Thanh (60747)	
3545	251HOS30603	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	DPH017 (25) ; DPH020 (25)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3546	251HOS30604	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	55	Tự luận 60	15h10	02/12/2025	BPH110 (27) ; DPH022 (28)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3547	251HOS30605	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	HEC503 (72)	Lý Liệt Thanh (60747)	
3548	251HOS30606	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	HEC603 (72)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
3549	251HOS30607	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	HEC603 (72)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
3550	251HOS30608	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	72	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	HEC703 (72)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3551	251HOS30609	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	44	Tự luận 60	13h30	02/12/2025	HEC510 (44)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
3552	251HOS30610	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	40	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3553	251HOS30611	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Khoa Du lịch	70	Tự luận 60	09h40	18/12/2025	HEC503 (70)	Ngô Xuân Hào (03005)	
3554	251HOS31501	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2.00	Khoa Du lịch	68	Tự luận 60	09h40	03/12/2025	HEC609 (34) ; HEC709 (34)	Võ Đình Thuật (61030)	
3555	251HOS31502	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2.00	Khoa Du lịch	68	Tự luận 60	09h40	03/12/2025	BPH014 (34) ; BPH110 (34)	Võ Đình Thuật (61030)	
3556	251HOS31503	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2.00	Khoa Du lịch	33	Tự luận 60	09h40	03/12/2025	HEC510 (33)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
3557	251TRA31301	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		22/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
3558	251TRA31302	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		22/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
3559	251TRA31303	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	49	Tiểu luận		22/12/2025		Nguyễn Hoàng Vũ (61214)	
3560	251TRA31304	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	59	Tiểu luận		22/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
3561	251TRA31305	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		22/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
3562	251COE30601	Trắc địa	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	51	Tổng hợp	09h40	11/12/2025	BPH110 (26) ; DPH015 (25)	Huỳnh Nguyễn Định Quốc (61396)	
3563	251COE30602	Trắc địa	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	51	Thực hành		11/12/2025		Huỳnh Nguyễn Định Quốc (61396)	
3564	2511CHI33901	Trải nghiệm ngành Ngôn ngữ Trung	1.00	Viện Đào tạo Quốc tế	35	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3565	251ACC30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
3566	251ACC30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận		30/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
3567	251ACC30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận		30/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3568	251ACC30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
3569	251ACC30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
3570	251ACC30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
3571	251ACC30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
3572	251ART36601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Nghệ thuật	25	Tiểu luận		15/12/2025		Hồ Duy Trường (60188)	
3573	251ART36701	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Nghệ thuật	41	Tiểu luận		15/12/2025		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
3574	251ART38301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Nghệ thuật	50	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
3575	251ART38501	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Nghệ thuật	23	Tiểu luận		15/12/2025		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
3576	251AUD30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	24	Tiểu luận		16/12/2025		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
3577	251BIO31901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	27	Tiểu luận		08/12/2025		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
3578	251BUS30801	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3579	251BUS30802	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	50	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3580	251BUS30803	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	49	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3581	251CHI33901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3582	251CHI33902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Thị Hoa (61122)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3583	251CHI33903	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Huỳnh Thị Hoa (61122)	
3584	251CHI33904	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3585	251CHI33905	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3586	251CHI33906	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Tư Triển (60286)	
3587	251CHI33907	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Tư Triển (60286)	
3588	251CHI33908	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3589	251CHI33909	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3590	251CHI33910	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3591	251CHI33911	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3592	251CHI33912	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	44	Tiểu luận		28/12/2025		Diệp Tuyết Vân (60342)	
3593	251CHI33913	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Tiểu luận		28/12/2025		Diệp Tuyết Vân (60342)	
3594	251CHI33914	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	44	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3595	251CHI35301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	28	Báo cáo		26/12/2025		Trịnh Văn Vinh (61018)	
3596	251COE30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		25/11/2025		Võ Nhật Luân (61034)	
3597	251COE30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Tiểu luận		25/11/2025		Võ Nhật Luân (61034)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3598	251ECO30601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3599	251ECO30602	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3600	251ECO30603	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		13/10/2025		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
3601	251ECO30604	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
3602	251ECO30605	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
3603	251ECO30606	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
3604	251ECO30607	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
3605	251ECO30608	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
3606	251ECO30901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Báo cáo		26/12/2025		Đoàn Thị Vân (27003)	
3607	251ECO30902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	47	Báo cáo		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3608	251ECO30903	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận		20/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3609	251ELE31901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
3610	251ELE31902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
3611	251ELE31903	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	38	Tiểu luận		15/12/2025		Phan Văn Hiệp (01040)	
3612	251ENG30801	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3613	251ENG30802	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	43	Báo cáo		06/12/2025		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
3614	251ENG30803	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/12/2025		Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3615	251ENG30804	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/12/2025		Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3616	251ENG30805	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Báo cáo		28/12/2025		Phạm Duy Phương (60717)	
3617	251ENG30806	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		15/12/2025		Nim Ngọc Yến (25056)	
3618	251ENG30807	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	41	Báo cáo		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3619	251ENG30808	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Báo cáo		28/12/2025		Phạm Duy Phương (60717)	
3620	251ENG30809	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Báo cáo		15/12/2025		Nim Ngọc Yến (25056)	
3621	251ENG30810	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Báo cáo		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3622	251ENG30811	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Báo cáo		28/12/2025		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3623	251FIN30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Báo cáo		30/11/2025		Võ Tiến Lộc (60423)	
3624	251FIN30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	46	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
3625	251FIN30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	46	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
3626	251FIN30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Báo cáo		28/12/2025		Đào Ngọc Thọ (61017)	
3627	251FIN30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3628	251FIN30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Trương Trung Hiếu (61344)	
3629	251FIN30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
3630	251FIN30308	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
3631	251FIN30309	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Đào Ngọc Thọ (61017)	
3632	251FIN30310	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Trần Tuấn Anh (60292)	
3633	251FIN30311	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		30/11/2025		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
3634	251FIN30312	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Báo cáo		30/11/2025		Trần Tuấn Anh (60292)	
3635	251FIN31001	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	67	Báo cáo		30/11/2025		Trần Mạnh Trí (60424)	
3636	251FOT31901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	60	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
3637	251FOT31902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	58	Tiểu luận		20/12/2025		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
3638	251FRE30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3639	251HOS30701	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	41	Tiểu luận		28/12/2025		Mai lý Hiền (61529)	
3640	251HOS30702	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Tạ Đức Thụy (61530)	
3641	251HOS30703	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Xuân Hào (03005)	
3642	251HOS30704	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3643	251HOS30705	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
3644	251HOS30706	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3645	251HOS30707	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
3646	251HOS30708	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
3647	251HOS30709	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
3648	251HOS30710	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
3649	251HOS30711	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
3650	251HOS30712	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	41	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
3651	251HOS32001	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
3652	251HOS32002	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lưu Tuấn Anh (60447)	
3653	251HOS32003	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
3654	251HOS32004	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	44	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
3655	251HUR30401	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Báo cáo		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
3656	251HUR30402	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
3657	251HUR30403	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3658	251HUR30404	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
3659	251INR30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	43	Báo cáo		21/12/2025		Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
3660	251INT30101	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	52	Tiểu luận		13/12/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
3661	251INT31001	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		13/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
3662	251INT31002	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	43	Tiểu luận		13/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
3663	251INT31003	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
3664	251INT31004	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
3665	251INT31005	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Trần Quốc Toàn (60754)	
3666	251INT31006	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
3667	251INT31007	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	
3668	251INT31008	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
3669	251INT31009	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3670	251INT31010	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
3671	251INT31011	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	40	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3672	251INT31012	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	52	Tiểu luận		13/12/2025		Đỗ Minh Trung (60885)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3673	251INT31013	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
3674	251INT31014	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		13/12/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
3675	251INT33201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Công nghệ thông tin	28	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
3676	251JAP31601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	45	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3677	251JAP31602	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Ngoại ngữ	42	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3678	251LAW30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Hữu Thành (60341)	
3679	251LAW30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
3680	251LAW30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
3681	251LAW30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
3682	251LAW30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
3683	251LAW30206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
3684	251LAW30601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	39	Báo cáo		18/12/2025		Trịnh Tường Khiêm (60996)	
3685	251LAW30602	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Viết Tú (60355)	
3686	251LAW30603	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Viết Tú (60355)	
3687	251LAW30604	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Hữu Thành (60341)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3688	251LAW30605	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Hữu Thành (60341)	
3689	251LIT31201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3690	251LIT31202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3691	251LIT31203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3692	251LIT31204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3693	251LIT31205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3694	251LIT31206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Báo cáo		26/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
3695	251MAN30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		16/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
3696	251MAN30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		25/11/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3697	251MAN30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3698	251MAN30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
3699	251MAN30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
3700	251MAN30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3701	251MAN30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
3702	251MAN30308	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	46	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3703	251MAN30309	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	43	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3704	251MAN30310	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3705	251MAN30311	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3706	251MAN30312	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	44	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3707	251MAN30313	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	45	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3708	251MAN30314	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3709	251MAN30315	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		28/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
3710	251MAN30316	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		28/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
3711	251MAN30317	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3712	251MAR30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		20/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3713	251MAR30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3714	251MAR30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
3715	251MAR30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
3716	251MAR30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
3717	251MAR30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3718	251MAR30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		16/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
3719	251MAR30308	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		01/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3720	251MAR30309	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3721	251MAR30310	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
3722	251MAR30311	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
3723	251MAR30312	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		01/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3724	251MAR30313	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3725	251MAR30314	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		01/12/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
3726	251MAR30315	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3727	251MAR30316	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		16/12/2025		Trần Anh Tú (60857)	
3728	251MAR30317	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
3729	251MAR30318	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
3730	251MAR30319	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
3731	251MAR30320	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
3732	251MAR30321	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Đức Đạt (61104)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3733	251MAR30322	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		15/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3734	251MAR30323	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3735	251MAR30324	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3736	251MAR30325	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3737	251MAR30326	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3738	251MAR30327	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
3739	251MAR30328	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3740	251MAR30329	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3741	251MAR30330	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
3742	251MAR30331	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		25/12/2025		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3743	251MAR30332	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3744	251MAR30333	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	38	Báo cáo		28/12/2025		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3745	251MMC30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3746	251MMC30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3747	251MMC30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3748	251MMC30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3749	251MMC30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3750	251MMC30206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3751	251MMC30207	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3752	251MMC30208	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3753	251MMC30209	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3754	251MMC30210	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3755	251MMC30211	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3756	251MMC30212	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3757	251MMC30213	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3758	251MMC30214	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3759	251MMC30215	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3760	251MMC30216	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3761	251MMC30217	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3762	251MMC30218	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3763	251MMC30219	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3764	251MMC30220	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3765	251MMC30221	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3766	251MMC30222	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3767	251MMC30223	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3768	251MMC30224	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3769	251MMC30225	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3770	251MMC30226	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
3771	251MMC30227	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3772	251MMC30228	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3773	251MMC30229	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3774	251MMC30230	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3775	251MMC30231	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3776	251MMC30232	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3777	251MMC30233	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3778	251MMC30234	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3779	251MMC30235	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3780	251MMC30236	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	39	Báo cáo		27/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3781	251MMC30237	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	51	Báo cáo		27/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
3782	251NUR30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Y Dược	46	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
3783	251NUR30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Y Dược	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phi Hùng (60340)	
3784	251NUR30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Y Dược	40	Tiểu luận		28/12/2025		Trần Thị Huyền (60682)	
3785	251NUR30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Y Dược	40	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Văn Hải (60837)	
3786	251NUR30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Y Dược	42	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phú Vinh (61028)	
3787	251ORI30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3788	251ORI30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3789	251ORI30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3790	251PRO30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	30	Báo cáo		26/12/2025		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3791	251PSY31401	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
3792	251PSY31402	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3793	251PSY31403	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
3794	251PSY31404	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
3795	251PSY31405	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
3796	251PSY31406	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
3797	251PSY31407	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
3798	251PSY31408	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		19/12/2025		Hoàng Minh Phú (61033)	
3799	251PSY31409	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	37	Báo cáo		19/12/2025		Hoàng Minh Phú (61033)	
3800	251PUR30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3801	251PUR30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3802	251PUR30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3803	251PUR30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3804	251PUR30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	42	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3805	251PUR30206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3806	251PUR30207	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3807	251PUR30208	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3808	251PUR30209	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3809	251PUR30210	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		25/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3810	251PUR30211	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3811	251PUR30212	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3812	251PUR30213	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3813	251PUR30214	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3814	251PUR30215	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3815	251PUR30216	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3816	251PUR30217	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3817	251PUR30218	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3818	251PUR30219	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3819	251PUR30220	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3820	251PUR30221	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3821	251PUR30222	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3822	251PUR30223	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3823	251PUR30224	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3824	251PUR30225	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3825	251PUR30226	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3826	251PUR30227	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3827	251PUR30228	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3828	251PUR30229	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3829	251PUR30230	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
3830	251PUR30231	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3831	251PUR30232	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3832	251PUR30233	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3833	251PUR30234	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3834	251PUR30235	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3835	251PUR30237	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
3836	251SOC31201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		15/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
3837	251SOC31202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		15/12/2025		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3838	251SOC31203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	41	Báo cáo		15/12/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
3839	251SOC31204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35	Báo cáo		15/12/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
3840	251SUC30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3841	251SUC30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3842	251SUC30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3843	251SUC30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3844	251SUC30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3845	251SUC30206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	47	Báo cáo		27/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
3846	251SUC30207	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	42	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3847	251SUC30208	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	41	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3848	251SUC30209	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3849	251SUC30210	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3850	251SUC30211	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3851	251SUC30212	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3852	251SUC30213	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3853	251SUC30214	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	40	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3854	251SUC30215	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	45	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
3855	251VIE30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Báo cáo		27/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
3856	251VIE30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	35	Báo cáo		27/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
3857	251VIE30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	37	Báo cáo		27/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
3858	251TOU32101	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
3859	251TOU32102	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận		28/12/2025		Mai lý Hiền (61529)	
3860	251TOU32103	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Lưu Tuấn Anh (60447)	
3861	251TOU32104	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Tạ Đức Thụy (61530)	
3862	251TOU32105	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
3863	251TOU32106	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Du Quốc Đạo (60734)	
3864	251TOU32107	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
3865	251TOU32108	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
3866	251TOU32109	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Thị Loan (60190)	
3867	251HOS30901	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Xuân Hào (03005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3868	251HOS30902	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	28	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
3869	251HOS30903	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3870	251HOS30904	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
3871	251HOS30905	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
3872	251HOS30906	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Võ Đình Thuật (61030)	
3873	251HOS30907	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Tô Hồng Gấm (60506)	
3874	251HOS30908	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
3875	251HOS30909	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	29	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
3876	251HOS30910	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
3877	251TOU42201	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
3878	251TOU42202	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
3879	251TOU42203	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Tạ Đức Thụy (61530)	
3880	251TOU42204	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
3881	251TOU42205	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Dương Văn Bình (61321)	
3882	251TOU42206	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Phan Trần Tuyền (60059)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3883	251TOU42207	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	5	Tiểu luận		28/12/2025		Lưu Tuấn Anh (60447)	
3884	251HOS43001	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Mai lý Hiền (61529)	
3885	251HOS43002	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
3886	251HOS43003	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
3887	251HOS43004	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Ngô Xuân Hào (03005)	
3888	251HOS43005	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	29	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
3889	251HOS43006	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	23	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
3890	251HOS43401	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận		28/12/2025		Lý Liệt Thanh (60747)	
3891	251HOS43402	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Khoa Du lịch	25	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
3892	251HOS43403	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Khoa Du lịch	21	Tiểu luận		28/12/2025		Mai lý Hiền (61529)	
3893	251HOS43404	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Khoa Du lịch	23	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
3894	251ECO41701	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Thị Hiền (61315)	
3895	251ECO41702	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Đỗ Thị Hiền (61315)	
3896	251ECO41703	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		20/12/2025		Lê Hồng Danh (28007)	
3897	251POL10501	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	13/12/2025	BPH103 (35) ; BPH105 (35) ; BPH107 (35) ; BPH109 (45)	Trần Cường (60955)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3898	251POL10502	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	13/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Trần Cường (60955)	
3899	251POL10503	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3900	251POL10504	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3901	251POL10505	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	116	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	DPH009 (38) ; DPH014 (38) ; DPH016 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
3902	251POL10506	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BPH102 (38) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
3903	251POL10507	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Khánh Hưng (61459)	
3904	251POL10508	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (74)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
3905	251POL10509	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Trần Cường (60955)	
3906	251POL10510	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	143	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	HEC503 (70) ; HEC603 (73)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
3907	251POL10511	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	BPH007 (37) ; BPH107 (38) ; BPH109 (37) ; DPH016 (38)	Nguyễn Khánh Hưng (61459)	
3908	251POL10512	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	BMT002 (26) ; BMT004 (26) ; DMT018 (49) ; DMT019 (49)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
3909	251POL10513	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
3910	251POL10514	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	141	Trắc nghiệm	09h40	13/12/2025	BPH102 (35) ; BPH103 (35) ; BPH104 (35) ; BPH105 (36)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
3911	251POL10515	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
3912	251POL10516	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	BPH007 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3913	251POL10517	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BPH013 (38) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)	
3914	251POL10518	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BPH102 (38) ; BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)	
3915	251POL10519	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
3916	251POL10520	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (74)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
3917	251POL10521	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3918	251POL10522	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3919	251POL10523	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
3920	251POL10524	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	15h10	10/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
3921	251POL10525	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	149	Trắc nghiệm	09h40	25/12/2025	HEC510 (39) ; HEC609 (40) ; HEC703 (70)	Tô Thanh My (60497)	
3922	251POL10526	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	148	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	HEC503 (74) ; HEC603 (74)	Tô Thanh My (60497)	
3923	251POL10527	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Trần Cường (60955)	
3924	251POL10528	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	DPH006 (75) ; DPH009 (37) ; DPH014 (38)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
3925	251POL10529	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Trần Cường (60955)	
3926	251POL10530	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	10/12/2025	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Trần Cường (60955)	
3927	251POL10531	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	77	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	BPH007 (38) ; BPH102 (39)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3928	251POL10532	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	85	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	BPH105 (43) ; BPH107 (42)	Phạm Thị Thùy (60849)	
3929	251POL10533	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BPH102 (38) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)	
3930	251POL10534	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	90	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	BPH014 (30) ; BPH106 (30) ; BPH108 (30)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
3931	251POL10535	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	118	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (38) ; BPH107 (40)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
3932	251POL10536	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	117	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BPH007 (38) ; BPH013 (39) ; DPH009 (40)	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)	
3933	251POL10537	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	117	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BPH013 (40) ; BPH105 (40) ; BPH106 (37)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3934	251POL10538	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	117	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (37) ; BPH105 (40)	Đoàn Thị Huê (05049)	
3935	251POL10539	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	DPH016 (38) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
3936	251POL10540	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
3937	251POL10541	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BPH007 (34) ; BPH014 (30) ; DPH009 (32) ; DPH014 (32)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
3938	251POL10542	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	127	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	DPH016 (37) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
3939	251POL10543	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BPH108 (36) ; BPH110 (32) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Đoàn Thị May (61493)	
3940	251POL10544	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	08h00	09/12/2025	BPH014 (30) ; BPH109 (38) ; DPH017 (30) ; DPH022 (30)	Đoàn Thị May (61493)	
3941	251POL10545	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	BPH007 (30) ; BPH102 (30) ; BPH107 (38) ; BPH112 (30)	Phạm Thị Thùy (60849)	
3942	251POL10546	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	08h00	10/12/2025	BPH014 (30) ; BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30)	Phạm Thị Thùy (60849)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3943	251POL10547	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Phạm Thị Thùy (60849)	
3944	251POL10548	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	128	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	BPH109 (38) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Đoàn Thị May (61493)	
3945	251POL10549	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	78	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (39)	Phạm Đình Huân (61408)	
3946	251POL10550	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	26/12/2025	BPH103 (40) ; BPH109 (40) ; DHT001 (70)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
3947	251POL10551	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	95	Trắc nghiệm	13h30	09/12/2025	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (31)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
3948	251POL10552	Triết học Mác - Lênin	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	96	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BPH007 (36) ; DPH017 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
3949	251MAR43201	Truyền thông báo chí	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	37	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Lê Đình Hiếu (61484)	
3950	251MAR43202	Truyền thông báo chí	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		24/12/2025		Trần Lê Đình Hiếu (61484)	
3951	251MAR43301	Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	40	Tiểu luận		24/12/2025		Bùi Thị Thảo Hiền (61501)	
3952	251MAR43302	Truyền thông đa phương tiện	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	56	Tiểu luận		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3953	251MMC30701	Truyền thông số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		21/11/2025		Hồ Thị Ngọc Giàu (61235)	
3954	251MMC30702	Truyền thông số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tiểu luận		21/11/2025		Hồ Thị Ngọc Giàu (61235)	
3955	251MMC30703	Truyền thông số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		26/11/2025		Phan Thị Kim Loan (61404)	
3956	251MMC30704	Truyền thông số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		26/11/2025		Phan Thị Kim Loan (61404)	
3957	251MMC30705	Truyền thông số	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		22/11/2025		Phan Thị Kim Loan (61404)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3958	251INT55101	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	20	Tiểu luận		13/12/2025		Dương Quang Triết (60165)	
3959	251INT55102	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	25	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Minh Thi (60151)	
3960	251INT55103	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	25	Tiểu luận		13/12/2025		Lê Thanh Phong (60650)	
3961	251INT55104	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	25	Tiểu luận		13/12/2025		Hồ Văn Ngọc (01028)	
3962	251INT55105	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	25	Tiểu luận		13/12/2025		Lương Thái Hiền (01005)	
3963	251INT55106	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	6	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Minh Đạt (61282)	
3964	251INT55107	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	13	Tiểu luận		13/12/2025		Cao Hoàng Khải (61279)	
3965	251INT55108	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	8	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
3966	251INT55109	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	4	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
3967	251FOT50101	TTTN Công nghệ thực phẩm	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	11	Báo cáo		22/12/2025		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
3968	251ORI50301	TTTN Đông phương học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	20	Báo cáo		27/12/2025		Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3969	251KOR54401	TTTN Hàn Quốc học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Báo cáo		27/12/2025		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3970	251KOR54402	TTTN Hàn Quốc học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	23	Báo cáo		27/12/2025		Cao Thúy Oanh (25004)	
3971	251ACC52301	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
3972	251ACC52302	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Tiểu luận		02/12/2025		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3973	251ACC52304	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Tiểu luận		16/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
3974	251ACC52305	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	20	Tiểu luận		24/12/2025		Phan Thị Lan Phương (60519)	
3975	251ACC52306	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	24	Tiểu luận		15/12/2025		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
3976	251ACC52307	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	20	Tiểu luận		30/11/2025		Võ Tấn Liêm (60142)	
3977	251ACC52308	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	20	Tiểu luận		26/12/2025		Nguyễn Thành Long (02038)	
3978	251ACC52309	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	20	Tiểu luận		16/12/2025		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3979	251ACC52310	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	24	Tiểu luận		16/12/2025		Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
3980	251ACC52311	TTTN Kế toán	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	22	Tiểu luận		16/12/2025		Đào Văn Hào (60784)	
3981	251INT58201	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Tiểu luận		13/12/2025		Đặng Văn Lực (60719)	
3982	251INT58202	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận		13/12/2025		Hồ Văn Ngọc (01028)	
3983	251INT58204	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	23	Tiểu luận		13/12/2025		Lương Thái Hiền (01005)	
3984	251INT58205	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
3985	251INT58206	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	2	Tiểu luận		13/12/2025		Đỗ Đình Trang (01011)	
3986	251INT58207	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	3	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
3987	251INT58208	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	5	Tiểu luận		13/12/2025		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3988	251INT58209	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	6	Tiểu luận		13/12/2025		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
3989	251INT58210	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3990	251BUS53701	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
3991	251BUS53702	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3992	251BUS53705	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	3	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3993	251ECO51001	TTTN Kinh tế	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	24	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3994	251ECO51002	TTTN Kinh tế	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	22	Báo cáo		26/12/2025		Đoàn Thị Vân (27003)	
3995	251ELE43904	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	11	Báo cáo		15/12/2025		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
3996	251INT50301	TTTN Kỹ thuật phần mềm	5.00	Khoa Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận		13/12/2025		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3997	251LOG50101	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	25	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Thành Luân (61025)	
3998	251LOG50102	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	25	Báo cáo		27/12/2025		Vũ Ngọc Bích (61328)	
3999	251LOG50103	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	25	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)	
4000	251LOG50104	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	25	Báo cáo		26/12/2025		Lê Thị Nam Phương (60436)	
4001	251LOG50105	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	18	Báo cáo		26/12/2025		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4002	251LAW50101	TTTN Luật	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Viết Tú (60355)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4003	251LAW50102	TTTN Luật	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		18/12/2025		Vũ Thị Nga (60542)	
4004	251LAW50103	TTTN Luật	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thuận An (60356)	
4005	251LAW50104	TTTN Luật	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	12	Báo cáo		18/12/2025		Nguyễn Thanh Việt (61331)	
4006	251MAR52801	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
4007	251MAR52802	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
4008	251MAR52803	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
4009	251MAR52804	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
4010	251MAR52805	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		25/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4011	251MAR52806	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		20/12/2025		Đặng Thanh Vũ (03095)	
4012	251MAR52807	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		28/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4013	251MAR52808	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		28/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
4014	251MAR52809	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4015	251MAR52810	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		24/12/2025		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
4016	251MAR52811	TTTN Marketing	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	24	Báo cáo		26/12/2025		Trần Thanh Trâm (60740)	
4017	251ENG51401	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		28/12/2025		Lê Thị Thanh Tâm (60737)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4018	251ENG51402	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Khoa Ngoại ngữ	19	Báo cáo		28/12/2025		Lê Thanh Hòa (61027)	
4019	251ENG50301	TTTN Ngôn ngữ Anh/ PPGD BM Tiếng Anh	5.00	Khoa Ngoại ngữ	6	Báo cáo		28/12/2025		Ngô Huệ Nghi (60753)	
4020	251ENG51101	TTTN Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	5.00	Khoa Ngoại ngữ	23	Báo cáo		28/12/2025		Thạch Thị Quách Thi (60666)	
4021	251JAP59101	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		28/12/2025		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
4022	251JAP59102	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Khoa Ngoại ngữ	21	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
4023	251JAP59103	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Khoa Ngoại ngữ	4	Báo cáo		28/12/2025		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
4024	251CHI53501	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
4025	251CHI53502	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/12/2025		La Hải Kỳ (60752)	
4026	251CHI53503	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/12/2025		Hoàng Văn Cường (25128)	
4027	251CHI53504	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Khoa Ngoại ngữ	3	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
4028	251JAP58901	TTTN Nhật Bản học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	5	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
4029	251PUR52001	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hương (04042)	
4030	251PUR52002	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	16	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Lợi (10006)	
4031	251TRA53601	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Khoa Du lịch	19	Tiểu luận		28/12/2025		Lê Hồng Vương (61024)	
4032	251TRA53602	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Khoa Du lịch	12	Tiểu luận		28/12/2025		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4033	251HOS53501	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Khoa Du lịch	25	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
4034	251HOS53502	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Khoa Du lịch	1	Báo cáo		28/12/2025		Lê Hồng Vương (61024)	
4035	251MAN52601	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	20	Báo cáo		28/12/2025		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
4036	251MAN52602	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		28/12/2025		Trần Hữu Ái (02032)	
4037	251MAN52603	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Phương Mai (02011)	
4038	251MAN52604	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
4039	251MAN52605	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		25/11/2025		Mai Lưu Huy (02116)	
4040	251MAN52606	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
4041	251MAN52607	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		27/12/2025		Trần Huy Cường (02023)	
4042	251MAN52608	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	10	Báo cáo		28/12/2025		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4043	251HUR51301	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	24	Báo cáo		26/12/2025		Phạm Thị Diễm (07039)	
4044	251HUR51302	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
4045	251HUR51303	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	17	Tiểu luận		28/12/2025		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
4046	251HUR51304	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
4047	251FIN53701	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Tô Thị Kim Hồng (02085)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4048	251FIN53702	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Trần Mạnh Trí (60424)	
4049	251FIN53703	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Trần Tuấn Anh (60292)	
4050	251FIN53704	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Bùi Minh Tiết (61029)	
4051	251FIN53705	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Hoàng Ân (02130)	
4052	251FIN53706	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Thị Anh (60422)	
4053	251FIN53707	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
4054	251FIN53708	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
4055	251FIN53709	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		20/12/2025		Đào Ngọc Thọ (61017)	
4056	251FIN53710	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Khoa Kế toán - Tài chính	2	Báo cáo		28/12/2025		Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
4057	251PSY54701	TTTN Tâm lý học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	6	Báo cáo		27/12/2025		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
4058	251PSY54702	TTTN Tâm lý học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	5	Báo cáo		27/12/2025		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
4059	251PSY54703	TTTN Tâm lý học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	3	Báo cáo		27/12/2025		Trần Thị Thu Vân (04115)	
4060	251ECO50801	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	25	Báo cáo		26/12/2025		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4061	251ECO50802	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	15	Báo cáo		20/12/2025		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
4062	251MMC50101	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Báo cáo		27/12/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4063	251MMC50102	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	14	Báo cáo		27/12/2025		Trần Xuân Tiến (11007)	
4064	251LIT54601	TTTN Văn học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	25	Báo cáo		27/12/2025		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4065	251LIT54602	TTTN Văn học	5.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	19	Báo cáo		27/12/2025		Hồ Văn Quốc (04129)	
4066	251POL10901	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4067	251POL10902	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	09h40	18/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4068	251POL10903	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	BMT002 (30) ; DMT019 (50)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4069	251POL10904	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	13h30	18/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4070	251POL10905	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	16/12/2025	BMT002 (31) ; DMT010 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4071	251POL10906	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	15h10	18/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4072	251POL10907	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	16/12/2025	BMT004 (31) ; DMT019 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4073	251POL10908	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	19/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4074	251POL10909	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	09h40	19/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4075	251POL10910	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	120	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	DMT010 (40) ; DMT011 (40) ; DMT012 (40)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4076	251POL10911	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	19/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4077	251POL10912	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	19/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4078	251POL10913	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	16/12/2025	DMT011 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4079	251POL10914	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	17/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4080	251POL10915	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	17/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Dương Đức Hưng (05005)	
4081	251POL10916	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	17/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4082	251POL10917	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
4083	251POL10918	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	16/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
4084	251POL10919	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
4085	251POL10920	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	17/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
4086	251POL10921	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	08h00	04/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
4087	251POL10922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	08h00	18/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Nguyễn Minh Quân (61003)	
4088	251POL10923	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	BPH007 (37) ; BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Trần Cường (60955)	
4089	251POL10924	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	13h30	19/12/2025	DMT018 (40) ; DMT019 (40)	Lâm Ngọc Linh (60901)	
4090	251POL10925	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	BMT002 (31) ; DMT019 (49)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
4091	251POL10926	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	BPH108 (37) ; BPH109 (38) ; DPH004 (75)	Nguyễn Minh Quân (61003)	
4092	251POL10927	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	18/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Vũ Thị Hằng (61369)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4093	251POL10928	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	18/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Vũ Thị Hằng (61369)	
4094	251POL10929	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	16/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trần Đình Ánh (60931)	
4095	251POL10930	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	16/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trần Đình Ánh (60931)	
4096	251POL10931	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	19/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trần Đình Ánh (60931)	
4097	251POL10932	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	15h10	18/12/2025	DMT010 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Đặng Thị Minh Phượng (61050)	
4098	251POL10933	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	17/12/2025	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Đặng Thị Minh Phượng (61050)	
4099	251POL10934	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	09h40	11/12/2025	BPH107 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Vũ Thị Hằng (61369)	
4100	251POL10935	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	150	Trắc nghiệm	13h30	17/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Vũ Thị Hằng (61369)	
4101	251POL10936	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	101	Trắc nghiệm	08h00	18/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT019 (41)	Bế Thị Thắm (61465)	
4102	251POL10937	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Trắc nghiệm	15h10	15/12/2025	DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Bế Thị Thắm (61465)	
4103	251POL10938	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	100	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Bế Thị Thắm (61465)	
4104	251LAW43701	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Tiểu luận		14/11/2025		Đỗ Trọng Hiền (60545)	
4105	251LAW41501	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		03/11/2025		Nguyễn Mạnh Cường (60801)	
4106	251LAW41502	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		15/12/2025		Nguyễn Mạnh Cường (60801)	
4107	251LAW40701	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Thị Hồng Thơm (60694)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4108	251LAW40702	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Hồng Thom (60694)	
4109	251LAW40703	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	08h00	17/12/2025	HEC603 (70)	Lê Thị Hồng Thom (60694)	
4110	251LAW43801	Tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2.00	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Tiểu luận		14/12/2025		Nguyễn Mạnh Cường (60801)	
4111	251TRA43001	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Khoa Du lịch	52	Tự luận 90	08h00	02/12/2025	BPH012 (26) ; BPH102 (26)	Phan Minh Châu (61148)	
4112	251CHI44801	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	47	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	HEC510 (47)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
4113	251CHI44802	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Khoa Ngoại ngữ	54	Trắc nghiệm	15h10	19/12/2025	BPH111 (27) ; BPH112 (27)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
4114	251TOU31801	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	09h40	03/12/2025	DPH006 (50)	Du Quốc Đạo (60734)	
4115	251TOU31802	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	09h40	03/12/2025	DPH004 (50)	Du Quốc Đạo (60734)	
4116	251TOU31803	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	08h00	03/12/2025	DPH005 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4117	251TOU31805	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	09h40	03/12/2025	DPH005 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4118	251TOU31806	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	08h00	03/12/2025	DPH004 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4119	251TOU31807	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	50	Tự luận 90	08h00	03/12/2025	DPH006 (50)	Du Quốc Đạo (60734)	
4120	251TOU31808	Tuyển điểm du lịch	3.00	Khoa Du lịch	54	Tự luận 90	08h00	03/12/2025	BPH014 (27) ; DPH022 (27)	Du Quốc Đạo (60734)	
4121	251TOU30601	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3.00	Khoa Du lịch	60	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	BMT002 (30) ; DMT018 (30)	Ngô An (03111)	
4122	251TOU30602	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3.00	Khoa Du lịch	60	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	DMT018 (30) ; DMT019 (30)	Ngô An (03111)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4123	251MMC41001	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		28/10/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4124	251MMC41002	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	37					Võ Thị Lắm (60728)	
4125	251MMC41003	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	43					Võ Thị Lắm (60728)	
4126	251MMC41004	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		09/12/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4127	251MMC41005	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	30					Võ Thị Lắm (60728)	
4128	251MMC41006	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Võ Thị Lắm (60728)	
4129	251MMC41007	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		11/11/2025		Đào Thị Xuân Hường (60979)	
4130	251MMC41008	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	35					Võ Thị Lắm (60728)	
4131	251MMC41009	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Võ Thị Lắm (60728)	
4132	251MMC41010	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tiểu luận		14/12/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4133	251MMC41011	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	46					Võ Thị Lắm (60728)	
4134	251MMC41012	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Võ Thị Lắm (60728)	
4135	251MMC41016	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		17/12/2025		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4136	251MMC41017	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	42					Nguyễn Thị Thanh Giang (61443)	
4137	251MMC41018	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	38					Nguyễn Thị Thanh Giang (61443)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4138	251MMC41022	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		17/12/2025		Đào Thị Xuân Hương (60979)	
4139	251MMC41023	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	50					Võ Thị Lắm (60728)	
4140	251MMC41024	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	30					Võ Thị Lắm (60728)	
4141	251MMC42501	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	59	Tiểu luận		12/11/2025		Lê Công Hiếu (60834)	
4142	251MMC42502	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	22					Lê Công Hiếu (60834)	
4143	251MMC42503	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	37					Lê Công Hiếu (60834)	
4144	251MMC42504	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45	Tiểu luận		16/12/2025		Lê Công Hiếu (60834)	
4145	251MMC42506	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	45					Lê Công Hiếu (60834)	
4146	251MMC42507	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tiểu luận		15/11/2025		Lê Công Hiếu (60834)	
4147	251MMC42508	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	33					Lê Công Hiếu (60834)	
4148	251MMC42509	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	46					Lê Công Hiếu (60834)	
4149	251ACC30401	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		01/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4150	251ACC30402	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4151	251ACC30403	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		01/12/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4152	251ACC30404	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4153	251ACC30405	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		21/11/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4154	251ACC30406	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4155	251ACC30407	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		21/11/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4156	251ACC30408	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4157	251ACC30409	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		29/11/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4158	251ACC30410	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4159	251ACC30501	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Thực hành		29/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4160	251ACC30502	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	43					Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4161	251ACC30503	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Thực hành		27/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4162	251ACC30504	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	52					Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4163	251ACC30505	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		27/11/2025		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
4164	251ACC30506	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
4165	251ACC30511	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		29/11/2025		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4166	251ACC30512	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4167	251ACC30513	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Thực hành		29/11/2025		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4168	251ACC30514	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Khoa Kế toán - Tài chính	41					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4169	251MAR43601	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong Marketing	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Đồng Minh Nhi (61431)	
4170	251HOS43201	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	BMT002 (25) ; BMT004 (25)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4171	251HOS43202	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	13h30	26/12/2025	DMT019 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4172	251HOS43203	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	50	Trắc nghiệm	08h00	12/12/2025	DMT018 (50)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4173	251SOC31401	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	32	Thực hành		18/11/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
4174	251BIO46501	Vaccine và ứng dụng vaccine	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	46	Trắc nghiệm	13h30	25/12/2025	BPH008 (23) ; BPH009 (23)	Nguyễn Thành Vũ (60325)	
4175	251SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	13h30	10/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4176	251SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	93	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	DPH009 (33) ; DPH017 (30) ; DPH022 (30)	Du Quốc Đạo (60734)	
4177	251SOS10203	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4178	251SOS10204	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4179	251SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	128	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	DPH005 (38) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4180	251SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4181	251SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	BPH007 (38) ; BPH013 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4182	251SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4183	251SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4184	251SOS10210	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Dương Thị Loan (60190)	
4185	251SOS10211	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	BPH007 (40) ; BPH105 (40)	Dương Thị Loan (60190)	
4186	251SOS10212	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	96	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	BPH014 (32) ; DPH017 (32) ; DPH020 (32)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4187	251SOS10213	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	114	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (37) ; BPH109 (37)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4188	251SOS10214	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	128	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH014 (32) ; BPH110 (32) ; DPH017 (32) ; DPH020 (32)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4189	251SOS10215	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	128	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	DPH009 (34) ; DPH014 (34) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4190	251SOS10216	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	BPH007 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4191	251SOS10217	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4192	251SOS10218	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
4193	251SOS10219	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
4194	251SOS10220	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4195	251SOS10221	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	BPH013 (37) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH109 (38)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4196	251SOS10222	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	BPH013 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4197	251SOS10223	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4198	251SOS10224	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)	
4199	251SOS10225	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	15/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)	
4200	251SOS10226	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	BPH013 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)	
4201	251SOS10227	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4202	251SOS10228	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4203	251SOS10229	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	149	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	BPH014 (30) ; BPH102 (30) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4204	251SOS10230	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	149	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (74)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4205	251SOS10231	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	118	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	BPH013 (38) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Huỳnh Hoàng Ba (60936)	
4206	251SOS10233	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4207	251SOS10234	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4208	251SOS10235	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Đinh Thị Huệ (61463)	
4209	251SOS10236	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Đinh Thị Huệ (61463)	
4210	251SOS10237	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	148	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	BPH102 (37) ; BPH103 (37) ; BPH104 (37) ; BPH105 (37)	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)	
4211	251SOS10238	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH007 (40) ; BPH112 (30) ; DPH006 (80)	Đinh Thị Huệ (61463)	
4212	251SOS10239	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	148	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	BPH106 (37) ; BPH107 (37) ; BPH108 (37) ; BPH109 (37)	Trần Thanh Tuấn (61167)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4213	251SOS10240	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	149	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	BPH007 (30) ; BPH014 (29) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
4214	251SOS10241	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	149	Trắc nghiệm	08h00	15/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (29) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Anh Tuấn (60300)	
4215	251SOS10242	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	09h40	15/12/2025	DPH005 (75) ; DPH006 (75)	Lê Anh Tuấn (60300)	
4216	251SOS10243	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Đinh Thị Huê (61463)	
4217	251SOS10244	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Đinh Thị Huê (61463)	
4218	251SOS10245	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	BPH007 (40) ; BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4219	251SOS10246	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40) ; DPH014 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4220	251SOS10247	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	08h00	01/12/2025	BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30) ; DPH020 (30)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4221	251SOS10248	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	BPH007 (40) ; DPH009 (40) ; DPH014 (40)	Trần Thị Ngọc Lan (60836)	
4222	251SOS10249	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	09h40	08/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4223	251SOS10250	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	BPH007 (40) ; BPH106 (40) ; DPH016 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4224	251SOS10251	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	119	Trắc nghiệm	09h40	01/12/2025	BPH103 (40) ; BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4225	251SOS10252	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
4226	251SOS10253	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	09h40	02/12/2025	BPH106 (40) ; BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
4227	251SOS10254	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	BPH013 (40) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4228	251SOS10255	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	120	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40) ; DPH009 (40)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
4229	251SOS10256	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	26/12/2025	BPH007 (38) ; DPH009 (37) ; DPH014 (37) ; DPH016 (38)	Vũ Nhật Tân (60852)	
4230	251SOS10257	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	08h00	02/12/2025	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Vũ Nhật Tân (60852)	
4231	251SOS10258	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	80	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Vũ Nhật Tân (60852)	
4232	251SOS10259	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	150	Trắc nghiệm	08h00	26/12/2025	DPH004 (75) ; DPH005 (75)	Trần Thị Ngọc Lan (60836)	
4233	251SOS10260	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	118	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	BPH007 (38) ; BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Đinh Thị Huệ (61463)	
4234	251SOS10261	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	118	Trắc nghiệm	08h00	08/12/2025	BPH103 (43) ; DPH005 (75)	Đinh Thị Huệ (61463)	
4235	251SOS10262	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	88	Trắc nghiệm	13h30	05/12/2025	BPH109 (40) ; DPH006 (48)	Mai Hữu Khôi (61498)	
4236	251SOS10263	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	88	Trắc nghiệm	15h10	05/12/2025	DPH006 (48) ; DPH009 (40)	Nguyễn Mạnh Tiến (61499)	
4237	251SOS10264	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	88	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	DPH005 (44) ; DPH006 (44)	Nguyễn Văn Gia Thụy (61137)	
4238	251SOS10265	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	88	Trắc nghiệm	09h40	04/12/2025	BPH104 (40) ; DPH004 (48)	Nguyễn Mạnh Tiến (61499)	
4239	251SOS10266	Văn hiến Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	87	Trắc nghiệm	13h30	08/12/2025	BPH107 (44) ; BPH108 (43)	Nguyễn Văn Gia Thụy (61137)	
4240	251TOU32401	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
4241	251TOU32402	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	50	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
4242	251TOU32403	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	55	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4243	251TOU32404	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	56	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
4244	251TOU32405	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
4245	251TOU32406	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
4246	251TOU32407	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phùng Thu Trinh (61320)	
4247	251TOU32408	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Phùng Thu Trinh (61320)	
4248	251TOU32409	Văn hóa ẩm thực	3.00	Khoa Du lịch	70	Tiểu luận		28/12/2025		Nguyễn Thị Vân (03013)	
4249	251ENG49301	Văn hóa Anh - Mỹ	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	13h30	11/12/2025	DPH006 (50)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
4250	251ENG49302	Văn hóa Anh - Mỹ	2.00	Khoa Ngoại ngữ	50					Nguyễn Thị Tấn (25151)	
4251	251ENG49303	Văn hóa Anh - Mỹ	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	11/12/2025	HEC703 (40)	Nguyễn Trường Giang (60976)	
4252	251ENG49304	Văn hóa Anh - Mỹ	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Trường Giang (60976)	
4253	251BUS43101	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Văn Chiến (61434)	
4254	251BUS43102	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Văn Chiến (61434)	
4255	251BUS43103	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Duy Trường (61428)	
4256	251BUS43104	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận		20/12/2025		Nguyễn Duy Trường (61428)	
4257	251BUS43105	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	64	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4258	251BUS43106	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận		20/12/2025		Đinh Thị Mừng (61069)	
4259	251JAP35301	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	HEC503 (40)	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4260	251JAP35302	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4261	251JAP35303	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	HEC703 (38)	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4262	251JAP35304	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	38					Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4263	251JAP35305	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36	Trắc nghiệm	09h40	03/12/2025	HEC605 (36)	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4264	251JAP35306	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	36					Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
4265	251JAP48201	Văn hóa Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	1	Tiểu luận		26/12/2025		Trương Thanh Tùng (60283)	
4266	251LIT31401	Văn học Nga	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	32	Tự luận 60	15h10	01/12/2025	BPH112 (32)	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)	
4267	251JAP48301	Văn học Nhật Bản	2.00	Khoa Ngoại ngữ	29	Tiểu luận		26/12/2025		Phạm Thu Phượng (25049)	
4268	251LIT33101	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	88	Tự luận 60	15h10	26/12/2025	BPH107 (44) ; BPH109 (44)	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
4269	251LIT33102	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Tự luận 60	15h10	26/12/2025	BPH108 (36)	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
4270	251LIT31701	Văn học Trung Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tự luận 60	09h40	26/12/2025	BPH104 (30) ; BPH105 (30)	Lê Đình Khanh (04086)	
4271	251LIT31702	Văn học Trung Quốc	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Tự luận 60	09h40	26/12/2025	BPH107 (36)	Lê Đình Khanh (04086)	
4272	251MMC30501	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		14/11/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4273	251MMC30502	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tiểu luận		14/11/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
4274	251MMC30503	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		18/11/2025		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
4275	251MMC30504	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		18/11/2025		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
4276	251MMC30505	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		12/11/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
4277	251MMC30506	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		12/11/2025		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)	
4278	251MMC30507	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	72	Tiểu luận		16/11/2025		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
4279	251MMC30508	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	73	Tiểu luận		16/11/2025		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
4280	251MMC30509	Văn học ứng dụng	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		20/11/2025		Phạm Kim Ngân (61340)	
4281	251LIT33001	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53	Tự luận 60	13h30	01/12/2025	BPH014 (26) ; BPH112 (27)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4282	251LIT33002	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	53					Hồ Văn Quốc (04129)	
4283	251LIT33003	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	65	Tự luận 60	13h30	01/12/2025	DPH020 (30) ; DPH022 (35)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4284	251LIT33004	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	65					Hồ Văn Quốc (04129)	
4285	251LIT32701	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		23/10/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4286	251LIT32702	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	66	Tiểu luận		23/10/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4287	251LIT32703	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	45	Tiểu luận		03/12/2025		Lê Dương Khắc Minh (60387)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4288	251NAS20401	Vật lý đại cương	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	68	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	BPH007 (34) ; DPH009 (34)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4289	251NAS20402	Vật lý đại cương	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	68	Tự luận 90	13h30	22/12/2025	BPH106 (34) ; BPH108 (34)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4290	251NAS20403	Vật lý đại cương	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	68	Tự luận 90	13h30	23/12/2025	BPH102 (38) ; BPH110 (30)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4291	251NAS20404	Vật lý đại cương	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	70	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	DPH006 (70)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4292	251NAS20405	Vật lý đại cương	3.00	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	70	Tự luận 90	13h30	25/12/2025	DPH005 (70)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4293	251NUR40501	Vi sinh	2.00	Khoa Y Dược	60	Trắc nghiệm	09h40	09/12/2025	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Nguyễn Phú Vinh (61028)	
4294	251NUR40502	Vi sinh	2.00	Khoa Y Dược	27	Trắc nghiệm	15h10	09/12/2025	BMT002 (27)	Nguyễn Phú Vinh (61028)	
4295	251NUR40503	Vi sinh	2.00	Khoa Y Dược	40	Trắc nghiệm	09h40	12/12/2025	DMT019 (40)	Võ Văn Hải (60837)	
4296	251PUR41501	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Thị Phước (60765)	
4297	251PUR41502	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	70	Tiểu luận		16/11/2025		Nguyễn Thị Phước (60765)	
4298	251PUR42501	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4299	251PUR42502	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH102 (40) ; BPH104 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4300	251PUR42503	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4301	251PUR42504	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4302	251PUR42505	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	80	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	DPH009 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4303	251PUR42506	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	79	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	DPH009 (40) ; DPH014 (39)	Phạm Thị Hương (04042)	
4304	251PUR42507	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	73	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	DPH006 (74)	Phạm Thị Hương (04042)	
4305	251PUR42508	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	74	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	DPH005 (74)	Phạm Thị Hương (04042)	
4306	251PUR42509	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	BPH103 (41)	Hồ Xuân Mai (04110)	
4307	251PUR42510	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tự luận 60	09h40	16/12/2025	DPH016 (40)	Hồ Xuân Mai (04110)	
4308	251PUR42511	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	50	Tự luận 60	15h10	04/12/2025	BPH014 (25) ; DPH020 (25)	Hồ Xuân Mai (04110)	
4309	251PUR42512	Viết và biên tập tin	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	51	Tự luận 60	13h30	16/12/2025	DPH006 (51)	Hồ Xuân Mai (04110)	
4310	251SOC45401	Xã hội học đô thị	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	36	Tiểu luận		18/11/2025		Nguyễn Duy Hải (04003)	
4311	251SOC45501	Xã hội học nông thôn	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	44	Tiểu luận		16/11/2025		Đào Quang Bình (04111)	
4312	251SOC43601	Xã hội học quản lý	3.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	40	Tiểu luận		20/11/2025		Hoàng Minh Phú (61033)	
4313	251SOC45601	Xã hội học tổ chức	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	33	Tiểu luận		22/10/2025		Nguyễn Tất Thành (04126)	
4314	251JAP48401	Xã hội Nhật Bản đương đại	2.00	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		28/12/2025		Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
4315	251NUR20101	Xác suất thống kê Y học	2.00	Khoa Y Dược	2	Bài tập lớn		28/12/2025		Nguyễn Phi Hùng (60340)	
4316	251INT449101	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	51	Trắc nghiệm	15h10	01/12/2025	HEC503 (51)	Dương Trọng Khang (60775)	
4317	251INT449102	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3.00	Khoa Công nghệ thông tin	51					Nguyễn Huỳnh Hải Viễn (60639)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4318	251MAR43701	Xây dựng kế hoạch bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận		30/11/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4319	251MAR43702	Xây dựng kế hoạch bán hàng	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	61	Tiểu luận		30/11/2025		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4320	251PUR42201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	59	Tiểu luận		23/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4321	251PUR42202	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		11/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4322	251PUR42203	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		23/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4323	251PUR42204	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		11/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4324	251PUR42205	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4325	251PUR42206	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4326	251PUR42207	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		24/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4327	251PUR42208	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		05/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4328	251PUR42209	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4329	251PUR42210	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		13/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4330	251PUR42211	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		25/10/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4331	251PUR42212	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2.00	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	60	Tiểu luận		13/12/2025		Trần Thị Hòa (08002)	
4332	251MAR43001	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Khoa chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4333	251MAR43002	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3.00	Khoa Kinh tế - Quản trị	63	Tiểu luận		20/12/2025		Quảng Thị Phương (61389)	

Ghi chú:

- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
- Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi;
- **Sinh viên phải mang theo Căn cước/Căn cước công dân còn hiệu lực và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;**
- Đối với các hình thức thi: báo cáo, bài tập lớn, biểu diễn, đồ án, khóa luận, thực hành, tiểu luận, Sinh viên nộp bài theo thời gian tại cột " **Ngày thi** ";
- Ngày dự kiến cập nhật điểm lên hệ thống là 10 ngày kể từ ngày Giảng viên nộp điểm về TT. KT&ĐBCL, Sinh viên thường xuyên vào Portal để kiểm tra các thông tin liên quan;
- Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐT, BDH (để b/c);
- Các Khoa/Viện (để t/h);
- Các ban: QLĐT, QLCSVC, TC; TT. CSNH (để phối hợp)
- Lưu: VT, TT. KT&ĐBCL.

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết